CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG — **HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO** — SỐ 8 - THÁNG 12.2009

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **ĐỨC PHẬT VÀ ĐẠO ĐỨC** *(HT. Thích Trí Chơn), trang 1*
- **BA CÕI BẤT AN - Lá thư Chủ nhiệm số 2,** *(Ht. Thích Nguyên Trí), trang 2*
- **BÊN THỀM CHÂN NHƯ** *(thơ Ht. Thích Thắng Hoan), trang 2*
- **THU VỀ** *(thơ Ht. Thích Tín Nghĩa), trang 2*
- **ƯU-BÀ-CÚC-ĐA, MỘT CHUYỆN CỔ TÍCH, MỘT BÀI THƠ VÀ MỘT VỞ KỊCH** *(Hoàng Phong), trang 4*
- **ẢO ẢNH** *(thơ Vũ Tiến Lập), tr. 6*
- **XÂY DỰNG GIÁO HỘI** *(Ht. Thích Huyền Quang & Ht. Thích Nhất Hạnh), trang 7*
- **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH - tiếp theo** *(Ht. Thích Thắng Hoan), trang 9*
- **BÁT QUAN TRAI-GIỚI - tiếp theo** *(Thích Tuệ Sỹ), trang 10*
- **NHỮNG DẤU LẶNG LANG THANG** *(thơ Nguyễn Lương Vy), trang 11*
- **THƯ CUNG THỈNH THAM DỰ LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC TẠI TU VIỆN PHÁP VƯƠNG** *(Tt. Thích Nguyên Siêu), trang 12*
- **ĐÔI ĐIỀU VỚI LIÊN THÀNH VỀ "BIẾN ĐỘNG MIỀN TRUNG"** *(Trần Kiêm Đoàn), trang 13*
- **MỘT MÌNH THẮP ĐUỐC GỌI NIỀM TIN** *(thơ Trần Kiêu Bạc), trang 16*
- **TIỂU SỬ H.T. THÍCH THIỆN MINH** *(Nguyên Ngọc sưu tầm), trang 17*
- **ĐỘNG LÒNG** *(Mã Nhược Mai), trang 17*
- **HÒA THƯỢNG WONHYO** *(Thích Nguyên Hải dịch), trang 18*
- **GHPGVNTN HOA KỲ CẦU NGUYỆN NẠN NHÂN BÃO LỤT VÀ TẶNG THÂN BẤT NHÃ** *(Cổ Ngưu - Việt Báo), trang 19*
- **HÃY LÊN TIẾNG** *(thơ Bạch Xuân Phẻ), trang 19*
- **CHIỀU BUỒN, BẤT CHỢT, GIÂY PHÚT TINH KHÔI** *(thơ Dương Kiều Nhi), trang 20*
- **HÓA TRANG** *(Vĩnh Hảo), tr. 20*
- **NIỆM CHẾT** *(Chiêu Hoàng), t. 21*
- **KHUYÊN NHỦ, BỎ LẠI ĐÀNG SAU, CHE BÀN TAY LẠI...** *(thơ Phù Du), trang 21*
- **BUỔI CƠM CHAY THƯƠNG VỀ MIỀN TRUNG** *(Tt. Thích Thông Hải)* **VÀ HÌNH ẢNH CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO LỤT,** *trang 22*
- **PHẬT NGỌC HÒA BÌNH VÀ XÚC ĐỊA ẤN** *(Nguyên Thần), 5*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 26*

ĐỨC PHẬT VÀ ĐẠO ĐỨC

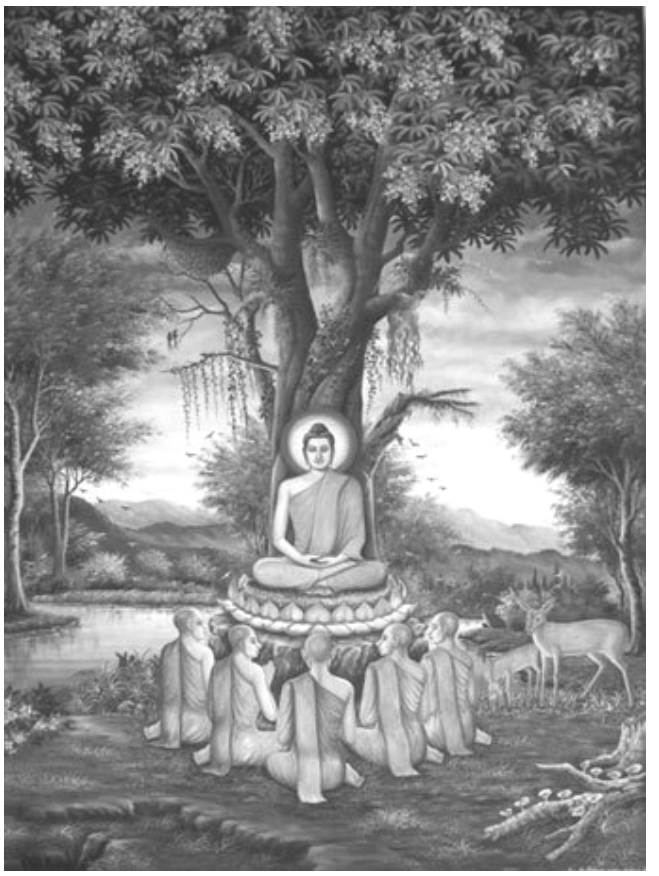

Nguyên tác: ***Dr. K. Dhammananda Thera***

Dịch giả: ***HT. Thích Trí Chơn***

Đức Phật là hiện thân của mọi đức tánh mà Ngài đã dạy. Suốt trong 45 năm với mọi thành công rực rỡ và vĩ đại, đức Phật đã giảng truyền giáo lý của Ngài bằng hành động, cùng chỉ bày cho chúng sanh nhận thức rõ những mê lầm và dục vọng căn bản của kiếp người. Những nguyên tắc đạo đức của Ngài là một phương pháp độ người hoàn hảo nhất chưa bao giờ được xuất hiện trên thế giới.

Hơn 25 thế kỷ, hàng triệu người đã tìm thấy qua giáo lý của Ngài, bao nguồn khích lệ và an ủi. Ngày nay, sự cao cả đó vẫn còn chói rực như mặt trời xóa tan những ánh sáng vàng yếu ớt và giáo pháp của Như Lai cũng đã gọi mời bao khách trần chán nhàm dục vọng đi vào cảnh giới Niết Bàn, vĩnh cửu và an lạc. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Ngài đã khuyên răn, kêu gọi con người không nên sát hại sinh mạng và giết vật cúng tế cho các Thần linh.

Theo đức Phật, tôn giáo không phải là một cuộc mặc cả điều đình mà là con đường dẫn đến toàn giác. Như Lai không muốn tín đồ mù quáng theo đạo Ngài mà phải tin tưởng một cách sáng suốt. Sự xuất hiện của đức Phật đã cứu thoát và đem lại cho tất cả chúng ta niềm an lạc vô biên. Thật vậy, nhân loại đã được hưởng nhiều ân lành với sự giáng thế của Ngài. Không bao giờ đức Phật không xót thương với bất cứ kẻ nào, cả đến những người chống đối và thù nghịch với Ngài.

Lúc Phật còn tại thế, có vài kẻ đã chống báng và cố tình ám hại Như Lai, nhưng Ngài vẫn không bao giờ xem như thù địch mà còn dạy rằng: "*Như con voi xông trận ở chiến trường, bền bỉ chịu đựng những làn tên mũi đạn, Ta cũng vậy, sẽ nhẫn nhục điềm nhiên trước những lời thóa mạ vu khống, ác ý của mọi người*". Danh từ "nguyền rủa", đức Phật không bao giờ biết đến. Trong lịch sử loài người, chưa có nhân vật nào được ghi chép là đã hy sinh đời mình cho hạnh phúc chúng sanh như đức Phật. Từ lúc đầu tiên chứng ngộ đến phút cuối cùng thị tịch, Ngài đã không mệt mỏi nỗ lực cứu độ chúng sanh. Mỗi ngày đức Phật chỉ nghĩ có hai giờ. Mặc dù đức Như Lai đã nhập diệt hơn 25 thế kỷ, nhưng bức thông điệp từ bi và trí tuệ của Ngài vẫn đang còn tồn tại trong sự suy tinh túy ban sơ và ảnh hưởng quyết định đến vận mệnh của loài người. Đức Phật là nhân vật có lòng từ bi nhất, đấng đã chiếu sáng thế giới khổ đau này bằng một tình thương bao la.

Ngài đã nhập Niết Bàn và để lại cho nhân loại một thông điệp bất tử. Bức thông điệp sống động ấy vẫn còn tồn tại với chúng ta. Trong lịch sử, không có lúc nào mà thế giới cần thiết nó hơn lúc này, khi chúng ta phải đương đầu với sự đe dọa trầm trọng của nền hòa bình thế giới. Đức Phật đã thị hiện để xóa tan bóng tối vô minh và cứu thế giới nhân loại thoát khỏi mọi khổ đau sanh, già, bệnh chết. Điều đáng ghi nhận là một vài tôn giáo đã dạy rằng có những vị Thần thỉnh thoảng hiện xuống thế giới này để trừng phạt những kẻ ác và phò trợ cho những người thiện, nhưng trái lại đức Phật dạy Ngài giáng thế không phải để diệt trừ những kẻ xấu mà cốt chỉ bày cho họ con đường giải thoát chân chính.

Trước ngày đức Thế Tôn ra đời, trong lịch sử thế giới có bao giờ chúng ta nghe có một vị giáo chủ nào đầy lòng thương nhân loại đau khổ như thế chăng? Vài thế kỷ sau đức Phật, chúng ta được biết có vài nhà hiền triết Hy Lạp như Socrate, Plato và Aristotle, nhưng họ chỉ là những bậc đi tìm chân lý và tư tưởng gia hẹp hòi, chứ những vị này không bao giờ đề cập đến lòng từ bi đối với mọi chúng sanh đau khổ. Họ cũng không chủ trương nên xót thương các loài vật nhỏ bé. Con đường cứu thoát nhân loại của đức Phật, nhằm chỉ bày những phương pháp giúp con người có thể đạt được kết quả giải thoát hoàn toàn chứ không phải chỉ mong xoa dịu cho chúng ta trong vài trường hợp bớt khổ đau về thân xác mà thôi.

BA CÕI BẤT AN

(Lá thư Chủ nhiệm số 2)

Nhìn lại lịch sử thế giới từ xưa đến ngày nay, đã có biết bao biến động, chiến tranh, khủng bố, thiên tai, khổ nạn... xảy đến với nhân loại. Người ta thường nhìn lại các tang thương và dấu tích khổ hoạn của quá khứ để phân tích, tìm hiểu nguyên do, từ đó, có thể dự đoán phần nào các hiểm họa sắp xảy đến mà né tránh, không muốn dẫm lại vết xe cũ. Nhưng dù thế nào thì biệt nghiệp cá nhân cũng khó thoát khỏi ảnh hưởng của cộng nghiệp.

Cộng nghiệp của thế giới Ta-bà này là cộng nghiệp vô thường, thống khổ, đã được Đức Phật huấn thị nhiều lần trong kinh điển, được nêu lên như là chân lý đầu tiên (Khổ đế trong Tứ đế) khi Ngài bắt đầu chuyển vận bánh xe Chánh Pháp; và trong kinh Pháp Hoa thì diễn tả bằng một hình ảnh sống động, thực tiễn: *"Tam giới bất an do như hỏa trạch"* (ba cõi bất an như trong nhà lửa).

Chúng ta đang sống trong ngôi nhà lửa. Lửa đây là phiền não, là tham, sân, si, đốt cháy thân và tâm chúng ta từng giây phút, thiêu hủy thế giới Ta-bà từng sát-na. Vì tham lam tài lợi và sắc đẹp, danh vọng và quyền lực, người ta sẵn sàng dẫm đạp, tranh giành, triệt hạ, vu khống... kẻ khác. Vì sân hận, thù ghét, đố kỵ, người ta sẵn sàng chụp mũ, xuyên tạc, chưởi bới, mạ lỵ, thậm chí đánh đập, giết hại kẻ có tài đức hoặc địa vị vượt trội hơn mình. Vì si mê, cuồng tín, người ta không bao giờ chịu tìm hiểu con người và sự kiện một cách khách quan, luôn giữ thành kiến và nhận thức một chiều của mình, dẫn đến những ý nghĩ, lời nói và hành động vô minh, độc tài, hiếu chiến, khủng bố, tổn hại đến tha nhân, đồng loại.

Để đối trị Tham, Sân, Si (tam độc), Phật dạy Giới, Định, Tuệ (Tam tuệ học). Muôn ngàn pháp môn của Phật giáo đều được triển khai từ Tam tuệ học này. Giới để trị *tham;* Định để trừ *sân;* Tuệ để phá *si mê.* Những gì người con Phật chân chánh thực hành đều không ra khỏi Tam tuệ học ấy. Và đó cũng là chủ trương của báo Chánh Pháp. Nói cụ thể hơn, để ra khỏi nhà lửa, chúng ta thực hành Bát Chánh Đạo. Thực hành Bát Chánh Đạo chính là thể nghiệm Chánh Pháp; mà Bát Chánh Đạo cũng được xây dựng trên nền tảng của ***Giới*** (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), ***Định*** (chánh tinh tấn, chánh định), ***Tuệ*** (chánh kiến, chánh tư duy, chánh niệm).

Trong tinh thần đó, báo Chánh Pháp chuyên tâm vào việc phổ biến giáo lý thâm diệu của Phật bằng chánh ngữ, ái ngữ, và trên cơ sở của Tam tuệ học; nhưng trong trường hợp cần thiết, báo Chánh Pháp cũng sẽ dùng diễn đàn của người phật-tử để soi sáng một số vấn đề thuộc về lịch sử đạo Phật Việt Nam, mục đích không ngoài việc giúp cho phật-tử và độc giả có cái nhìn trung thực về Phật giáo.

Để hỗ trợ ban chủ trương trong việc truyền bá Chánh Pháp, bảo vệ sự trong sáng của Đạo Phật Việt Nam, kính mong chư tôn đức Tăng Ni, chư vị văn thi hữu phật-tử, đóng góp thơ, văn, tiểu luận, tài liệu lịch sử, v.v... mang chủ đề Phật giáo. Các tin tức sinh hoạt bằng tường thuật và hình ảnh của các tự viện tại địa phương cũng xin gửi về để báo Chánh Pháp giới thiệu và quảng bá đến độc giả khắp nơi. Được như vậy thì nội dung Chánh Pháp sẽ khởi sắc và mang tính phổ quát hơn.

Kính tri ân quý vị, và xin một lần nữa, ôn lời Phật dạy, tâm niệm rằng chúng ta đang sống trong ngôi nhà lửa đầy bất an, vô thường, biến hoại. Chỉ có sự huân tu Giới, Định, Tuệ mới là cách duy nhất để ra khỏi căn nhà lửa ấy.

California, ngày 20 tháng 11 năm 2009
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

BÊN THỀM CHÂN NHƯ

Lăng Già trăng tỏ ngoài hiên
Sáng soi công án bên thềm Chân Như
Biết Bàn hiển lộ vô dư
Thiền hương thơm ngát vần thơ nhiệm mầu
Dòng sông tịnh thủy dạt dào
Từ bi chất liệu thấm vào nguyên sinh
Con thuyền Bát Nhã chân minh
Quay về bến giác lộ trình Không Môn
Kim Cang đỉnh ngự vân am
Bảo châu hoà khúc Pháp Âm diệu thường
Hoa Nghiêm duyên khởi mở đường
Nối liền chân vọng, khơi nguồn trí năng
Mênh mông thế giới ba ngàn
Hạt sương thâu gọn nằm trang kinh cầu
Nụ cười giải thể niềm đau
Tiếng chuông tỉnh mộng sạch lào trần ai
Thảnh thơi dạo gót trang đài
Qua cầu vọng nguyệt hát bài Vô Ngôn.

THÍCH THẮNG HOAN

(Trích trong Thắng Hoan Thi Tập)

THU VỀ

Nhìn thân cây đổ lá,
Lác đác chỉ màu vàng,
Gió heo may thổi nhẹ,
Ô hay! Mùa thu sang.

Khí trời vừa se lạnh,
Lòng tôi cũng lạnh theo,
Xa quê hương mấy độ,
Thả hồn vào hoang liêu.

Cảnh, người cùng tương cảm,
Thu về lá vàng rơi,
Lòng người cũng man mác,
Một nỗi buồn đơn côi.

Thu về, thu lại đi,
Chẳng mang theo được gì,
Chỉ lòng tôi hiu quạnh,
Cố quốc mãi biệt ly.

Cành cây nhuốm thắm lá vàng,
Lòng tôi man mác thu sang thấm buồn.
Buồn vương theo lá thu phong,
Đi vào lạnh giá, mùa đông khô tàn.

THÍCH TÍN NGHĨA

Connecticut, Sept. 30, 2009
Mạnh thu Kỷ sửu

THƯỢNG PHẨM THƯỢNG SINH

Hòa thượng

THÍCH THIỆN HƯƠNG

(1930-2009)

- Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN Hoa Kỳ
- Cố vấn Chứng minh chùa Bát Nhã
- Chứng minh đạo sư chùa Quang Thiện

Vì tuổi cao sức yếu, Hòa thượng đã thâu thần viên tịch vào lúc 10 giờ 15 tối thứ Sáu, 13.11.2009 (nhằm ngày 27 tháng 09 năm Kỷ Sửu) tại chùa Bát Nhã, 803 S. Sullivan St , Santa Ana , CA 92704, Hoa Kỳ. Trụ thế: 80 năm. Hạ lạp: 55 năm.

Kính cáo bạch đến chư tôn thiền đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa về ai tín này, đồng thời chia buồn cùng môn nhân pháp quyến của Hòa thượng.

Ngưỡng nguyện giác linh Hòa thượng cao đăng Phật quốc, sớm hồi nhập Ta-bà cứu độ chúng sanh.

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật
Thành kính phân ưu,

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

Lễ trà tỳ tại một lò hỏa táng ở thành phố Fullerton—ảnh: Tu viện Hộ Pháp

MỘT VÀI HÌNH ẢNH LỄ DI QUAN & TRÀ TỲ HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN HƯƠNG NGÀY 21.11.2009

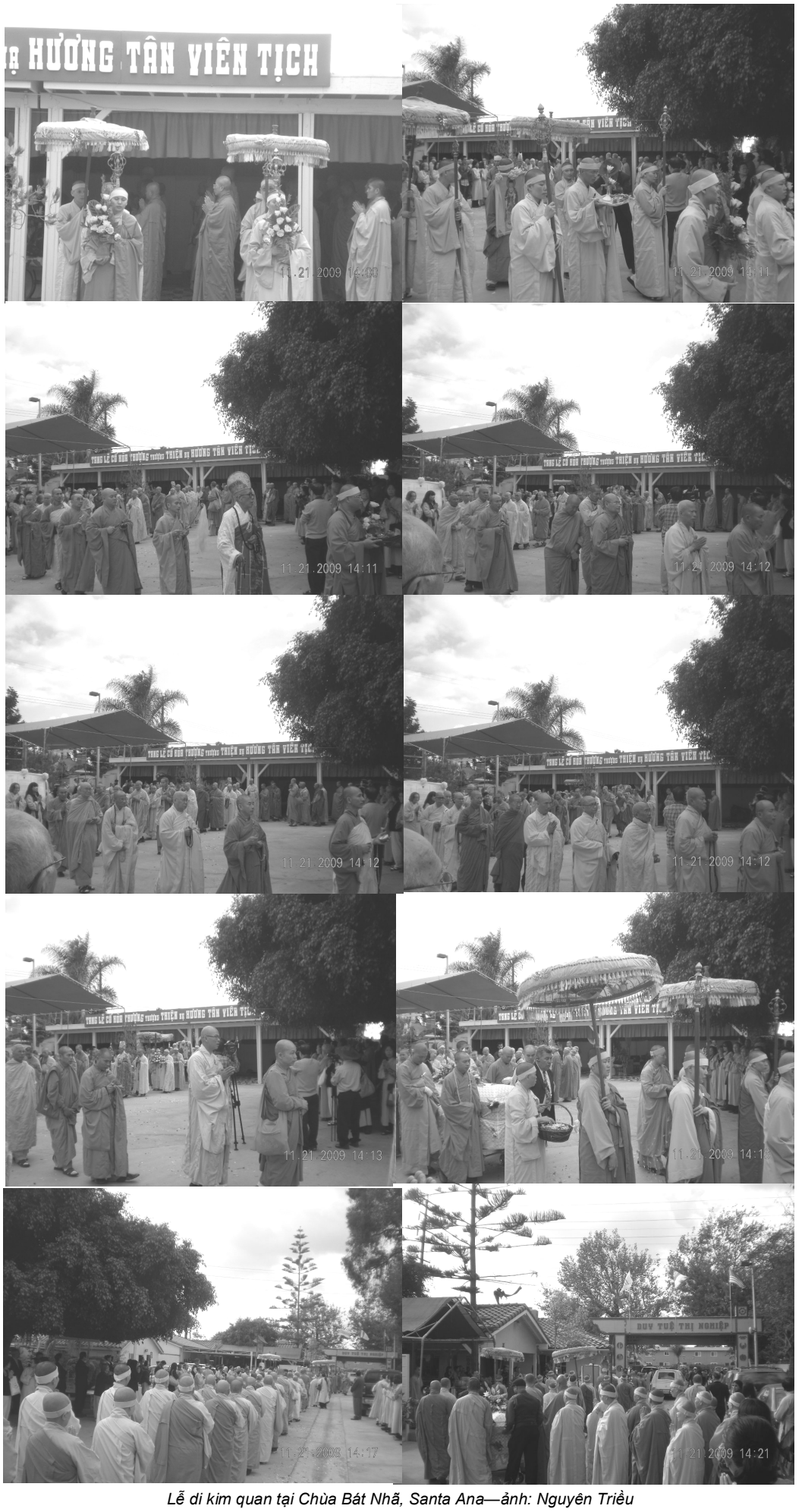

Lễ di kim quan tại Chùa Bát Nhã, Santa Ana—ảnh: Nguyên Triều

Ưu-bà-cúc-đa, một chuyện cổ tích, một bài thơ và một vở kịch

Hoàng Phong

Ưu-bà-cúc-đa (Upagupta) là một vị đại sư Phật giáo. Phái Bắc tông xem ông là vị tổ thứ tư của Thiền tông Ấn độ, còn Nam tông thì lại xem ông là một vị La-hán. Người ta tìm thấy những tư tưởng mang tính cách thiền học rất sâu sắc của ông trong rất nhiều giai thoại ghi chép trong kinh sách, tuy nhiên tên của ông cũng thấy xuất hiện trong các câu chuyện dân gian, kể cả những tác phẩm văn chương và nghệ thuật. Trong bài viết này ta thử chọn ba «tác phẩm» điển hình nói đến ông để trình bày dưới đây: thứ nhất là một câu chuyện cổ tích Ấn độ, thứ hai là một bài thơ của một đại văn hào và sau hết là một vở kịch. Những tác phẩm này được chọn trong mục đích làm một thí dụ điển hình giúp chúng ta suy tư và mở rộng một tầm nhìn về Phật giáo nói chung.

1- Một câu chuyện cổ tích

Vào thời Đức Phật còn tại thế, tại thành Mathura có một vũ nữ tên là Vasavadatta, sắc đẹp tuyệt vời và tài nghệ thì không ai bì kịp. Nói đến Vasavadatta thì cả thành phố ai cũng biết. Nhan sắc và tài múa hát của nàng đã khiến bao nhiêu người say mê, tuy nhiên nàng vẫn chưa tìm được một người đàn ông nào tâm đầu ý hợp.

Một buổi chiều nọ, khi ngồi bên cửa sổ nàng bỗng giật mình và bàng hoàng khi nhìn thấy một nhà sư trẻ tuổi đi ngang. Nhà sư này tên là Ưu-bà-cúc-đa và là một đệ tử rất nhiệt thành của Đức Phật. Vasavadatta cảm thấy mình như bị một tiếng sét ngang đầu. Nàng vội bảo người hầu gái chạy ra đường và mời nhà sư vào nhà.

Người hầu chạy ra gặp nhà sư và thưa rằng: «*Thưa Thầy, phu nhân của con là Vasavadatta mong ước được mời Thầy ghé vào nhà để được hầu tiếp*». Nhà sư ôn tồn trả lời: «*Không thể được, bây giờ chưa phải lúc, tuy nhiên tôi sẽ ghé thăm khi nào đúng lúc*».

Vasavadatta cho rằng nhà sư bối rối vì ghé thăm mà không có quà cáp gì cả, vì thói thường giới quý phái và giàu có thay phiên nhau đến tìm nàng và mang theo rất nhiều vàng và nữ trang để làm quà. Nghĩ thế nàng lại bảo người tớ gái chạy theo vị sư và bảo rằng nàng chỉ cần ông ghé thăm mà không cần phải có quà cáp gì cả. Lần này thì nhà sư vẫn trả lời thật nhã nhặn nhưng kiên quyết hơn: «*Không, không thể nào được. Chưa phải lúc để tôi đến thăm Vasavadatta*».

Vô cùng thất vọng và buồn khổ, nàng vũ nữ không còn lòng nào để nhảy múa nữa. Dân chúng xôn xao cả lên, và nhóm quý tộc thì tự hỏi: «Việc gì đã xảy ra như thế? Tại sao nàng bỗng dưng có vẻ đau buồn?». Riêng chỉ có người tớ gái là hiểu được nguyên do của nỗi khổ đau thầm kín đó và tìm cách giúp cho Vasavadatta khuây khỏa bằng cách khuyên cô ta hãy đi xem các tác phẩm của một nhà điêu khắc trẻ tuổi nổi tiếng nhất của thành phố Mathura.

Vasavadatta tỏ ra rất thích các bức tượng và nhà điêu khắc thì cũng kín đáo để ý đến sắc đẹp tuyệt vời của nàng. Vasavadatta bất chợt tìm thấy một bức tượng rất hợp ý bèn cất tiếng gọi nhà điêu khắc. Tiếng gọi của nàng làm đứt đoạn dòng tư tưởng miên man của nhà điêu khắc: «*Bức tượng này quả thật là đẹp. Giá bán thế nào? Tôi rất muốn mua bức tượng này?*». Nhà điêu khắc trẻ tuổi đáp lại rằng: «*Đắt lắm đấy*». Vasavadatta trả lời một cách tự phụ: «*Dù đắt mấy tôi cũng mua*». «*Bức tượng sẽ thuộc về cô, nếu cô đồng ý múa hát trở lại*». Vasavadatta tỏ vẻ do dự. Nhà điêu khắc liền nói: «*Thế là cô muốn nuốt lời hay sao? Cô đã đồng ý với bất cứ giá nào kia mà*». Vasavadatta buộc lòng phải giữ lời và sau đó đã múa hát trở lại. Mỗi lần trình diễn là khán giả nhiệt liệt vỗ tay tán thưởng, tuy nhiên trong lòng thì Vasavadatta vẫn ray rứt và đau buồn. Nàng vẫn thắc mắc «*Tại sao Ưu-bà-cúc-đa lánh xa nàng, trong khi hàng ngàn người chạy theo và chỉ muốn được nhìn thấy dung nhan của nàng mà thôi?*»

Nhà điêu khắc ngày càng chú ý đến Vasavadatta nhiều hơn và yêu cầu nàng làm người mẫu để ông tạc tượng. Khi nhìn thấy nhà điêu khắc hăng say làm việc, nàng bèn cất lời: «*Nghệ thuật khiêu vũ của tôi rồi đây cũng sẽ chết theo tôi, nhưng tài nghệ của ông sẽ lưu lại với thời gian và vượt qua những thế kỷ lâu dài*». Nhà điêu khắc đáp lời: «*Tôi hết sức sung sướng thấy tài năng của tôi đã mang lại sự khuây khỏa cho cô*».

Tuy nhiên chỉ được vài hôm sau thì bỗng nhiên nhà điêu khắc trẻ tuổi biến mất mà không ai tìm thấy ông đâu cả. Vasavadatta và người hầu gái rất thắc mắc và lo âu, nghĩ rằng nhà điêu khắc đã rời thành phố đi đâu đó. Thật hết sức bất ngờ là sau đó người ta lại tìm được xác của nhà điêu khắc không xa ngôi nhà của Vasavadatta.

Nhiều người cho biết ba ngày trước đó họ có trông thấy nhà điêu khắc trẻ tuổi đến nhà Vasavadatta. Thật sự ra thì những người từng đeo đuổi Vasadatta từ trước đã ghen tức và giết nhà điêu khắc trẻ tuổi rồi vùi xác cạnh nhà Vavasadatta để vu oan.

Nhà vua cho đòi Vasavadatta đến để tra hỏi nhưng vì bị chấn động quá sức, nàng không nói được một lời bào chữa nào cho hợp lý. Nhà vua bèn ra lệnh tịch thu hết tài sản và đuổi nàng ra khỏi thành phố Mathura. Dân chúng đổ xô chạy theo để ném đá vào nàng. Thương tích và máu me đầy người, Vasavadatta trốn vào một nơi hỏa táng người chết và có người hầu gái trốn theo để lo chăm sóc cho nàng. Những người đi đường khi trông thấy thì tìm đá để ném và nguyền rủa nàng: «Đáng kiếp cho một người hung ác».

Một hôm nhà sư Ưu-bà-cúc-đa đi ngang và chợt nhận ra Vasavadatta. Nàng đồng thời cũng nhận ra nhà sư ngày trước và vội bảo người hầu gái lấy quần áo quấn lên người và che cả mặt mày. Ưu-bà-cúc-đa ôn tồn nói: «*Này cô Vasavadatta, hôm nay tôi đã đến với cô đúng với sự mong ước của cô trước kia*». Nàng đáp lại: «*Thưa thầy, trước đây thầy xô bỏ tôi trong khi tất cả mọi người ngưỡng mộ tôi. Vậy lý do nào đã khiến Thầy lại đến với tôi hôm nay khi tôi không còn gì cả, ngoài đống thịt hôi thối và lở loét này*». Ưu-bà-cúc-đa nở một nụ cười tràn đầy từ bi và đáp lại rằng: «*Ngày đó cô đâu có cần đến tôi như hôm nay. Cô nên theo tôi về chùa để tôi chạy chữa những vết thương cho cô*».

Sau một thời gian tá túc tại chùa, những vết thương trên người và trên mặt của Vasavadatta đã lành nhưng sắc đẹp thì không còn nữa, vì thế nàng buồn khổ vô cùng. Thấy thế Ưu-bà-cúc-đa an ủi: «*Này Vasavadatta, cô buồn khổ vì sắc đẹp đã mất, tuy nhiên dù muốn hay không thì nó cũng sẽ mất khi tuổi trẻ không còn nữa. Và chính lúc này là lúc mà cô có thể tìm thấy một sắc đẹp khác thanh cao hơn, và chính cái sắc đẹp đó đang hiện hữu trong lòng cô. Hãy theo tôi đi nghe Đức Phật thuyết giảng, những lời của Ngài sẽ giúp cô tìm thấy an vui và hạnh phúc*».

Vasavadatta có ý tò mò và đi theo Ưu-bà-cúc-đa để nghe Đức Phật giảng xem sao. Hôm ấy Đức Phật giảng rằng: «*Các con không thể nào bảo cái thân xác là của các con. Khi nó đã bị ném đi thì chỉ làm mồi cho đàn kên kên mà thôi. Hãy thắp lên một ngọn nến trong lòng các con, các con sẽ tìm thấy an bình đích thực...*» Vasavadatta nghĩ đến ý nghĩa của câu nói ấy trong đầu và yên lặng nhẩm đi nhẩm lại: «*Hãy thắp lên ngọn nến trong lòng, an vui sẽ hiện ra... *»

Khi Đức Phật dứt lời, Vasavadatta chạy đến và phủ phục dưới chân Đức Phật để xin được cứu độ. Đức Phật cúi xuống đặt tay lên đầu Vasavadatta và nói với nàng rằng: «*Ta mong con tìm thấy sự an bình*».

Lời bàn:

Câu chuyện trên đây được thoát dịch từ một câu chuyện cổ tích của Ấn độ, do Kanai L. Mukherjee sưu tập. Sở dĩ gọi là thoát dịch vì có một vài chữ và vài câu đã được thay đổi đôi chút. Chẳng hạn như trong câu chuyện do tác giả kể thì Đức Phật giảng rằng: «*Các con hãy đốt lên ngọn lửa trong các con...*». Câu ấy không có nghĩa gì cả đối với Phật giáo, vì ngọn lửa là một khái niệm đặc thù của Ấn giáo dùng lửa để tẩy uế và tinh khiết hóa. Vì thế trong phần chuyển ngữ, người dịch đã mạn phép được đổi lại là thắp lên một ngọn nến, hay cũng có thể dịch là thắp lên một nén hương, cho có vẻ Phật giáo hơn.

Về địa danh thì thành phố Mathura (còn gọi là Madhura) ở vào vị trí đông nam của thủ đô New Dheli ngày nay, nằm trên trục lộ dẫn từ New Dheli đến Agra, và thị trấn Mathura thì cũng không cách xa Agra bao nhiêu, nơi tọa lạc của một kiến trúc nổi tiếng nhất Ấn độ là lăng tẩm Taj Mahal. Thành phố Mathura nằm bên bờ sông Yamuna là nơi sinh của thần Khrisna và theo truyền thuyết thì Đức Phật cũng có đi ngang nơi này.

Về nhân vật thì có nhiều điều cần phải minh chứng hơn. Trong câu chuyện cổ tích thì Ưu-bà-cúc-đa là đệ tử trực tiếp của Đức Phật. Điều này hoàn toàn sai vì theo các tư liệu và kinh sách thì Ưu-bà-cúc-đa là tổ thứ tư của Thiền tông, sau Ma-ha-ca-diếp, A-nan và Thương-na Hòa-tu. Dù sao thì ông cũng là một nhân vật lịch sử và nhiều tư liệu thì cho rằng ông là một trong những vị thầy của hoàng đế A-dục đã khuyên ông đi hành hương những thánh địa của Phật giáo. Theo một vài tư liệu tiếng Hán thì ông sinh một trăm năm sau khi Đức Phật tịch diệt. Vì thế Ưu-bà-cúc-đa không phải

là một đệ tử trực tiếp của Đức Phật. Nhân vật Vasavadatta thì nhất định là một sự tạo dựng. Tóm lại câu chuyện chỉ mượn tên của một nhân vật lịch sử Phật giáo để khoác lên một cái vẻ đích thực cho câu chuyện mà thôi.

Về phần nội dung thì câu chuyện nêu lên nhiều tình tiết éo le, oan trái, một tình yêu đam mê, những cảnh thương tâm..., những tình tiết ấy có thể làm cho những người nhậy cảm rơi nước mắt. Kỹ thuật và tình tiết tương tợ thường được khai thác trong các câu chuyện cổ tích, các vở hát chèo, cải lương v.v... Tuy nhiên câu chuyện đã đạt được mục đích sâu xa và chính yếu của nó, tức là trình bày một cách cụ thể khái niệm vô thường trong Phật giáo bằng những tình tiết hàm chứa nhiều xúc cảm có thể đi sâu vào lòng người nghe, khơi động sự thương cảm của họ.

Câu chuyện cổ tích trên đây cũng đã gợi ý và làm đề tài cho một bài thơ của một thi hào lừng danh sau đây. Vậy ta hãy xem bài thơ ấy ra sao.

2- Một bài thơ của Rabindranath Tagore

Bài thơ này được trích ra từ một tập thơ do chính Rabindranath Tagore tự tay tuyển chọn và chuyển ngữ ra tiếng Anh. Rabindranath Tagore (1861-1941), là một nhà văn, nhà soạn nhạc, soạn kịch và nhất là một thi hào có thể nói là lớn nhất của nước Ấn. Thơ của ông viết bằng tiếng mẹ đẻ là Bengali và thuộc loại thơ mới, còn gọi là thơ tự do. Ông đoạt giải Nobel văn chương vào năm 1913. Bài thơ được lược dịch như sau:

Ưu-bà-cúc-đa

Ưu-bà-cúc-đa, người đệ tử của Đức Phật,
nằm ngủ dưới chân tường thành Mathura.
Nhà nhà đóng cửa, không một ngọn đèn đêm.
Chẳng một vì sao,
ảm đạm mây đen che kín khung trời tháng tám.
Một người đi ngang suýt dẫm lên ngực nhà tu hành khổ hạnh,
chiếc vòng kiềng ở cổ chân bật lên rộn rã tiếng leng keng.
Giật mình người tu hành thức giấc,
ánh sáng từ chiếc đèn dầu trên tay một người thiếu nữ,
hắt vào đôi mắt sẫn sàng tha thứ của ông.
Hóa ra là một vũ nữ,
trang sức trên người lấp lánh như những vì sao đêm,
Khoác chiếc áo xanh màu nhạt, ngây ngất tuổi xuân thì.
Người thiếu nữ hạ thấp chiếc đèn, bỗng trông thấy một gương mặt thật trẻ,
nghiêm trang và thanh tú.
Người thiếu nữ cất lời: "Thưa vị tu hành trẻ tuổi, xin thứ lỗi cho tôi "
"Và xin được mời về nhà tôi nghỉ đêm. Mặt đất đầy bụi bặm đâu có phải là giường"
Người tu hành trẻ tuổi đáp lại: "Này cô, xin cô cứ bước theo con đường của cô,
tôi sẽ đến thăm cô khi thời gian đã chín".
Bất chợt một tia chớp giữa đêm đen,
chiếu sáng những chiếc răng trắng toát của người tu hành.
Một cơn dông nổi lên gầm thét một góc trời,
Người thiếu nữ rùng mình cảm thấy một nỗi lo sợ vu vơ.
Thế rồi chưa đầy một năm sau.
Vào một đêm xuân, giữa những ngày tháng tư,
cây cỏ hai bên đường nở hoa,
Xa xa tiếng sáo vui tươi, lướt trong gió xuân ấm áp.
Dân chúng kéo nhau vào rừng làm lễ hội mùa xuân.
Giữa bầu trời cao, con trăng tròn rọi xuống,
những chiếc bóng đêm trong thành phố im lìm.
Người tu hành trẻ tuổi bước đi trên con phố quạnh hiu,
Trên đầu, trong những cành xoài, vài con chim gáy,
cất lên những tiếng than vãn khôn nguôi.
Bước ra khỏi cổng thành phố,
Ưu-bà-cúc-đa dừng lại ở chân bờ tường thành,
Cạnh chân ông trên mặt đất,
có một người đàn bà đang nằm,
trong bóng tối của một khóm cây xoài.
Toàn thân người thiếu phụ, bịnh đậu mùa hoành hành,
lốm đốm những vết thương lở loét.
E sợ bịnh truyền nhiễm tác hại,
người ta vội vã đem vứt người thiếu phụ ra bên ngoài thành phố.
Người tu hành nâng đầu thiếu phụ đặt lên đầu gối mình,
Lấy nước thấm lên môi,
và lấy dầu đàn hương xoa cho người thiếu phụ.
Người thiếu phụ gượng hỏi: "Vị từ bi ơi, ngài là ai thế?"
Vị tu hành đáp lại: "Thế đó, thời gian đã chín rồi để tôi đến thăm cô,
và tôi đang ở bên cạnh cô đây".

Lời bàn:

Trong đêm tối, một thiếu nữ trẻ đẹp suýt dẫm lên ngực một người tu hành nằm ngủ trên mặt đất bên cạnh một bờ tường thành. Hai người gặp nhau trong một đêm tối trời, người thiếu nữ trang sức lấp lánh hạ thấp ngọn đèn dầu và nhìn thấy một gương mặt thật đẹp và trang nghiêm. Nhà tu khổ hạnh tuy không đèn nhưng ngọn đuốc trí tuệ đã giúp cho ông nhìn thấy những gì sẽ xảy ra cho người thiếu nữ. Giông bão bỗng vụt nổi lên ở góc trời và một tia chớp chiếu sáng những chiếc răng của ông..., đấy là những hình ảnh tượng trưng cho những điều tiên đoán không tốt lành đối với tương lai của người thiếu nữ. Người thiếu nữ run sợ và cảm thấy lo âu.

Thi hào Rabindranath Tagore không mượn lại bất cứ một diễn biến nào trong câu chuyện cổ tích mà ông chỉ tạo ra cho bài thơ của ông những hình ảnh thật mạnh và thật tương phản để diễn tả. Một đêm đen giông bão tượng trưng cho vô minh, tương phản với một đêm trăng sáng giữa mùa xuân tượng trưng cho giác ngộ. Hình ảnh một vũ nữ lộng lẫy hạ thấp một ngọn đèn, trên người thì nữ trang *lấp lánh* như những vì sao đêm, tương phản với hình ảnh một người thiếu phụ nằm trên mặt đất toàn thân *lốm đốm* những mụn đen lở loét của bệnh đậu mùa... Hai cuộc gặp gỡ tượng trưng cho hai giai đoạn đổi thay trong sự sống và những biến động của thời gian và đồng thời cũng đảo ngược vai trò của hai nhân vật chính trong câu chuyện. Trong lần gặp gỡ đầu tiên người thiếu nữ suýt đạp lên ngực nhà sư, trong lần gặp gỡ thứ hai người thiếu nữ nằm trên đất bên cạnh chân của người tu hành.

Người thiếu nữ ân cần mời Ưu-bà-cúc-đa về nhà, nhưng ông lại khuyên người thiếu nữ hãy cứ bước theo con đường của mình. Mặc dù nhìn thấy những gì sẽ xảy ra sau này cho người con gái nhưng ông không thể làm gì khác hơn, vì không thể nào khuyên một người thiếu nữ tuyệt đẹp, nổi danh và giàu sang hãy từ bỏ tất cả để bước theo con đường khổ hạnh như ông. Phật giáo không ép buộc hay khuyến dụ ai cả «*khi thời gian chưa chín*» có nghĩa là khi cơ duyên chưa hội đủ.

Giữa đêm xuân rạng rỡ, một mình Ưu-bà-cúc-đa bước đi trong một thành phố quạnh hiu, vì tất cả mọi người đang mải mê chạy theo những vui chơi phù phiếm. Trong hai bối cảnh thời gian và không gian chỉ có một nhà sư là không thay đổi, vẫn bước đi theo con đường của mình đã chọn, đơn độc và khắc khổ. Tuy nhiên con đường đó trong sáng như một vầng trăng tròn và thành thơi như đang đi giữa một thành phố không người.

Thế rồi «*thời gian đã chín*» trong một đêm trăng sáng, tương tợ như một đêm rằm mà trước kia Đức Phật đã đạt được Giác ngộ, và cái thời gian đó không phải chín với ông mà với người thiếu nữ. Trong lần đầu gặp gỡ, người thiếu nữ hạ thấp ngọn đèn và nhìn thấy một gương mặt tuyệt đẹp làm rung động lòng cô, nhưng không hề nhận ra cái chiều sâu phía sau gương mặt ấy. Trong lần gặp gỡ thứ hai thì lại thốt lên «Vị từ bi ơi, ông là ai?», một câu nói phảng phất sự bùng dậy của thức tỉnh và giác ngộ. Trước đây Ưu-bà-cúc-đa ngoảnh mặt đi nhưng lần này lại ngồi xuống đất bên cạnh người thiếu nữ.

2- Một vở kịch

Nếu câu chuyện cổ tích đã mang lại cảm hứng cho Rabindranath Tagore thì bài thơ của ông cũng đã mang đến những cảm hứng cho nhiều người khác. Nhà dựng kịch Padma Rajasekharuni đã dựa vào bài thơ của ông để viết thành một kịch bản. Vở kịch này thường được các em học sinh trình diễn vào các dịp lễ trong các trường học tại Ấn độ. Vở kịch được tóm lược như sau:

Màn I: Quang cảnh triều đình

Cảnh tiếp kiến của một vị vua Ấn độ.

Nhà vua và mười hai quần thần đang ngồi xem Vasavadatta và đoàn vũ nữ múa hát theo một vũ điệu cổ truyền.

Nhà vua và quần thần ném những đồng tiền vàng và nữ trang cho Vasavadatta.

Cảnh Ưu-bà-cúc-đa, đệ tử của Đức Phật, nằm ngủ dưới chân tường thành Mathura. Mọi nhà đều đóng cửa và tắt đèn. Bầu trời tháng tám tối đen và ảm đạm. (Tháng tám là mùa mưa bão ở Ấn độ)

Vasavadatta đi vào sân khấu với dáng điệu kiêu hãnh, vài người tớ gái theo hầu xum xoe bên cạnh, thỉnh thoảng sửa lại trang phục và tô điểm thêm cho Vasavadatta.

Tiếng nhạc rộn rã ở hậu trường.

Đi đến một chỗ tối, bỗng Vasavadatta suýt dẫm lên ngực của một nhà sư. Chiếc vòng trang sức ở cổ chân nàng có những chiếc chuông nhỏ phát lên những tiếng leng keng. Một trong những người hầu đưa cho Vasavadatta một chiếc đèn. Ánh sáng chiếu vào người Vasavadatta (ánh sánh chiếu thêm từ bên ngoài sân khấu), làm lấp lánh những nữ trang đeo trên người và làm hiện lên khuôn mặt tuyệt đẹp của nàng. Vasavadatta mặc một chiếc áo khoác màu xanh nhạt.

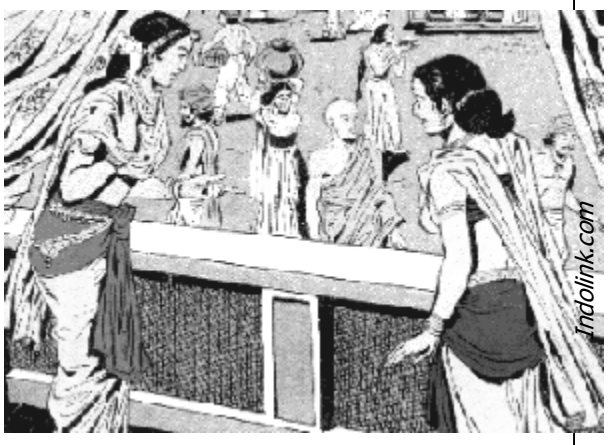

Nàng hạ thấp ngọn đèn và nhìn thấy một gương mặt thật thanh tú và trang nghiêm của một nhà sư trẻ tuổi và thốt lên: «*Xin vị tu hành trẻ tuổi, hãy thứ lỗi cho tôi, và xin được mời về nhà tôi nghỉ đêm. Mặt đất bụi bặm và dơ bẩn đâu có phải là giường*».

Ưu-bà-cúc-đa đứng lên quay mặt đi chỗ khác và ra hiệu bằng tay: «*Hỡi người phụ nữ hãy bước theo con đường đã chọn. Khi nào thời gian đã chín, lúc đó tôi sẽ đến thăm*».

Bất thần giữa đêm đen sấm chớp nổi lên, gầm thét làm cho Vasavadatta và các người tớ gái run lên vì sợ hãi.

Tiếng kể chuyện từ hậu trường: Mùa màng tiếp nối và thời gian trôi nhanh – Vasavadatta đâu thoát khỏi sự già nua. Sắc đẹp và tiền của cũng

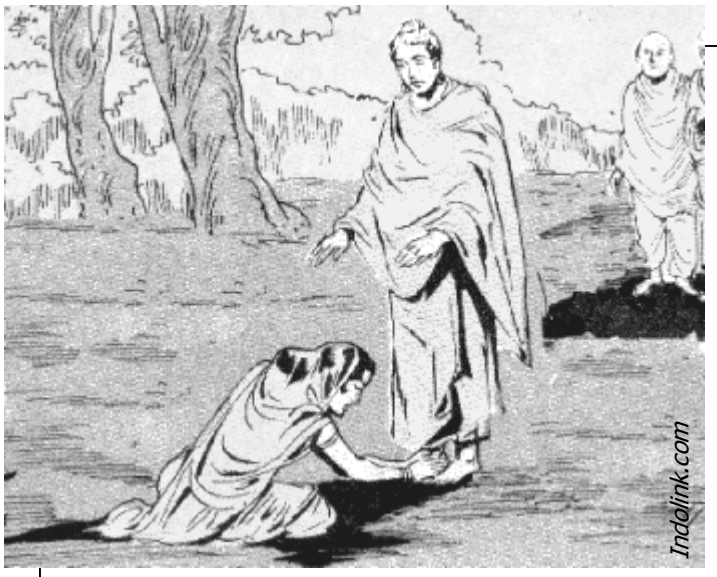

cũng chỉ là những thứ phù du. Tài nghệ cũng suy giảm, không còn ai trong thành Mathura chú ý đến những màn trình diễn của nàng nữa. Ngoài cái cảnh nghèo khó, nàng lại bị bệnh đậu mùa làm cho thân xác đau đớn. Chẳng qua đấy là hậu quả của một kiếp sống thiếu đạo hạnh của nàng. Toàn thân nàng mang đầy những nốt đậu mùa lở loét, đám đông trước kia từng quỳ dưới chân nàng thì hôm nay kéo nàng vứt ra khỏi cổng thành Mathura. Ôi chẳng qua đấy là sự mỉa mai của nghiệp chướng...

Tiếp theo những lời kể chuyện là tiếng nhạc thật êm và nhẹ để chuẩn bị cho màn II.

Màn II: Cảnh vật mùa xuân

Trên sân khấu cảnh mùa xuân cây cỏ đầy hoa. Tiếng sáo thổi một điệu nhạc thật nhộn nhịp dân chúng nô đùa trong một lễ hội mùa xuân.

Trình diễn các các vũ điệu cổ truyền Ấn độ...:

- cảnh trai gái lấy hoa ném nhau
- có những cặp trai gái vũ song đôi (theo một vũ điệu dân gian Ấn độ)
- hai con công hoặc hai con nai và hai con chim gáy (còn gọi là chim cu) chạy tung tăng trên sân khấu...
- trai gái tiếp tục với các vũ điệu cổ truyền khác.

Vasavadatta bước ra sân khấu vừa gãi đầu và gãi khắp người vì ngứa, thỉnh thoảng lấy tay đuổi ruồi bâu trên mặt. Nàng mặc một bộ quần áo sari của phụ nữ Ấn, rách rưới và bạc màu (màu đen hay màu xám), tóc để xõa và rối bời. Thân người (tay chân, cổ, vai, mặt mũi đầy những đốm đen). Nàng cố gắng nhảy múa để nhập bọn với đám thanh niên thiếu nữ. Đám người trẻ tuổi đang múa hát tỏ vẻ kinh tởm, dừng lại ngắm nghía rồi lấy đá ném vào nàng (đá làm bằng giấy vo tròn). Nàng ngã quỵ xuống. Mọi người tản mát để nàng một mình trên sân khấu.

Ánh sáng mờ dần, đồng thời một điệu nhạc thật buồn trổi lên.

Màn III: Quang cảnh một đêm trăng sáng

Hậu cảnh: trên bầu trời, con trăng tròn rọi xuống một thành phố vắng tanh. Người tu hành khổ hạnh đi một mình trên đường phố vắng, tiếng chim gáy (chim cu) thật thảm thiết.

Tiếng tụng niệm phát ra từ hậu trường:

Con xin quy y Phật!
Con xin quy y Pháp!
Con xin quy y Tăng!

(Tiếp tục tụng niệm trong hậu trường với tiếng mõ và tiếng chuông, tiếng tụng niệm nhỏ dần)

Ưu-bà-cúc-đa bước ra cổng thành dựng trên sân khấu thì có thêm bốn nhà sư từ hậu trường xuất hiện và bước theo, một trong bốn nhà sư ôm bình bát và một bầu nước. Ưu-bà-cúc-đa-dừng lại ở chân tường thành. Có một người đàn bà rách rưới bị bệnh đậu mùa hốt hoảng chạy từ trong thành (hậu trường) qua khỏi cổng và ngã quỵ xuống một chỗ tối dưới chân tường thành, bên cạnh chân của Ưu-bà-cúc-đa. Ưu-bà-cúc-đa vội vàng ngồi xuống và đỡ đầu người phụ nữ đặt lên đầu gối mình, lấy khăn thấm nước và dầu xoa lên môi người phụ nữ. Các nhà sư tháp tùng cũng ngồi xuống và phụ giúp chăm sóc.

Người phụ nữ cất lời: «Thưa người độ lượng, ngài là ai?»

Ưu-bà-cúc-đa đáp lại: «Thời gian đã chín để tôi đến thăm cô».

Vasavadatta ngồi gượng dậy, quỳ gối và chắp tay cúi đầu trước mặt Ưu-bà-cúc-đa. Ưu-bà-cúc-da trao một chiếc áo cà-sa màu nghệ cho Vasavadatta, nàng đưa hai tay để đỡ lấy chiếc áo. Ưu-bà-cúc-đa cất bước ra đi. Người con gái từ từ đi theo, hai tay nâng chiếc áo cà-sa. Bốn nhà sư nối đuôi đi theo phía sau. Tất cả đi hai vòng trên sân khấu trước khi trở vào hậu trường.

Trong khi họ đi vòng quanh sân khấu thì trong hậu trường vang lên tiếng tụng niệm:

Con xin quy y Phật!
Con xin quy y Pháp!
Con xin quy y Tăng!
.....

Màn từ từ hạ xuống. Đồng thời trong hậu trường tiếng tụng niệm cũng thay đổi:

Kính lạy Phật hãy mang con từ ảo giác đến hiện thực
Kính lạy Phật hãy mang con từ mê lầm đến giác ngộ
Kính lạy Phật hãy mang con từ nơi tối tăm đến cõi niết bàn.

Trang bị cần thiết: Hóa trang các con công và hươu. Cảnh hoàng cung với vài cái ghế. Hoa, nữ trang và giấy vo tròn dùng để ném. Bầu nước, bình bát. Trang sức gồm có: y trang cho các vũ công, áo sari cho các nữ diễn viên và quần khố (dhoti Ấn độ) cho nam diễn viên trong màn vũ dân tộc. Áo cà-sa cho các nhà sư và để trao cho Vasava-datta. Gươm giáo và y trang cho lính hầu trong cảnh tiếp kiến của nhà vua.

Lời bàn:

Nếu bài thơ được tạo dựng bằng những hình ảnh tương phản, tinh tế và súc tích thì vở kịch lại sử dụng âm thanh, màu sắc, vũ điệu, y trang và những diễn viên sống động. Khái niệm vô thường trong vở kịch được trình bày một cách «rất thực» trên sân khấu và đi thẳng vào xúc cảm của người xem.

Khán giả có thể «sống thực» và «hội nhập» với các diễn viên.

Lời kết

Ba câu chuyện trên đây được trình bày như một thí dụ cụ thể để suy tư. Chúng ta thử mượn các sáng tạo «nghệ thuật» đó để so sánh và tìm hiểu Phật giáo xem sao. Thật vậy một người tu tập cần phải ý thức thật rõ ràng những gì mình đang tu tập.

Chúng ta thấy rằng từ các tình tiết éo le trong câu chuyện cổ tích, những hình ảnh tinh tế và cầu kỳ trong bài thơ của Rabindranath Tagore cho đến những vũ điệu, âm nhạc, màu sắc, y trang và diễn viên trong vở kịch, tất cả là những phương tiện để trình bày một khái niệm của Phật giáo gọi là vô thường. Cả ba tác phẩm đều thành công trong mục đích đó, tuy nhiên lãnh vực thành công của mỗi tác phẩm chỉ thu hẹp trong một số người có những xu hướng và trình độ thích nghi. Cũng thế tất cả các tông phái, học phái, chi phái..., kể cả chuông mõ vang rền và kinh sách trùng trùng điệp điệp... chỉ là những phương tiện, mục đích chính của những thứ ấy là chuyển tải những khái niệm thâm sâu mà Đức Phật giảng dạy và hướng dẫn con đường mà Đức Phật đã chỉ cho chúng ta đi.

Câu chuyện cổ tích, bài thơ và vở kịch là những sáng tạo của con người, vô thường là một nguyên lý, một quy luật, một hiện thực có giá trị toàn cầu và vũ trụ. «Phật giáo» theo nghĩa thật «cụ thể» của nó là một sáng tạo của con người, một đặc thù của nhân loại trên địa cầu này, Đức Phật không hề nói những gì Ngài giảng gọi là «Phật giáo». Triết lý thâm sâu trong những lời giảng của Đức Phật có tính cách siêu nhiên và vũ trụ, vượt qua không gian và thời gian. Vô thường không chỉ xảy ra cho mọi hiện tượng trên địa cầu mà còn cho tất cả mọi biến cố trong vũ trụ nữa. Ánh sáng của một ngôi sao sau nhiều tỉ năm ánh sáng mới đến được địa cầu, khi các nhà thiên văn «nhìn thấy» được ánh sáng của nó thì nó đã nổ tung và biến mất từ lâu rồi.

Câu chuyện cổ tích chỉ dùng để kể cho con người nghe, bài thơ để cho con người đọc, vở kịch để cho con người xem. Người tu tập phải nhìn thấy cái chân lý vô thường hàm chứa trong những sáng tạo đó, cũng như phải nhìn thấy những gì thâm sâu phía sau chuông mõ và kinh kệ. Đọc những lời Đức Phật dạy trong kinh *Pháp Cú* hay những luận thuyết sâu sắc của Long Thụ, Tịch Thiên, Thế Thân, Đạo Nguyên..., hay đơn giản ngồi xuống để gõ mõ và tụng một thời kinh cầu an, thì chúng ta cũng đừng quên những gì đang hiển hiện và diễn biến trong tâm thức của mình. Khi đã hiểu được như thế thì chúng ta cũng phải đem những hiển hiện ấy của tâm thức để cân nhắc, suy xét và ứng dụng vào những sự việc chung quanh xem sao.

Thí dụ, có một người đàn bà bận cho con bú, không kịp hốt mớ chuối bày bán ở lề đường để trốn vào trong hẻm, liền bị phạt vì lấn chiếm lề đường, và người đàn bà bán chuối chỉ còn đủ tiền mua một vé số và cầu khẩn chư Phật chiều nay sẽ trúng được một ít tiền. Một thí dụ khác, trong một vùng quê hẻo lánh có một bà cụ xách một nải chuối lên chùa cầu chư Phật xin cho con bà đi làm xa năm nay có tiền về quê thăm cụ. Trước những trường hợp như thế, ta không thể gọi người đàn bà bán chuối và cụ già đến để lập lại cho họ nghe một cách máy móc những lời giảng trong kinh sách là chư Phật không thể đem tặng cho bất cứ ai những gì sẵn có mà chính mình phải tự giúp đỡ lấy chính mình, và phần ta thì phải tự hỏi lòng thành của ta có sánh được với họ hay chăng? Nếu đã biết tự hỏi như thế thì ta phải chắp tay cầu khẩn chư Phật giúp cho người đàn bà bán chuối trúng số để mua một ít gạo cho tối hôm nay và để làm vốn cho ngày mai, cầu chư Phật giúp cho con của bà cụ sẽ làm ăn khá giả để về thăm cụ tết năm nay và mua một ít bánh mứt để đặt lên bàn thờ, và trong khi đó ta cũng sẽ không cần biết là trong hai học thuyết Trung đạo và Duy thức học thuyết nào gần với lời giảng của Đức Phật hơn. Nghe một câu chuyện cổ tích, đọc một bài thơ, xem một vở kịch không phải để «bán đứng» xúc cảm của ta cho những thứ ấy mà phải lợi dụng những gì tinh anh bên trong những thứ ấy để nghĩ đến những lời Phật dạy, nuôi nấng những xúc cảm thanh cao trong tâm thức để mở rộng lòng từ bi.

Bures-Sur-Yvette, 09.08.09
Hoàng Phong

ảo ảnh

có một chỗ nào về từ vạn kiếp
hay mê vọng ban sơ
men ký ức
ảo ảnh như bàn tay phù thủy
bóp méo dung nhan
tháng mười đêm về rất sớm
gió đón đường giữ chân kẻ lạ
vó tự phiêu linh
vắng chân kẻ đến
im lặng là nói với chính mình
như ưu đàm hoa nở
lời vô niệm

Vũ Tiến Lập

XÂY DỰNG GIÁO HỘI

Thích Huyền Quang & Thích Nhất Hạnh

Lời tòa soạn: *Bài này trích từ tác phẩm "Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời," chương V, Xây Dựng Giáo Hội. Tác phẩm đã được Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) xuất bản năm 1973. Dưới tựa đề, có ghi hàng chữ "Cương lĩnh giáo lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam hiện đại." Nhị vị đồng tác giả là Ht. Thích Huyền Quang (bấy giờ là Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo) và Tt. Thích Nhất Hạnh. Đã hơn 35 năm kể từ khi "cương lĩnh" ấy ra đời, GHPGVNTN đã phải trải qua biết bao biến động, ngửa nghiêng của thời cuộc, và trước bao mưu đồ ly gián, phá hoại của ngoại đạo và ác đảng. Nay nhìn lại, những điều mà nhị vị đồng tác giả đã nói, vẫn còn giá trị "hiện đại" và khế cơ để những người con Phật suy ngẫm, áp dụng, ngõ hầu đem đạo Phật đi vào cuộc đời một cách hiệu quả, lợi lạc. Bài viết này cũng góp phần xây dựng đến với những bậc lãnh đạo các "giáo hội" Phật giáo. Tinh thần dân chủ, biết lắng nghe, chia sẻ và trao đổi giữa các ý kiến và quan điểm trái ngược cũng đã được nêu cao như là tinh thần vô chấp căn bản của người thực hành đạo Phật, đặc biệt là đối với sinh hoạt của những tổ chức Phật giáo. Từ nơi vô chấp, vô ngã mà mọi phật-sự thành tựu; nếu làm ngược lại, nghĩa là độc đoán, phản dân chủ, phá hòa hợp tăng, thì trở thành những chướng ngại dẫn đến sự phân hóa, suy tàn của nền Phật giáo hiện tại. Đây là bài học đau thương mà Phật giáo đồ Việt Nam cần ghi nhớ để tránh vết đổ của những năm vừa qua. Trân trọng kính tri ân nhị vị đồng tác giả và xin giới thiệu đến bạn đọc "cương lĩnh" nhập thế của Phật giáo Việt Nam hiện đại.*

1. Đạo Phật Phù Hợp Với Đời Sống Mới

Đạo Phật không thành lập trên những tín điều không thể kiểm chứng bằng thực nghiệm. Mỗi khi người ta hỏi Phật về những vấn đề siêu hình viển vông, ngài thường không trả lời họ mà chỉ khuyên họ trở về để tâm vào những vấn đề thực tiễn và thực nghiệm: Những khổ đau, những nguyên nhân tạo nên khổ đau và phương pháp diệt khổ tạo nên an lạc. Nhận thứ Duyên Khởi, Tứ Diệu Đế và Bát Chính Đạo của Phật Giáo rất phù hợp với nhận thức của khoa học thực nghiệm. Không những thế, các giáo lý trên lại phù hợp hoàn toàn với nguyên tắc DÂN CHỦ, BÌNH ĐẲNG và TỰ DO. Theo nguyên tắc duyên sinh, vạn loại nương vào nhau mà sinh thành, tồn tại và phát triển, không ai có thể làm chủ vận mệnh của ai; ai cũng có những quyền làm người làm dân: Tinh thần này là bản chất của đời sống dân chủ, tự do và bình đẳng. Ngày xưa Đức Phật thâu nhận vào giáo đoàn ngài tất cả mọi người không phân biệt chủng tập và giai cấp. Một ông vua theo ngài thì cũng ngồi ngang hàng với một người cùng đinh theo ngài. Phương pháp phá chấp và nguyên tắc tôn trọng sự sống của đạo Phật chứng tỏ đạo Phật rất tự do. Vì giáo lý đạo Phật phù hợp tinh thần khoa học thực nghiệm và vì giáo lý ấy biểu lộ tinh thần dân chủ, bình đẳng và tự do nên đạo Phật KHÔNG LÂM VÀO TÌNH TRẠNG KHỦNG HOẢNG ĐỨC TIN như một vài tôn giáo khác. Đạo Phật tuy rất cũ nhưng lại rất mới, phù hợp hoàn toàn với đời sống mới. Vì nhận thức như thế, nên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thấy mình có nhiệm vụ tiếp tục duy trì sự nghiệp của đạo Phật là xây dựng con người và xã hội Việt Nam. Ngôi chùa và giáo hội địa phương đối với xóm làng và khu phố cũng có trách vụ tương đương với giáo hội toàn quốc đối với đời sống quốc gia. Đạo Phật không muốn trở thành độc tôn, đạo Phật tôn trọng sự có mặt của các tôn giáo và quyết duy trì tình thân hữu với mọi tôn giáo.

2. Mục Đích Đi Chùa

Tới chùa, người Phật tử không những tới để lễ Phật, hộ niệm, cầu an và cầu siêu mà còn để học hỏi giáo lý và trao đổi kinh nghiệm áp dụng giáo lý vào đời sống. Cố nhiên sự học Phật phải nhằm đến hướng thực dụng: Người Phật tử không học Phật để nói ba hoa và khoe khoang về sự hiểu biết của mình. Nếu chùa, mà không cho cơ hội để học Phật, thì đó là một thiếu sót lớn. Ta phải làm thế nào để tại chùa có những lớp dạy về đạo Phật hàng tuần, cho người lớn, cho thanh niên và cho trẻ em. Ta phải làm sao để xin thầy trụ trì (viện chủ hay giám tự) mời được một vị giảng sư. Giảng giáo lý cho trẻ em thì chúng ta có thể nhờ những đạo hữu, những thanh niên hay những huynh trưởng Gia đình Phật tử nào đã hiểu khá về giáo lý phụ trách. Muốn đi đúng tinh thần thực dụng của đạo Phật, chúng ta nên có những buổi đàm luận tại chùa về vấn đề áp dụng đạo Phật trong đời sống hàng ngày. Trong những buổi gặp gỡ như thế ta có thể trao đổi với nhau những kinh nghiệm về sự áp dụng giáolý. Ta nên nhớ rằng giáo lý áp dụng được vào sự sống mới đích thực là giáo lý Phật giáo, còn giáo lý chỉ để đàm luận suông và không dính líu gì đến đời sống thì không phải thực sự là giáo lý đạo Phật. Một người học trường canh nong ra thì biết phép canh tác ruộng, một người học Phật chân chính thì biết áp dụng đạo Phật vào đời sống hàng ngày. Chùa phải tạo cho ta cơ hội để học Phật như thế.

3. Học Theo Đại Bi, Đại Trí, Đại Nguyện

Trong không khí thanh tịnh của chùa, người Phật tử tìm về tự tâm, soi sáng tự tâm để đạt đến sức mạnh tinh thần, đức bình tĩnh và lòng thương yêu. Là học trò của Phật, ta tới chùa không phải chỉ để lạy lục và cầu xin mà chính là để học theo hạnh nguyện của Phật. Hãy nhìn đức bồ tát Văn Thù Sư Lợi: Ngài là một con người có trí tuệ lớn nhờ học hỏi và chiêm nghiệm không ngừng. Hãy nhìn đức bồ tát Quán Thế Âm: Ngài là một người có tình thương rộng lớn, luôn luôn lắng nghe tiếng kêu bi thương của người khổ đau để tìm tới cứu độ. Hãy nhìn đức bồ tát Địa Tạng Vương: Ngài là một con người có đạo nguyện sâu thẳm, quyết tâm lưu lại trong chốn khổ đau để cứu độ chúng sinh. Lạy Phật là để bày tỏ sự cung kính của đệ tử với một bực thầy; nhưng lạy Phật không đủ. Phải học theo trí tuệ, từ bi và đại nguyện của Phật.

4. Bảo Vệ Ngôi Chùa

Đừng bao giờ đem sự tranh chấp lên chùa. Nếu có mầm mống nào của một sự tranh chấp tại chùa thì phải tìm cách loại bỏ ngay. Hãy bảo vệ chùa: Hãy duy trì không khí trang nghiêm và thanh tịnh của chùa. Như thế, chùa có thể trở nên một môi trường cởi mở và bao dung, nơi đó ta có thể tạo nên sự đoàn kết và hòa giải giữa mọi người. Hai người hàng xóm giận nhau có thể làm lành lại với nhau khi gặp nhau tại chùa, nhất là khi có một người thứ ba có ý muốn hòa giải giữa hai người. Cô ba Tý là một Phật tử hòa giải rất khéo. Bà hai Hạt và thím Tám Ngọ mà vui vẻ với nhau là nhờ cô Ba Tý. Cô rất ngọt ngào với cả hai người. Bữa đó lên chùa cúng rằm tháng bảy, cô gặp cả hai người và mời cả hai người vào bếp để phụ cô nấu cỗ chay. Thế rồi không biết họ chuyện trò và làm việc chung như thế nào mà sau đó đến giờ lễ Phật ba người cùng đứng một hàng và khi ăn cơm chay thì cả ba bà rủ nhau ngồi chung một bàn. Đó, không khí của chùa là phải cởi mở để thương để tạo ra sự hiểu biết và hòa thuận.

5. Xây Dựng Ngôi Chùa

Ngôi chùa cần tượng trưng cho nền văn hóa tâm linh của đạo Phật. Chùa phải được kiến trúc trang nhã, không lòe loẹt và có vẻ thợ mã, diễn tả được tinh thần bi trí dũng và tinh thần dân tộc. Cố nhiên không phải ai trong chúng ta cũng là kiến trúc sư dựng chùa, nhưng chúng ta có thể nói ý kiến của chúng ta cho thầy trụ trì và kiến trúc sư nghe. Ngôi chùa của chúng ta phải có tính chất Việt Nam, ta không thể bắt chước và vá víu một chút kiến trúc Tàu, một chút kiến trúc Thái Lan, một chút kiến trúc La Mã. Những nét kiến trúc phải biểu lộ được đức điềm tĩnh, hiền hòa mà thanh thoát. Khi nào có một ngôi chùa sắp xây, ta nên tìm dịp nói lên ước nguyện của ta. Muốn cho chắc thì nên thỉnh ý Giáo Hội Trung Ương về bản đồ kiến trúc chùa bởi vì Giáo Hội Trung Ương có liên lạc với những kiến trúc sư biết rộng về kiến trúc Phật giáo. Chùa phải được giữ gìn sạch sẽ, trang nghiêm và thanh tịnh. Ngoài những ngày có đại lễ, hội họp, chùa phải là nơi thanh tịnh để làm nơi sinh hoạt tâm linh. Làm thế nào để mỗi khi tâm hồn xáo trộn bất an, ta lên chùa thì sẽ nhờ không khí trang nghiêm thanh tịnh ấy mà tìm lại được an vui và trầm tĩnh. Giữ gìn cho chùa cái không khí trang nghiêm thanh tịnh ấy không phải chỉ là bổn phận của thầy trụ trì mà còn là bổn phận của mỗi chúng ta nữa. Chú Bảy thường nói với các bà hay tới làm công quả cho chùa: "Quý cô bác đóng góp công của vào công việc Phật sự thì công đức không thể kể xiết. Nhưng nếu quí cô bác còn giữ được cho chùa không khí trang nghiêm thanh tịnh nữa thì công đức lại còn lớn lao hơn". Ý của chú Bảy là quý cô bác thỉnh thoảng cứ đem chuyện tranh chấp dưới xóm ra nói và bình phẩm. Đáng lý đến chùa, ta chỉ nên nói chuyện xây dựng mà thôi.

6. Ủng Hộ Phật Sự Của Chùa

Có nhiều Phật tử sốt sắng đóng góp công của cho chùa chỉ vì niềm vui được thấy chùa mình khang trang đẹp đẽ. Một ngôi chùa đẹp và có đủ tiện nghi cho sự tu học đã đành là một chuyện quý, nhưng nếu ta đóng góp công của vào những dự án học hỏi, tu tập và phụng sự do chùa tổ chức, thì đó mới là thực sự xây dựng cho chùa. Chúng ta ai cũng thấy chùa đất Phật vàng là quý hơn chùa vàng Phật đất: Một ngôi chùa tráng lệ mà bên trong không có những sinh hoạt học tập giáo lý, những ngày tĩnh tu, những buổi lễ sám, những cuộc hội thảo đàm luận về phương pháp áp dụng đạo Phật trong đời sống thường nhật… một ngôi chùa như thế thì chỉ là cái vỏ trống không. Ta phải bàn tính với nhau. Trong trường hợp tại chùa không có thầy lãnh đạo, ta phải biết hợp nhau mà liên lạc với giáo hội tỉnh hay giáo hội trung ương.

7. Phải Học Mới Thực Sự Biết Hành

Ông Tư ở xóm Thượng luôn luôn nói rằng theo đạo Phật, ông chỉ cần tu tâm, làm lành lánh dữ là đủ. Ông nói như vậy thì không ai cãi ông được bởi vì chính đức Phật đã dạy: "Đừng làm các điều dữ, vâng làm các điều lành, gạn lọc tâm lý mình, là lời chư Phật dạy". Nhưng ta cũng biết rằng ông Tư tuy nói đúng, nhưng điều ông Tư nói chính ông Tư cũng không hiểu. Làm lành lánh dữ, phải rồi, nhưng LÀM LÀNH là làm như thế nào, LÁNH DỮ như thế nào, nếu ta hỏi thì ông Tư không trả lời được. Lại còn TU TÂM nữa, ông Tư áp dụng phương pháp nào để tu tâm? Thật ra ông Tư chỉ nói để mà có nói chứ không thực sự biết con đường tu tâm, làm lành lánh dữ. Cũng vì lý do đó mà ông Tư cũng cần đi chùa học Phật như các bà con khác.

Ở chùa Long Thành, các Phật tử hội họp để đàm luận về việc tổ chức quỹ tương trợ để giúp đỡ những người rủi ro bị bệnh tật và mất mùa. Đó là một cách LÀM LÀNH. Các Phật tử chùa Long Thành cũng bàn luận về việc bài trừ rượu chè cờ bạc trong xóm bằng cách tạo ra những môn giải trí lành mạnh. Đó là một hình thức LÁNH DỮ. Bớt ích kỷ, biết lo lắng cho lợi ích chung, biết nghĩ tới người khổ cực, tập hỷ xả không giận hờn, không cố chấp… đó là TU TÂM. Tất cả những điều đó cần phải học hành và thực tập có phương pháp mới có thể thành công. Đâu phải chỉ nói suông mà được. Chùa chính là trung tâm của sự học hành và thực tập giáo lý đạo Phật. Phật tử góp sức vào việc tổ chức những lớp giáo lý tại chùa cho mọi giới già cũng như trẻ. Phật tử lại tham dự vào những dự án nhằm áp dụng những điều đã học trong việc tu tĩnh tu tâm, cải tiến đời sống y tế, kinh tế, giáo dục và tổ chức của xóm làng hay khu phố.

8. Phụng Sự Chúng Sanh Là Cúng Dường Chư Phật

Có bao nhiêu là vấn đề trong thôn làng hay khu phố cần phải giải quyết. Nếu những vấn đề ấy đáng được xóm làng và khu phố giải quyết thì Phật tử nên tham dự góp công góp của vào những nỗ lực này. Nếu có những vấn đề giáo dục, vệ sinh, y tế và kinh tế cấp bách mà chưa ai nghĩ tới, chưa có cố gắng nào để giải quyết, thì Phật tử nên họp nhau tại chùa trong không khí thương yêu và trầm tĩnh để tìm ra những phương pháp và dự án giải quyết tốt đẹp trên tinh thần tự nguyện. Một khi chùa khởi xướng, một công tát cải tiến và phát triển dù trong lãnh vực kinh tế giáo dục hay y tế, tất cả mọi Phậtt tử trong vùng phải tham gia tích cực và đẩy mạnh công tác cho đến thành công. Ta hãy nhớ lời Phật dạy: "Phụng sự chúng sanh tức là cúng dường chư Phật". Trong trường hợp của chúng ta, chúng sanh không phải là ai xa lạ mà là bà con, cô bác trong xóm, kể cả chính chúng ta và con cháu chúng ta nữa.

Chùa Linh Phong tổ chức nhà giữ trẻ trong xóm. Không những nhà giữ trẻ thu nhận trẻ em con nhà Phật tử mà là thu nhận trẻ em các gia đình theo tôn giáo khác nữa. Phật tử chùa Linh Phong như thế đã thực hành được lời dạy lục hòa và bình đẳng của Phật. Chùa còn dự tính tổ chức hợp tác xã rau cải, và quỹ tín dụng. Đó, như thế ngôi chùa mới thực xứng đáng là nơi học tập và thực hành đạo Phật. Tuy nhiên các vị tăng sĩ và Phật tử không muốn đặt văn phòng làm việc tại chùa, sợ chùa trở thành nơi náo nhiệt. Họ đặt trường học, văn phòng, vựa chứa hàng hóa ở những trụ sở khác, dành cho chùa không khí thanh tịnh trang nghiêm rất cần thiết cho chùa. Tuy vậy, ai cũng biết chùa là trái tim của mọi công tác áp dụng đạo Phật.

9. Ủng Hộ Người Thực Hành Chánh Pháp

Trong ý nguyện thực hành những lời Phật dạy. Phật tử nên biết kính trọng và hỗ trợ cho những vị tăng sĩ có can đảm làm theo chính pháp và đáp ứng được những nhu cầu chân thực của con người trong xã hội mới. Vị tăng sĩ nào cũng trải qua một thời gian ở tu viện hay Phật Học Viện, ở đó các vị tăng sĩ học Phật, và thực tập phương pháp tu dưỡng tâm linh. Khi một vị tăng sĩ rời tu viện đi hành đạo tại một địa phương, thì vị tăng sĩ đó chia thì giờ của mình làm hai phần: Một phần để tiếp tục công việc tu tâm thiền quán, một phần hướng dẫn Phật tử địa phương học Phật và áp dụng đạo Phật trong cuộc đời. Biết vậy ta nên kính trọng thì giờ tĩnh tu của vị tăng sĩ, bởi nhờ có thì giờ tĩnh tu đó mà vị tăng sĩ có khả năng lãnh đạo tinh thần cho địa phương. Nhưng công tác giảng dạy Phật pháp và hướng dẫn Phật tử địa phương học Phật và thực hành Phật giáo cũng quan trọng không kém. Có những vị tăng sĩ chỉ hướng dẫn Phật tử học Phật, tụng kinh, sám hối, cầu an và cầu siêu. Nhưng có những vị tăng sĩ lại tha thiết đến sự áp dụng đạo Phật trong đời sống hàng ngày ở gia đình, ở thôn làng và ngoài xã hội. Thỉnh thoảng ta gặp những vị tăng ni trẻ chuyên làm việc xã hội, biết tổ chức trường học, nhà giữ trẻ, lập hợp tác xã nông nghiệp vân vân… Giáo Hội Phật Giáo hiện đang chủ trương đem đạo Phật áp dụng vào cuộc đời để phát triển xã hội, nâng cao nhân phẩm và mức sống của người dân. Nếu ta thấy có những vị tăng ni biết thao thức thực hành đạo Phật vào xã hội, đó chính là vì họ đã học theo chủ trương tiến bộ của Giáo Hội. Chúng ta nên gần gũi và hỗ trợ họ. Trái lại có thể có một số tăng sĩ chỉ biết chiều đãi người cư sĩ mà không thể hiểu được tinh thần đạo Phật, xem đạo Phật như là một phương tiện sinh sống, ta không nên ủng hộ những vị này.

10. Trách Nhiệm Về Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương

Ta phải tìm hiểu đường lối và công việc của Hội Đồng Lãnh Đạo Giáo Hội Trung Ương. Theo hiến chương của Giáo Hội Phật Giáo, các cấp lãnh đạo Phật Giáo đều do Phật tử công cử Viện Tăng Thống do đức Tăng Thống lãnh đạo gồm có Hội Đồng Trưởng Lão, gồm nhiều vị đạo đức cao trọng trong toàn quốc, đại diện cho đức độ và sự lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội Viện Hóa Đạo gồm có bảy tổng vụ, phụ trách các ngành tùng sự, cư sĩ giáo dục xã hội, thanh niên, văn hóa và tài chính kiến thiết. Ta nên tìm hiểu cơ cấu tổ chức của Giáo Hội và đường lối của Giáo Hội để ủng hộ và để góp ý. Nếu ta nhận thấy Giáo Hội không đi con đường mà ta mong ước, ta nên tự do nói lên ý nghĩ của ta và tìm cách ảnh hưởng tới đường hướng của Giáo Hội. Một trong những điểm của đạo Phật là tinh thần tự do: Mọi người Phật tử đều có trách nhiệm, bổn phận và quyền phát biểu và hành động. Bằng cách tham dự vào giáo hội địa phương, và đứng trên cương vị Giáo Hội địa phương, mọi người Phật tử đều có thể ảnh hưởng tới đường lối của Giáo Hội Trung Ương và do đó có thể thay đổi đường lối Giáo Hội Trung Ương. Sở dĩ ta có thể làm được như vậy chính là vì đạo Phật có tinh thần dân chủ và Giáo Hội đã được tổ chức như một cơ cấu dân chủ.

Ta nên tìm hiểu lập trường của Giáo Hội về hòa bình, về thống nhất, về xây dựng dân chủ và xã hội. Nếu đường hướng ấy chưa được rõ ràng với ta, ta sẽ yêu cầu các cấp Giáo Hội làm cho sáng tỏ hơn. Như vậy trong lúc tìm hiểu học tập, ta cũng xây dựng được cho Giáo Hội. Ta cũng cần đòi hỏi Giáo Hội những chương trình thực tiễn xây dựng về giáo dục cũng như về xã hội, về thanh niên cũng như về tăng sự, để chúng ta có thể ủng hộ và cộng tác.

11. Dung Hợp Hòa Đồng

Đạo Phật có nhiều pháp môn: Phật tử phải biết chấp nhận những quan điểm hành đạo khác với quan điểm hành đạo của mình. Phật giáo không những gồm có bắc tông nam tông mà còn được chia ra nhiều tông phái. Sự dị biệt đó là do những điều kiện tâm lý xã hội và kinh tế khác nhau. Tuy đạo Phật có nhiều phân phái, nhưng giữa các phái Phật giáo từ mấy ngàn năm nay từng có xung đột bao giờ. Đó là do ở tinh thần tự do và bao dung của đạo Phật. Áo vàng, áo nâu, nguyên thí, đại thừa, thiền tịnh độ, khất sĩ, trú trì, ẩn sĩ, tác viên… có nhiều hình thái tăng sĩ Phật giáo khác nhau, có nhiều đoàn thể Phật giáo khác nhau. Phật tử nên tìm hiểu để thấy được cái hay của mỗi truyền thống, mỗi tổ chức để thấy được cái hay của mỗi truyền thống, mỗi tổ chức. Nhờ vậy chúng ta học được cái hay của nhau. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gồm có cả Phật Giáo Đại Thừa và Phật Giáo Nguyên Thỉ. Hai truyền thống này đã từng chứng tỏ có thể cộng tác với nhau mật thiết trong khi mỗi truyền thống vẫn giữ được cách hành đạo của mình. Cố nhiên trong đạo Phật có nhiều khuynh hướng hành đạo khác nhau: Khuynh hướng chuyên về nghi lễ, khuynh hướng chuyên về thuyết giảng, khuynh hướng chuyên về ẩn cư, khuynh hướng chuyên về xã hội, vân vân… Ta nên làm thế nào cho các khuynh hướng ấy bổ túc cho nhau và tránh mọi tranh chấp phê phán chỉ đem lại sự chia rẽ trong nội bộ Phật giáo.

12. Thái Độ Cởi Mở

Đối với những người không cùng tôn giáo. Phật tử cũng giữ thái độ cởi mở để tìm hiểu, đối thoại, thiết lập thông cảm và cộng tác với họ trong những chương trình phát triển ích nước lợi dân. Đạo Phật không phải là đạo hẹp hòi, cố chấp. Có nhiều người tự cho là Phật tử mà thật ra rất cố chấp, hẹp hòi còn hơn những người không theo đạo Phật. Điều đó cũng do thiếu sự học hỏi và thực hành giáo lý. Trong những dự án bài trừ mê tín, cờ bạc, rượu chè, trong những dự án trường học, nhà trẻ, hợp tác xã… ta nên trân trọng mời các bạn không cùng tôn giáo cộng tác. Nếu họ là người tốt và có khả năng ta có thể ủy cho họ những trách nhiệm lãnh đạo mà không cần ngần ngại gì.

Hôm ba mươi Tết các em thiếu niên Phật tử làng Cầu Kinh đi dán giấy hồng điều hình trái trám tại các nhà trong xóm. Những mãnh giấy hồng điều này có viết phước, lộc, thọ, đức, hòa, bi, trí... bằng chữ nho, ý là để làm tươi cửa nhà và chúc tết luôn. Nhà nào cũng được dán hai mảnh hồng điều hai bên cửa ra vào, và nhà nào cũng hoan hỷ. Nhưng khi tới nhà bác Lê, một gia đình Công Giáo, các em ngần ngại. Không phải là các em muốn kỳ thị tôn giáo: Các em chỉ ngại mình là Phật tử mà dán giấy hồng điều chúc Tết nhà Công Giáo theo kiểu Phật giáo thì có làm phật lòng những người bạn Công Giáo hay không. Nhưng các em cũng không dám bỏ đi, bởi vì như thế thì tỏ ra kỳ thị tôn giáo. Các em đứng ở trước cổng một hồi lâu. Bỗng có một em nảy ra ý kiến: "Chúng ta phải vào và lễ phép hỏi xem gia đình bác Lê có muốn dán giấy hồng điều chúc tụng không. Nếu muốn thì ta dán. Nếu không thì ta đi, như thế khỏi mang tiếng kỳ thị". Kết quả là các em vào xin phép bác Lê và nói cho biết sự do dự của các em. Bác Lê rất thông cảm. Bác nói: "Các cháu khỏi phải dán, bác cảm ơn các cháu. Và tuy các cháu không dán, bác cũng thấy như các cháu đã dán rồi". Thái độ của các em thiếu niên Phật tử ấy đã phản chiếu được tinh thần đạo Phật. Phật tử ấy đã phản chiếu được tinh thần đạo Phật.

Trong tình trạng xã hội ta, sự thông cảm và cộng tác giữa các tôn giáo rất cần thiết. Chúng ta hãy cố gắng phá vỡ thành kiến và sự sợ hãi giữa những người không cùng tôn giáo, và làm như thế ta phụng sự cho xã hội. Không những đối với những người không cùng tôn giáo mà đối với những người có nhận thức khác ta về cuộc đời cũng phải đối xử như vậy.

HT. Thích Huyền Quang (trên), ảnh của ĐĐ. Thích Giác Hạnh chụp.

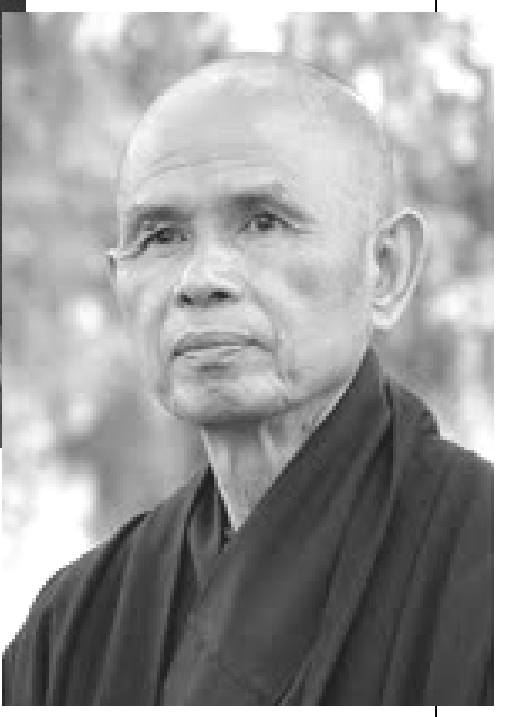

HT. Thích Nhất Hạnh, (phải), ảnh lấy từ langmai.org

XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

HT. Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

5)- Không Nên Đem Tôn Giáo Vào Gia Đình:

Theo quan niệm của tôi, phận làm cha mẹ không nên đem tôn giáo vào gia đình mà nên để cho gia đình tự động hướng về tôn giáo, nghĩa là cha mẹ đừng bắt ép con cái dâu rể muốn được cưới vợ lấy chồng trước hết phải vô tôn giáo rồi sau đó mới được tác hợp với nhau. Cha mẹ bắt ép như thế vô tình làm tổn thương tâm lý của đôi trai gái mới yêu nhau mà chúng nó chưa có khái niệm đức tin về vấn đề tín ngưỡng, nghĩa là chúng nó vì sợ không được yêu nhau nên vẫn làm theo lệnh của cha mẹ, nhưng tâm hồn của chúng nó vẫn âm thầm bất kính và khinh thường sự thánh thiện của tôn giáo đó.

Tôn giáo là một tổ chức thánh thiện và gia đình là một xã hội thế tục, cha mẹ nếu đem tôn giáo vào gia đình thì vô tình hạ thấp giá trị thánh thiện của tôn giáo đó khi chúng nó chưa có đức tin vững chắc. Gia đình hướng về tôn giáo để tu tâm dưỡng tánh thì tôn giáo đó mới có lý tưởng và gia đình đó mới được hạnh phúc.

Gia đình hướng về tôn giáo để tu tâm dưỡng tánh, nghĩa là gia đình đó, đôi trai gái sau khi xây dự đức tin về tình yêu vững chắc cho nhau, rồi sau đó chúng nó mới tự động hướng về tôn giáo theo đức tin tín ngưỡng sẵn có của mình để cùng nhau bồi dưỡng tâm linh cho việc xây dựng hạnh phúc chân thật.

Gia đình nào, đôi trai gái cùng một tôn giáo thì rất dễ dàng cho việc đem tôn giáo vào gia đình trước khi cưới gả. Còn gia đình, đôi trai gái khác nhau tôn giáo thì đừng ép chúng nó theo đạo trước khi yêu nhau mà chúng nó không có chút đức tin tín ngưỡng nào và cũng không có quyền tự do chọn lựa đức tin tín ngưỡng cho mình.

Phận làm cha mẹ nếu như thật sự thương yêu con dâu hay con rể của mình thì để cho chúng tự do chọn lựa tôn giáo theo sự hiểu biết của chúng nó, đừng chen lấn vào gia đình riêng tư của chúng nó, đừng đem tôn giáo vào khống chế đời sống hạnh phúc lứa đôi của tuổi trẻ. Nếu được như vậy thì gia đình đó hạnh phúc biết bao.

C)- Đối Với Người Thân:

Người thân của chúng ta là cha mẹ ruột và cha mẹ bên chồng cũng như cha mẹ bên vợ. Cha mẹ ruột là những người thân nhất trực tiếp quan tâm, chia xẻ, bao dung không vị kỷ đến đời sống của chúng ta và cũng là cây đại thọ che mát cuộc đời của chúng ta trên cuộc hành trình xây dựng hạnh phúc gia đình; còn cha mẹ bên vợ và bên chồng là những người thân gián tiếp hỗ trợ tinh thần, khuyến khích và hướng dẫn những kinh nghiệm sống an vui cho chúng ta. Chúng ta phận làm con, làm rể, làm dâu đối với cha mẹ hai bên phải biết cảm thông kính trọng.

1)- Phải Tôn Kính Cha Mẹ Hai Bên:

Chúng ta thường có một tâm bệnh ích kỷ riêng tư chỉ biết tôn kính cha mẹ ruột của mình, còn cha mẹ bên vợ hay cha mẹ bên chồng thường tỏ thái độ thiếu lễ nghi cung kính. Người rể cũng như người dâu phải ý niệm rằng: Nếu không có cha mẹ vợ thì làm sao có vợ để mình yêu và nếu không có cha mẹ chồng thì làm sao có chồng để mình thương. Chúng ta kính trọng cha mẹ ruột của mình bao nhiêu thì cũng phải kính trọng cha mẹ bên chồng và cha mẹ bên vợ bấy nhiêu. Chúng ta nếu như thương yêu vợ của mình thì phải kính trọng cha mẹ bên vợ, chúng ta nếu như thương yêu chồng của mình thì phải kính trọng cha mẹ bên chồng giống như câu Ca Dao nhân gian thường nói: "Thương chồng phải lụy mụ gia, gẩm tôi với mụ có bà con chi." Một khi đã sống chung trong một gia đình, chúng ta đừng làm cho chồng của mình hay vợ của mình lương tâm bị tổn thương, bị giày vò bởi dòng họ nguyền rủa cho chồng mình hay vợ mình là đứa con bất hiếu đối với cha mẹ của họ do chính mình gây nên. Mình cứ mãi gây tạo những ấn tượng cho chồng của mình hay cho vợ của mình bị mang tiếng là đứa con bất hiếu nói trên nội kết lâu ngày vào tâm khảm sẽ đưa đến tình trạng hạnh phúc gia đình bị sứt mẻ và cũng có thể đi đến tình trạng chồng vợ ly dị với nhau.

Ngoài ra, chúng ta nếu là người con rể hay con dâu cũng phải quý mến và kính trọng họ hàng cũng như bạn bè bên vợ và bên chồng để tạo một bầu không khí tương quan thích hợp, an vui cho cuộc sống ra riêng tự lập của chúng ta. Nhờ tư cách lễ độ khiêm cung của chúng ta đối với họ hàng và bè bạn hai bên tạo nên một ấn tượng đẹp đẽ mến yêu thắm thiết của mọi người và nhờ đó không bị cô đơn về tâm linh trên bước đường lập nghiệp.

Giả sử, anh chị em bên chồng hay bên vợ có thái độ ganh ghét thì chúng ta vì chồng của mình hay vì vợ của mình luôn luôn nhịn nhục làm thinh, nếu nhận thấy những sự ganh ghét đó không hại đến đời sống riêng tư của gia đình mình. Còn như những sự ganh ghét đó có ảnh hưởng đến đời sống riêng tư của gia đình mình thì chúng ta vẫn có thái độ lịch sự với họ, đồng thời chồng hay vợ nên tâm sự với nhau để cùng thông cảm và không cần phải đôi co với họ không có lợi ích chi cả, vì họ là những người bên ngoài không có sống chung với chúng ta.

Chúng ta cũng nên giác ngộ rằng mình thể hiện những cử chỉ lễ độ khiêm cung, tôn kính với cha mẹ hai bên, với họ hàng bè bạn cũng là một phương pháp bồi dưỡng tâm linh về đạo đức làm người đúng với câu tục ngữ nhân gian:

"Hoa thơm nhờ nhụy, người có giá trị nhờ đạo đức."

2)- Thường Xuyên Vấn An Sức Khoẻ Cha Mẹ Hai Bên:

Thường xuyên vấn an sức khỏe cha mẹ hai bên chính là chức năng của con người hiếu hạnh và cũng là đạo nghĩa của nhân cách làm người. Con người biết tôn trọng giá trị nhân phẩm, biết sống đạo nghĩa tình người đối với cha mẹ hai bên thì không thể thiếu sót nghĩa vụ này. Thường xuyên vấn an sức khỏe cha mẹ hai bên có ba mục đích:

a)- Mục đích thứ nhất:

Nền tảng căn bản của xã hội loài người là sự quan hệ phức tạp trên mặt đời sống cũng như trên mặt tình cảm giữa cha mẹ và con cái. Theo tâm lý thông thường, cha mẹ nào khi có con cái đều đặt hết tình thương yêu vào chúng nó và muốn chúng nó suốt đời không ra khỏi tầm tay chăm sóc của mình. Nhưng theo luân lý xã hội, con cái lớn lên phận làm cha mẹ phải dựng vợ gả chồng cho chúng nó và nếu như không cho chúng nó lập gia đình thì cha mẹ phạm tội lỗi rất nặng thiếu trách nhiệm rất lớn về hạnh phúc tương lai của chúng nó. Nhưng tình cảm của cha mẹ lại không muốn chúng ra riêng tự lập, tách khỏi sự quan tâm của mình. Vì lý do đó, thuở xưa cha mẹ mới đặt ra một luật lệ "Cưới Dâu" và "Bắt Rể" là để chúng nó được sống bên cạnh gia đình của mình và để tình cảm của mình khỏi bị tổn thương.

Ngày nay thời đại văn minh khoa học tân tiến, vấn đề "Cưới Dâu" và "Bắt Rể" không còn giá trị đối với tuổi trẻ. Khi lập gia đình, cập chồng vợ son trẻ nào cũng muốn ra riêng tự lập theo sở thích của mình mà không muốn bị ràng buộc, bị khống chế bởi luân lý khô cằn của cha mẹ hai bên.

Con cái khi sống tự lập trên mặt tâm lý là một hiện tượng khiến cho tâm trạng của cha mẹ trở nên buồn tủi vì cha mẹ cảm thấy kể từ nay con cái của mình bỏ rơi mình, không còn cho mình trách nhiệm thương yêu, chăm sóc và bao dung nữa. Đó là lý do bổn phận làm con cái cần phải luôn luôn cảm thông sâu sắc tấm gương tình cảm thương yêu vô bờ bến của những đấng sanh thành đã dành trọn cho mình và nên thường xuyên vấn an sức khỏe cha mẹ hai bên để cho cha mẹ vơi bớt phần nào tâm trạng buồn tủi mà họ đã cam chịu quá nhiều khổ đau trong cuộc đời.

b)- Mục đích thứ hai:

Vì quá thương yêu con cái, tâm hồn cha mẹ luôn luôn băn khoăn lo lắng, khiến cho tâm trạng không an, ăn ngủ không yên, sợ con cái của mình còn ngây thơ, thiếu kinh nghiệm, không đủ sức đương đầu trước cuộc đời quá nhiều cạm bẫy giăng mắc khắp nẻo đường trần. Quan niệm của cha mẹ cho rằng:

*)- Trường học khác hơn trường đời, trường học chỉ dạy trên lý thuyết nhưng không có dạy trên kinh nghiệm sống; trường đời mặc dù không dạy trên lý thuyết, nhưng trực tiếp dạy trên kinh nghiệm. Chỉ có kinh nghiệm mới giúp con người sống thực tế hơn.

*)- Con cái của mình mặc dù thông minh trên trường học, nhưng thiếu kinh nghiệm trên trường đời. Cha mẹ mặc dù không thông minh bằng con cái trên trường học, nhưng rất kinh nghiệm trên trường đời.

*)- Con cái mới lớn lên còn ngây thơ trên trường đời, chúng nó chỉ biết bề mặt của trường đời mà không biết bề trái của nó. Thí dụ chúng nó chỉ biết bề mặt của tình yêu nhưng không biết mặt trái của tình yêu.

Trên trường đời, tuổi trẻ ngây thơ tưởng rằng: đời toàn là hoa gấm, vàng son trải thảm trên cuộc hành trình may mắn và hạnh phúc, nhìn đời với đôi mắt ngang bằng sổ thẳng mà không biết uyển chuyển tùy duyên để vươn mình lên. Trong xã hội, con người cần có mực thước công bằng để xây dựng đời sống vật chất, nhưng về mặt tình cảm, con người nếu như sử dụng mực thước công bằng để xây dựng hạnh phúc thì sẽ thất bại, nguyên vì "Thẳng mực tàu, đau lòng gỗ," mà ở đây con người phải xây dựng tình cảm trên nguyên tắc "Hạnh Tùy Duyên" để có hạnh phúc, giống như dòng nước uyển chuyển đều có mặt khắp nẻo ngọn ngành của sông hồ. Đối với cuộc đời Hạnh Tùy Duyên là hạnh biết sống đúng với châm ngôn của Phật Giáo là: "Khôn thì chết, Dại thì chết, chỉ Biết thì mới sống." Chữ "Biết" ở đây nghĩa là sống biết tùy duyên theo hoàn cảnh. Người biết sống tùy duyên phải là người có kinh nghiệm đời và cha mẹ của chúng ta chính là một trong những người sống có kinh nghiệm ở đời. Cho nên chúng ta là con cái mới lớn lên cần phải có cha mẹ hướng dẫn trên kinh nghiệm trường đời. Đó là lý do cha mẹ hai bên lo lắng cho chúng ta khi chúng ta ra riêng tự lập. Điều nên nhớ cha mẹ hai bên có dạy dỗ cho chúng ta những điều gì, chúng ta nếu thấy những điều đó có lợi ích thiết thực cho mình thì chân thành tiếp nhận, còn chúng ta nhận thấy những điều dạy dỗ đó không thiết thực cho mình thì chỉ lắng nghe mặc niệm cho qua, không nên có thái độ phản ứng bất kính đối với bề trên.

c)- Mục đích thứ ba:

Như trước đã trình bày ở mục Giai Đoạn Tuổi Già, cha mẹ khi già yếu, tuổi gần đất xa trời, ngoài việc thân thể bất an, tứ chi mỏi mệt, tâm trạng của họ trở nên lo âu cho số phận hẩm hiu, cảm thấy đường trần lần lần thâu ngắn, hố thẳm tử sanh mỗi ngày mỗi gần kề, không biết rồi đây sau khi từ giã cuộc đời mình sẽ đi về đâu. Đứng trước tình trạng khổ đau vì mịt mờ nẻo trước này của đấng sanh thành, phận làm con hiếu hạnh phải thường xuyên đến vấn an sức khỏe và tìm mọi cách an ủi cha mẹ cho vơi bớt não phiền ngõ hầu đem lại đôi chút niềm vui cuối đời của tuổi xế chiều. Đó là nghĩa vụ của mục đích thứ ba.

(còn tiếp)

BÁT QUAN TRAI GIỚI

Thích Tuệ Sỹ

(tiếp theo và hết)

NỘI DUNG TÁM GIỚI

Bát quan trai giới, là trai giới có 8 chi. Nội dung các chi, theo ý nghĩa, chia làm 4 phần.

1. Giới tự tánh, gồm có 4 chi: sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ. Nói là tự tánh, vì đó là phẩm chất cơ bản nhất của con người. Mất đi những phẩm chất này thì cũng mất luôn giá trị làm người, mà đọa lạc xuống thành hàng súc sinh, động vật thấp. Phật xuất hiện hay không xuất hiện ở đời, 4 phẩm chất này là cần thiết để được tái sinh làm người. Tuy nhiên, khi có Phật ra đời, quy định thành điều học; và Phật tử phát nguyện thọ trì, bấy giờ tự thân giới phát triển thành năng lực vừa phòng hộ, vừa nâng cao tâm của người thọ trì hướng về Thánh đạo.

Bốn chi này là căn bản của ngũ giới. Có sự khác biệt trong 8 giới là không được dâm dục, trong khi năm giới chỉ tránh sự tà dâm. Do hiệu lực của năm giới là thọ suốt đời, mà trong 8 giới chỉ thọ một ngày một đêm, nên thể của các giới này cũng có sự khác nhau. Như giới sát sanh. Trong năm giới, nó có giá trị phòng hộ để không bị báo ứng đau khổ về sau, là phước báo trong loài người mà thôi. Trong 8 giới, nó không những tăng cường năng lực phòng hộ, mà còn phát triển thành nhân tố tích cực, trở thành năng lực đối trị phiền não, chế ngự và diệt trừ tâm sân hận, từ đó dễ dàng chứng đắc các thiền, cao hơn nữa là các Thánh quả.

2. Một chi trừ phóng dật, là chi giới cấm uống rượu, dùng các chất say; những thứ khiến cho tâm trở thành buông lung, không được kiểm soát. Trong năm giới, chi tránh uống rượu chỉ là sự phòng hộ không để say sưa, mất tự chủ, rồi dẫn đến phạm các giới khác. Trong 8 giới, chi tránh xa uống rượu này trở thành năng lực ngăn trừ sự phóng dật, hay buông lung.

Phật dạy: có một pháp dẫn tới Niết bàn và có một pháp khiến các người làm nô lệ cho ma quỷ tức ma vương, tử thần. Một pháp, nếu ai thành tựu, có đầy đủ, ai có nó nắm ngay trong lòng mình, người có pháp đó sẽ không bao giờ thoát khỏi bàn tay của ma vương, của tử thần. Đó là phóng dật, buông lung.

Còn một pháp thoát khỏi sự khống chế của ma vương đi tới cứu cánh an lạc, đó là không buông lung

Buông lung là sự buông thả, hay xao lãng, làm càn, làm dở, không tự kiểm soát mình, là không tỉnh giác. Như học trò muốn thi đậu. Ngày mai thi, bài học chưa thuộc, nhưng lại buông lung theo các các trận bóng đá, mà hậu quả là sự thi trượt. Đó là trạng thái buông lung không kiềm chế được. Người có buông lung thì không làm gì nên nổi sự nghiệp lớn; luôn luôn thất bại.

Buông lung gồm có buông lung thân, buông lung tâm. Buông lung thân là thế nào? Mệt một chút thì đi nằm, ngồi học một chút buồn ngủ quá thì đi ngủ. Người tu ngồi lần chuỗi mới được nửa chuỗi thì nghĩ tưởng đủ thứ chuyện. Buông lung tâm là xao lãng, mất chánh niệm, suy nghĩ viễn vông, không tập trung tâm ý vào điều thiện, nên cũng dễ được dẫn đến chỗ làm càn, làm bậy.

3. Hai chi ngăn trừ kiêu mạn. Một, tránh không ngồi nằm trên các thứ giường tòa cao rộng. Hai, tránh trang sức các thứ tràng hoa, anh lạc, thoa ướp hương thơm; cũng tránh không ca múa, hát xướng, cố ý xem nghe. Trong giới sa-di, hai chi này được phân thành ba, vì mục đích học tập chánh niệm.

Ở đời, giai cấp và địa vị xã hội là những tiêu chuẩn để phẩm định giá trị một người. Ông hoàng đế khi vi hành, chỉ mang theo vài ba lính hầu, phục sức như dân dã; chẳng ai sợ, cũng chẳng được ai tôn kính. Thuở xưa, vua Ba-tư-nặc mỗi khi ra khỏi hoàng cung đều có tiền hô hậu ủng, gươm, giáo, tàn lọng; nhưng khi đến tinh xá hầu Phật; ông bỏ hết tất cả nghi trượng vua chúa quyền uy ấy, chỉ một mình đi bộ đến giảng đường, cúi lạy Phật. Không thể bước vào Thánh đạo với tâm kiêu mạn, với cảm tưởng quyền uy, giàu sang nào cả. Phật nói, như bốn con sông lớn khi chảy vào biển cả, chỉ còn một vị mặn duy nhất; cũng vậy, đời có phân biệt bốn giai cấp sang hèn khác nhau, nhưng khi bước vào Thánh đạo, tất cả hòa thành một hương vị duy nhất, là hương vị giải thoát.

4. ***Một chi là thể của bát quan trai****.* Đó là chi không ăn phi thời, làm nền tảng cho tất cả 8 điều. Do chi không ăn phi thời này mà bản chất giới sát sinh, v.v., trong 5 giới khác với thể của các chi trong 8 giới.

Chúng ta biết rằng, trong phong tục Trung hoa, khi một ông Vua muốn làm lễ tế thiên địa, thì trước đó phải dọn mình cho sạch sẽ bằng cách trai giới một tuần tức 10 ngày. Trai giới ở đây là kiêng cữ rượu thịt và sắc dục.

Trong tục lệ tôn giáo Vệ-đà của Ấn độ, người gia chủ muốn làm dâng lễ Soma cho thần linh, trước hôm hành lễ cũng phải trai giới, tức không ăn chiều.

Những tục lệ như vậy thuộc về tín ngưỡng, nặng tính cầu nguyện, không ảnh hưởng gì đến việc tu tập của Phật tử. Nhưng, những ngày mà họ chọn để hành lễ thì quả thật có ý nghĩa.

Thật ra, trong xã hội nông nghiệp cổ xưa, các hiền triết hay đạo sĩ sống trong rừng, do quan sát tâm tư mình hay do tiếp xúc với dân chúng, họ nhận thấy, tâm tư con người vào những ngày này rất dễ bị tác động; hoặc dễ cáu kỉnh hơn ngày khác, hoặc dễ cảm thấy hoan hỷ hơn. Nhưng vì không thể lý giải bằng ngôn ngữ của lý trí, nên họ biểu hiện ý nghĩa đó qua tín ngưỡng thần linh, rằng tình trạng thay đổi tâm tính bất thường như vậy là do ma quỷ quấy nhiễu, hay do thần linh phò trợ.

Với Phật tử đã thọ Tam quy Ngũ giới thì không có ngày nào là không tránh xa sự sát sinh, trộm cắp, nói dối, v.v.. Nhưng sự tránh xa này chỉ là trạng thái tiêu cực. Rồi khi thọ trì trai giới, tránh không ăn phi thời, thì sự không ăn phi thời này chính là lực tác động khiến cho năng lực phòng hộ của giới được tăng trưởng. Vì vậy, giới này cũng được gọi là giới Trưởng tịnh. Vì sao? Ý nghĩa cũng đơn giản thôi. Người đời, sự ăn và sự uống là một phần của sự sống cho nên không cảm thấy có gì khác lạ trong sự ăn uống hằng ngày. Nay thọ trì trai giới, ý thức rằng từ trưa nay cho đến sáng mai, mình không ăn và chỉ uống những thứ được quy định là như pháp; do đó mà trong tâm thường trực hiện hành một năng lực phòng hộ, tránh không ăn phi thời. Năng lực này làm nền tảng, cũng là làm chất xúc tác, để cho năng lực phòng hộ của các giới khác tự nhiên luân lưu và tăng trưởng. Do đó, nếu người thọ trì giới bát quan trai mà ăn phi thời, thì thể của trai giới tự động hủy.

Mặt khác, với người đời, bữa ăn chiều tối là chính. Trong đó, không chỉ ăn uống, tiệc tùng, hưởng thụ các thứ vật dục, các lạc thú trần gian; mà đó còn là các mối quan hệ xã hội, là cơ hội giao tiếp, bàn bạc các công việc làm ăn, thiện có ác có. Nói cách khác, đó là thời gian thắt chặt các sợi giây ràng buộc của xã hội. Một ngày tránh ăn phi thời, là tạm thời tránh xa những quan hệ ràng buộc xã hội như vậy. Chính do sự tránh xa này mà người tại gia cảm nghiệm được ý nghĩa viễn ly, rõ được giá trị của sự giải thoát khỏi những buộc ràng thế tục. Đó chính là khởi đầu của Thánh đạo. Cho nên, giới này cũng được gọi là giới cận trụ; là giới mà năng lực phòng hộ dẫn người thọ trì đi gần đến Thánh đạo.

Với ý nghĩa như vậy, sự thọ trì bát quan trai giới chính là thọ trì sự không ăn phi thời. Những nghi thức khác, như cúng dường ngọ trai, hay tụng kinh, bái sám, chỉ là các hình thức hỗ trợ cho giới thể được vững mạnh. Đó không phải là những điều cốt yếu trong sự thọ trì bát quan trai giới.

Thời Phật, các cư sĩ như Ông Cấp Cô Độc, hay Bà Tỳ-xá-khư, là những nhà đại phú hộ; có cơ nghiệp gia sản to lớn. Họ vẫn thường xuyên thọ trì trai giới. Vào ngày thọ giới, họ đến chùa xin giới với một vị tỳ kheo hay tỳ kheo ni, sau đó trở về nhà, quản lý công việc làm ăn buôn bán như thường. Nhưng do sự không ăn chiều, trong thân tâm họ giới thể tự nhiên luân lưu trọn một ngày đêm.

Đa số người thọ giới vì thói quen ăn chiều nên muốn được châm chước. Tức là xin được ăn cháo, hay các thứ bột ngũ cốc cho đỡ đói. Làm như vậy thì sự thọ trì trai giới không còn ý nghĩa là trì giới, mà chỉ là việc làm lành để cầu phước thôi. Thật ra, nhịn đói một ngày, chẳng thiệt hại gì. Trái lại, nếu tập nhịn được, người thọ trì sẽ thấy ích lợi vô cùng của giới pháp này. Tất nhiên, chỉ những ai có hành mới có hiểu.

TĂNG TRƯỞNG THIỆN CĂN

Trong các thiện căn, thứ nhất là tín tâm, thứ hai là tinh tấn. Tinh tấn chính là nghị lực, nó là gốc rễ của thiện căn, không có nghị lực, không phát triển thiện căn được.

Tinh tấn hiểu là siêng. Siêng thì ai cũng siêng được, vì người đời sống thì cần phải làm việc chứ ngồi không dễ sinh chán, ngồi xem TV hoài, thích thú mấy rồi cũng có lúc mệt mỏi, chán chường. Siêng năng như vậy không phải là tinh tấn.

Người tinh tấn là người có nghị lực. Nhiều người cứ nghĩ nghị lực là làm việc gì lớn lao như bậc đại trượng phu. Dù làm việc lớn việc nhỏ gì cũng phải giữ vững quyết tâm, phải kiên trì; từ chuyện nhỏ cho tới chuyện lớn, đã quyết định thì không bỏ. Đó là nghị lực cần được huấn luyện. Ở đời, dễ mất nghị lực. Có nhiều người khi hứa thì hăng hái, dũng mãnh. Rồi sau đó thì nguội dần, cho đến khi tắt hẳn. Tất

nhiên mọi sự đều có lý do biện hộ; đều có cái lẽ tại vì, hay bởi vì. có cái lẽ tại vì, hay bởi vì. Chính các cớ sự được dẫn ra để biện hộ cho sự thoái thất của mình ấy nuôi dưỡng sự buông lung trong ta một ngày một lớn.

Mất nghị lực, thì tín tâm rồi cũng sẽ mất; các pháp thiện cũng bị xao lãng và dần dần đi đến chỗ đoạn tuyệt. Cho nên, có tín thì phải có tấn, có đủ nghị lực mới có thể tập trung chú ý, tức có niệm. Có niệm, có tập trung chú ý, mới có nhận thức đúng, chân chính; tức có huệ.

Làm thế nào để phát triển các thiện căn này, là tín, tấn, niệm, định, huệ?

Học tập thọ trì bát quan trai giới để gần gũi đời sống một vị A-la-hán, để có chánh tín nơi Thánh đạo, biết rõ có con đường thánh, có con đường ra khỏi thế gian cho mình đi.

Tinh tấn là nghị lực. Niệm, tức chánh niệm, không xao lãng pháp thiện, không quên bỏ mục đích tối thượng của đời mình.

Niệm thông thường để có niềm tin. Niệm là nhớ, suy nghĩ, từ suy nghĩ cho đến chánh niệm. Trong tu bát quan trai giới, người Phật tử thọ giới được khuyên dạy là nên tu tập pháp môn lục niệm tức đối tượng để chiêm nghiệm và suy niệm. Đó là : niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên. Đây cũng là một phần của việc tu định.

Niệm Phật, là niệm những phẩm tính của Phật. Phật là đáng Đại giác, đã diệt trừ phiền não, đạo đức toàn vẹn, không còn tham sân si; Phật là đấng Ứng cúng, Chánh biến tri, là đấng Giác ngộ hoàn toàn… 10 hiệu của Phật.

Niệm Phật là nghĩ đến những đức đại từ, đại bi, đại trí, đại tuệ chứ không phải chỉ niệm mà không biết gì.

Niệm Pháp là niệm những lời dạy của đức Phật. Pháp của đức Thế Tôn khéo nói, khéo giảng dạy; pháp đó vốn thanh tịnh, ly dục, nếu mình thực hành thì có hiệu quả ngay, đem an lạc ngay trong hiện tại; pháp mà Phật giảng dạy là đến để mà thấy, để chứng nghiệm, chứ không phải đứng xa xa mà nghe. Nếu không đến, không thực hành, không chứng nghiệm thì không thể hiểu được. Đó là tính chất Pháp của Phật giảng dạy.

Niệm Tăng. Tăng là chúng đệ tử của Phật, những vị đang đi trên con đường thánh đạo, đang thực tập, là phàm Tăng hoặc là thánh Tăng đang hướng đến Niết bàn hay chứng đạo quả Niết bàn, có thật những vị Tăng trong thế gian. Niệm Phật, Pháp, Tăng để có chánh tín rằng có Thánh đạo ngay trong cõi đời này.

Niệm Thí là suy niệm về sự thực hành bố thí có hiệu quả. Ở thế gian thực tập hạnh thí xả; xả bỏ tiền tài, danh vọng, không tham lam chấp trước tài sản.

Niệm Giới là suy niệm làm thế nào giới không bị khuyết, không bị vỡ, không bị sứt mẻ, không bị hoen ố, không bị tì vết như viên ngọc, phẩm chất trong sáng.

Niệm Thiên là suy niệm rằng ngoài cõi người này còn có cõi trời, thế giới của thiên thần, xa hơn nữa có thế giới của Bồ Tát, của Phật, ít nhất là trên cõi người còn có những thế giới cao hơn con người.

Nếu vun trồng được thiện căn, cơ bản là thành tựu được bát quan trai giới, nó sẽ phát sinh ra hiệu quả mình sẽ thấy, mình cảm nhận được Phật Pháp vi diệu, đưa mình lên đời sống cao hơn, càng thấy phẩm giá mình càng lúc càng lên cao.

Phật pháp không lìa khỏi thế gian. Điều đó có nghĩa Phật pháp chính là sự sống. Hiểu Phật pháp là hiểu lẽ sống của mình. Sống phải biết mục đích sống, tại sao mình sống, tại sao mình chết. Sống cả cuộc đời, làm ăn vất vả lam lũ, may mắn thì làm vua làm chúa, cuối cùng chả biết đi về đâu; thế thì uổng lắm.

Cầu mong các Phật tử sau một ngày thọ trì trai giới, thấy mình được gần Thánh đạo hơn một bước.

"Học tập thọ trì bát quan trai giới để gần gũi đời sống một vị A-la-hán, để có chánh tín nơi Thánh đạo, biết rõ có con đường thánh, có con đường ra khỏi thế gian cho mình đi." **(Bát Quan Trai Giới—Tuệ Sỹ)**

Những dấu lặng lang thang

(tặng Tuệ Sỹ)

Những dấu lặng lang thang trong cõi vô cùng
Vết son đỏ trên môi ai linh cảm
Một giấc mơ trên phím trắng
Thả vào tiếng hát của sợi tóc
Thả vào âm rất xanh
Gọi mời những chiếc lá khô
Thức dậy hoan ca lời viễn xứ
Lời của những chiếc bóng không tên
Ngồi giữa hư không nức nở…

Người đi đâu người về đâu?!
Những dấu hỏi khôn nguôi trên vầng trán
Những luống cày của lời-tuyệt-tận
Đá khắc ghi nụ cười bỏng bẽnh
Vân thạch vang tiếng nói
Ngàn trùng vang giọng chào
Chào bể dâu chào tinh khôi
Tiếng dương cầm tung cánh dạ khúc
Em đã trở về
Trong giọt sương xanh…

Những dấu lặng lang thang trong cõi vô cùng
Đêm xướng danh những vì sao
Xướng danh vô danh
Cơn mưa âm réo rắt
Cơn mưa âm trùng trùng
Hãy nghiêng vai em ơi hứng chút tàn phai
Mùa màng cảm động những đóa dã quỳ
Tiếc thương làm chi những câu thơ quá tím
Thầm gọi nhau trong tiếng đàn…

Những trận gió đa tình trên đỉnh vu sơn
Lạnh càng lạnh nguồn cơn vũ trụ
Đi đâu về đâu trong sát na?!
Nhắn gửi dùm ta những giọt máu tận hiến
Thơ đã chin mấy mùa địa ngục
Chiếc lá khô muốn níu tay người
Gửi lại chút dư vang đẫm lệ
Đi đâu về đâu trong giá băng?!
Ngất tạnh những mùa trăng Mười Sáu…

Những dấu lặng lang thang trong cõi vô cùng
Cầm dương xanh mướt bóng núi
Viên đá cuội điếc hết tịch liêu
Sợi rơm vàng nhớ ruộng
Như ta nhớ ta nhớ kẻ lạ
Nhớ một điều gì chẳng biết
Vẫn thiết tha phím trắng
Vẫn thiết tha hoài niệm
Chừng như ta gọi thầm ta…

Nguyễn Lương Vỵ

9.2009
(nhân đọc Những Điệp Khúc Cho Dương Cầm *của Tuệ Sỹ)*

CHÙA PHẬT ĐÀ
4333 30th Street, San Diego, CA 92104
ĐT: (619) 283-7655 / (760) 739-8063
Email: phatngoc_hoabinh_tvpv@yahoo.com

THƯ CUNG THỈNH

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Trưởng Lão Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni,
Kính Bạch quý Ngài,

Hòa bình là ước vọng chung của con người trên thế giới. Từ ước vọng này con người luôn tâm nguyện xây dựng và thiết lập một đời sống ấm no, hạnh phúc; kiện toàn một xã hội an hòa, lành mạnh giữa người với người. Hòa bình là nguồn mạch để kiến tạo một cộng đồng người đạt đến Chân, Thiện, Mỹ; là chất liệu bồi đắp và thăng hoa giá trị sống đích thực cho con người trên hành tinh này.

Từ nhiều thiên niên kỷ qua cho đến hôm nay con người đã tích cực đóng góp những sáng tạo để đưa đến nhiều thành quả cho nền hòa bình thế giới, mà sự sáng tạo và thành quả hòa bình trong thiên niên kỷ 21 này là tượng Phật Ngọc Hòa Bình Cho Thế Giới - Jade Buddha For Universal Peace.

Trước những thảm họa của chiến tranh thì hòa bình là biểu tượng của một đời sống cao thượng. Trước những thiên tai bão lụt, sóng thần, động đất... thì hòa bình là hình ảnh của những tươi mát, ấm áp được tạo lập để chuyển hóa những sự tàn phá, đau thương đó.

Chính vì ý nghĩa phụng sự cho hòa bình, cũng như nhiều ý nghĩa cho cuộc sống này, chúng con thành tâm kính cung thỉnh Phật Ngọc Cho Hòa Bình Thế Giới được tổ chức tại Tu Viện Pháp Vương, từ ngày 07-16/ 02/ 2010, để quý đồng hương, đồng bào Phật tử chiêm bái, đảnh lễ tạo phước lành, vun trồng nhân thiện mà cầu nguyện Đạo Pháp Trường Tồn, Thế Giới Hòa Bình, Chúng Sinh An Lạc. Do vậy, chúng con nhất tâm đảnh lễ cung thỉnh chư Tôn Trưởng Lão Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni vì lòng từ mẫn quang lâm chứng minh, tham dự buổi Lễ Khai Mạc Chiêm Bái Phật Ngọc:

- Địa điểm: Tu Viện Pháp Vương
  715 Vista Ave., Escondido, CA 92026 - (760) 739-8063
- Thời gian: 3:00 chiều Chủ Nhật, ngày 07 tháng 02 năm 2010.

*** Lễ Bế Mạc:** 11:00 trưa thứ Ba, ngày 16 tháng 02 năm 2010

Sự hiện diện cao quý của chư Tôn Đức Tăng Già là phước báu vô lượng cho hàng Phật tử chúng con trên con đường phụng sự Đạo pháp.
Kính chúc quý Ngài Phước Trí Nhị Nghiêm, Đạo Quả Viên Thành.

TV Pháp Vương, Escondido, ngày 21-10-2009
Kính Bái Thỉnh,
Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

Quang cảnh một khóa lễ diễn ra tại Tu viện Pháp Vương, nơi chuẩn bị cung nghinh Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới và tháng 02 năm 2010.

CHÙA PHẬT ĐÀ
4333 30th Street, San Diego, CA 92104
ĐT: (619) 283-7655 / (760) 739-8063
Email: phatngoc_hoabinh_tvpv@yahoo.com

THƯ MỜI

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý Đồng hương, đồng bào Phật tử,

Hòa bình là ước vọng chung của con người trên thế giới. Từ ước vọng này con người luôn tâm nguyện xây dựng và thiết lập một đời sống ấm no, hạnh phúc; kiện toàn một xã hội an hòa, lành mạnh giữa người với người. Hòa bình là nguồn mạch để kiến tạo một cộng đồng người đạt đến Chân, Thiện, Mỹ; là chất liệu bồi đắp và thăng hoa giá trị sống đích thực cho con người trên hành tinh này.

Chính vì ý nghĩa phụng sự cho hòa bình, cũng như nhiều ý nghĩa cho cuộc sống này, chương trình chiêm bái Phật Ngọc Cho Hòa Bình Thế Giới được tổ chức tại Tu Viện Pháp Vương, từ ngày 07-16/ 02/ 2010. Đây là một nhân duyên thù thắng để quý đồng hương, đồng bào Phật tử chiêm bái, đảnh lễ tạo phước lành, vun trồng nhân thiện mà cầu nguyện Đạo Pháp Trường Tồn, Thế Giới Hòa Bình, Chúng Sinh An Lạc. Thay mặt Ban Tổ Chức, trân trọng kính mời quý Đồng hương, đồng bào Phật tử hoan hỷ tham dự đông đủ:

*** Lễ Khai Mạc Chiêm Bái Phật Ngọc:**
- Địa điểm: Tu Viện Pháp Vương
  715 Vista Ave., Escondido, CA 92026
  Tel.: (760) 739-8063
- Thời gian: 3:00 chiều Chủ Nhật, ngày 07 tháng 02 năm 2010.

*** Lễ Bế Mạc:** 11:00 trưa thứ Ba, ngày 16 tháng 02 năm 2010

Sự hiện diện của toàn thể quý vị là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức.
Thành tâm kính chúc quý vị vô lượng an khang, cát tường như ý.

TV Pháp Vương, Escondido, ngày 29-10-2009
Ban Tổ Chức,
Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

DIỄN ĐÀN

Đôi điều với Liên Thành về "Biến Động Miền Trung"

Trần Kiêm Đoàn

Sau hơn 30 năm ra nước ngoài im hơi lặng tiếng, gần đây ông Liên Thành, cựu thiếu tá trưởng ty cảnh sát Thừa Thiên Huế (xin viết tắt là LT), viết hồi ký nói lên những gì ông biết về tình hình chiến tranh, chính trị và xã hội tại Miền Trung Việt Nam trong khoảng thời gian từ 1963 đến 1975.

Được tin LT sẽ ra mắt sách tại Sacramento, thành phố thủ phủ tiểu bang California vào đầu tháng 11 năm 2009. Đang là một cư dân tại thành phố nầy, tôi xin gởi lời chào LT, một đồng hương xứ Huế và cũng người đồng trang lứa với tôi. Trước cùng lớn lên và đã sống hơn nửa đời trong khung trời Huế và nay trong cảnh "tha hương ngộ cố tri!"

Tập sách "Biến Động Miền Trung" (viết tắt BĐMT) và những bài viết của LT về một số nhân vật thành danh xứ Huế đã tạo nhiều dư luận xôn xao trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Xôn xao, bởi vì về mặt tâm lý, khát vọng lý giải hậu quả bi thảm của cuộc chiến Việt Nam đã trở thành một nỗi ám ảnh thường trực và chung thân đối với tập thể người Việt tỵ nạn ở nước ngoài. Sự phân định, xác quyết, chỉ danh điểm mặt hai tuyến nhân vật thiện–ác, chánh–tà trong cuộc tương tranh ba mươi năm đầy máu lệ là một nhu cầu tình cảm, tâm lý và tri thức của cả một thế hệ đang lần bước đến tuổi già, đang từng tháng, từng ngày thay phiên nhau về đất.

Trong một tiến trình truy tìm bằng chứng, phân tích, lý giải để tìm câu trả lời cho một vấn đề, nếu chỉ đứng về mặt phương pháp luận thì Đông – Tây rất khác nhau. Người phương Tây thiên về lý, phương Đông ta thiên về tình; phương Tây thường lý luận và chứng minh bằng dữ kiện khách quan độc lập, phương Đông ta thường suy diễn bằng cảm nhận và kinh nghiệm chủ quan tập thể. Xác định điều nầy để nói lên sự dè dặt và cẩn trọng cần thiết về tính khả tín – mức độ đáng tin cậy – khi đọc và tìm hiểu một bản tin thời sự hay một tác phẩm liên quan đến tình hình thời cuộc như LT và BĐMT.

Qua những điều LT đã viết và đã nói trên đài phát thanh, trong các buổi hội luận thì chi tiết nầy kia có chỗ khác nhau, nhưng nội dung và chủ đích chỉ có 3 điều nổi rõ hơn cả:

Thứ nhất, LT đã cố gắng tạo ra một bối cảnh xuất thân đầy sôi động về vai trò và quyền lực cá nhân trong vị thế trưởng ty cảnh sát Thừa Thiên Huế quá nhỏ bé và giới hạn của bản thân mình trong bối cảnh chung của toàn đất nước bằng một thế giới thiên hình vạn trạng của lĩnh vực "tình báo". Đó là một thế giới của mê hồn trận mà trong lịch sử chiến tranh và chính trị kim cổ, cho đến nay, con người vẫn còn hoang mang trong vấn nạn nhiều hơn là giải đáp vì nó dày đặc huyền thoại nhiều hơn là dữ kiện.

Thứ hai, LT đã cố ý cột buộc và đồng hóa phong trào đấu tranh Phật giáo 1963 và các hoạt động của Phật giáo trở về sau đều là cộng sản. Theo ông, các nhà sư Phật giáo trong hàng giáo phẩm lãnh đạo phong trào là đảng viên cộng sản. Từ đó, LT suy luận và diễn giải rằng, các sinh hoạt Phật giáo có liên quan gián tiếp hay trực tiếp với một tình hình xã hội miền Nam thời chiến đầy biến động là do Cộng sản Việt Nam (CSVN) điều khiển, giật giây. Tự phong cho mình vai trò phán quan của một kiểu tòa án mặt trận thời chiến pha trộn với hình thức ngôn ngữ của các cuộc đấu tố, LT cho mình quyền tự do mạ lỵ không tiếc lời các đối tượng mà ông đã "phán" là cộng sản.

Thứ ba, LT đã tự mình, cùng lúc, đứng ra làm thủ lãnh, chứng nhân, nạn nhân, quần chúng… của một thế giới ma để ông tha hồ gắn lên môi, lên mép, lên nhân dáng tưởng tượng của những người đã nằm im trong lòng đất những lời nói, ý tưởng, động thái, chứng tích không thể kiểm chứng và không còn ai đối chất. Từ đó, LT đã đơn giản yên trí rằng, ông đã "đả thông tư tưởng", thuyết phục được độc giả và người nghe đứng về phía ông để cho đấy là "sử liệu sống" của thời nay.

Tìm hiểu phản ứng của một số người giới hạn có dùng internet và đọc sách báo tiếng Việt thuộc mọi thành phần xã hội, tôn giáo, có biết đến LT và BĐMT thì được biết thái độ của họ đã thể hiện trong nhiều cách thế khác nhau:

- Những người tin những điều ông nói là đúng sự thật và lên tiếng thì đứng khắp mọi phía bên nầy, bên kia; đằng nầy, đằng nọ nên kết luận phía nầy lắm lúc trở thành câu hỏi của phía khác.
- Những người cho LT là dối trá thì phản ứng lạnh nhạt. Họ cho rằng đây chẳng qua là một cuộc đánh trống khua chiêng của LT tự quảng cáo mình một cách dễ dãi phù hợp với bản chất cố hữu của ông từ trước tới nay với sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhóm "Phù Ngô phục hận" đầy bản lĩnh đang đứng ở hậu trường (?!)
- Những người có quan tâm mà im lặng thường không phải là họ không biết, nhưng chỉ vì vấn đề và hoàn cảnh chẳng đáng quan tâm nên không đáng nói mà thôi.

Trong giới hạn của một bài viết ngắn dưới hình thức "đôi điều góp ý", thay cho lời chào hỏi xã giao khách phương xa đến viếng vùng mình, người viết không có tham vọng và có lý do đứng ở một vị trí nào đó để làm công việc biện minh không cần thiết và phán xét chưa đủ căn cứ cho các nhân vật và hoàn cảnh đã được nêu lên trong BĐMT. Những nhân vật lịch sử và những ván bài thời cuộc xin trả về cho lịch sử sẽ phán xét công bằng và chung quyết. Đây chỉ là đôi lời dấy lên như một phản ứng "qua đường thấy việc bất bằng chẳng tha" mà thôi. Xin đi vào nội dung:

Điệp báo và nói láo:

Đó là nhan đề cuốn *sách "Of Spies and Lies"* của *John F. Sullivan* viết về mặt trận tình báo trong chiến tranh Việt Nam. Nội dung cuốn sách đã trực tiếp hay gián tiếp nhắc đến nhiều trường hợp các nhân sự Việt Nam trong giới thường dân, công chức, cảnh sát, quân đội… làm cộng tác viên, điểm chỉ viên với các đơn vị tình báo của Mỹ đã bị các đơn vị đặc nhiệm phản tình báo của CSVN đánh tráo tin tức. Sự đánh lừa trong nhiều trường hợp đã tạo ra những nguồn tin sai lạc nhằm gây mâu thuẫn, phân hóa, chia rẽ, hạ bệ và bôi đen phẩm cách của những nhân vật "bị" nổi tiếng mà xét ra không có lợi cho ý đồ lâu dài trong sách lược chiếm trọn miền Nam của họ. Giới tình báo hành chánh bị lừa ngồi trong công sở và bàn giấy chỉ việc rung đùi nghe báo cáo từ các cộng tác viên, yên chí lớn là đã "nắm vững tin tức tình báo" để phản ứng. Thái độ chấp nhận vấn đề – dối trá hóa thật – mà cứ mang ảo tưởng là nắm vững và giải quyết được vấn đề đã góp phần tạo nên những tai họa cho địa phương và cả miền Nam sau nầy.

Đọc phần nói về vai trò tình báo bao quát trong mọi lĩnh vực, thấu suốt mọi vấn đề, nắm vững mọi hoàn cảnh, thấy được mọi ngõ ngách bao gồm luôn cả ta, địch và đồng minh của LT trong BĐMT, người đọc có cảm tưởng như đang coi chuyện võ hiệp kỳ tình. Trong đó, chưởng môn LT ngồi trong trướng võ đàn mà thấy hết hoàn toàn thiên hạ sự. Vì vậy, có thể tạm gọi BĐMT là một tập "hồi ức tạp ghi"… nghĩ chi nói nấy của tác giả LT; còn rất xa mới đủ tính khả tín của chứng tích và sử liệu.

Được biết LT lên tiếng là chỉ chấp nhận tranh luận "sự nghiệp tình báo" của ông với những người ở trong lĩnh vực tình báo mà thôi (?!). Riêng kẻ viết những dòng nầy chẳng thuộc nòi hổ báo, tình báo gì cả; nhưng chưa hẳn là kẻ "ngoại đạo" trong lĩnh vực nầy. Không biết nên chăng cần hé chút tâm sự riêng rằng, tôi đã từng dịch những hồ sơ "classified" cho Peter Downs, giám đốc cơ quan xã hội Tin Lành Việt Nam (VNCS: Vietnamese Christian Social Services) suốt mấy năm liền song song với nghề dạy học. Sau nầy mới biết ông ta là cục phó CIA đặc trách miền Trung. Vì chỉ "dịch nhi bất tác" nên sau 1975, tôi chỉ bị đuổi dạy, lái xe lam mà khỏi đi tù. Tôi có hai người anh ruột. Ông anh cả là chỉ huy trưởng lực lượng Biệt Kích Dù lần lượt ở các trại Biệt Kích trọng điểm như Thượng Đức, Khâm Đức và Khe Sanh, gắn liền số phận sinh tử với các tổ nhảy toán tình báo vào đất địch. Anh đã tử trận ở Khe Sanh năm 1967 – "Biệt Kích Dù vị quốc vong thân!" Ông anh thứ hai cũng ở trong lĩnh vực tình báo của quân lực Việt Nam Cộng hoà (VNCH), làm ở phòng an ninh Không đoàn 41. Thời gian làm việc với P. Downs và hoàn cảnh anh em chia sẻ, thông tin thường xuyên cho nhau đã giúp tôi học hỏi, làm quen và có được cái nhìn không ảo tưởng về một thế giới mà người khí tiết, kẻ gian tà, nhóm trung thành, phường phản bội biến hiện, quần thảo nhau như bóng với hình thường khó lòng phân biệt. Đó là thế giới tình báo hay nhân danh tình báo. Và, thêm vào đó, bản thân tôi cũng là chuyên viên điều tra tòa án (court investigator) về các hồ sơ tội phạm ngược đãi thanh thiếu niên thuộc chương trình CPS của chính phủ Hoa Kỳ trong suốt 18 năm công tác liên tục tại Sacramento.

Học hỏi và kinh ngiệm đã chỉ cho tôi biết rằng, đánh giá kết quả tình báo, điều tra là nhìn vào thành quả chứ không thể căn cứ vào hiện tượng chiến thuật và sách lược biểu hiện đầy vẻ "dung dăng, dung dẻ" biến hiện không lường trên bề mặt nổi. Kiểu cách dùng lời lẽ đại ngôn để vẽ hươu, vẽ vượn cốt làm hoa mắt thiên hạ về những điều vừa mâu thuẫn, vừa không thể nào chứng minh được là một lối diễn xuất phường tuồng, chẳng dính dáng gì đến tổ chức tình báo và tác dụng của tình báo đích thực cả.

Hoàn cảnh thực tế của Thừa Thiên Huế trong thời kỳ LT làm trưởng ty cảnh sát chỉ còn cái lõi thành phố là tương đối còn an ninh trong phập phồng lo sợ. Có thể nói đây là thời kỳ tệ hại nhất về mặt an ninh của xứ nầy. Chiều chiều, từng đoàn người dân quê trong độ tuổi lao động từ các vùng nông thôn phải đạp xe đạp lên thành phố ngủ trọ qua đêm. Bốn phía đều trở thành những vùng xôi đậu, ngày Quốc gia, đêm Việt cộng. Đi xe đạp rời khỏi cột cờ Phu Văn Lâu chừng 10 phút ra khỏi giới hạn An Hòa, Bao Vinh, Chợ Dinh, Dạ Lê, Thủy Xuân, Phường Đúc… sau chạng vạng tối là đã nơm nớp lo sợ du kích cộng sản bắt cóc hay bắn sẻ bất cứ lúc nào.

Trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, 1968 của CSVN trên toàn miền Nam thì Huế bị rơi vào tình trạng thê thảm nhất. Trên 5000 người dân vô tội bị thảm sát. Theo các nguồn thông tin đáng tin cậy thì thủ phạm điểm chỉ bắt người và giết người là những giao liên du kích cộng sản nội thành mà phần đông trước đó, đã quen đường thuộc lối, lên núi và về đồng bằng; vào thành phố Huế dễ dàng như đi chợ. Nếu LT có một mạng lưới tình báo "cái gì cũng biết" như ông nói thì thực tế đau thương của Huế tự nó đã phản bác nghiêm khắc lời tự phong vu vơ, hoàn toàn thiếu căn cứ của ông. Theo tác giả chuyên nghiệp tình báo về cuộc chiến Việt Nam, *James J. Wirtz,* viết trong sách *"Tổng công kích Tết: Sự thất bại của tình báo trong chiến tranh" (The Tet Offensive: Intelligence Failure in War)* thì tình báo Mỹ đã biết trước cuộc tổng công kích nầy từ tháng 11 năm 1967, nhưng chưa xác định được ngày giờ đích xác. Sự thất bại của tình báo Mỹ bắt nguồn từ sự thất bại của tình báo Việt Nam, mặc dầu đã biết trước sự cố từ hơn 3 tháng trước.

Sự đại ngôn thái quá của LT trong lĩnh vực tình báo đã gây tác dụng

ngược cho các chi tiết về những nhân vật và hoàn cảnh mà ông đã đưa ra với dụng ý chứng minh, phân loại và phê phán theo quan điểm tố cộng cực đoan và bất nhất riêng của mình. Mức độ đáng tin cậy về tính chất thiện, ác; chánh, tà của người và việc trong BĐMT cũng theo sự thổi phồng sai sự thật đó mà rơi xuống mức độ thấp nhất, hay trong nhiều trường hợp đã bị hiểu ngược lại. Chào mừng LT đến Sacramento, tôi chỉ muốn nhắc với người anh em đồng hương, đồng tuổi, thuộc dòng dõi quý tộc triều Nguyễn rằng, bản chất của tình báo là sự thông minh *(intelligence)* chứ chẳng phải là ngược lại.

Trả lời và câu hỏi.

Như đã xác định theo tiêu đề của bài viết, đây chỉ là đôi điều góp ý ngắn gọn. Muốn phân tích và chia sẻ cho thấu tình đạt lý về vấn đề BĐMT với LT thì ít nhất cũng cần vài ba trăm trang như có người đã viết, vì nó liên quan đến quá nhiều nhân vật, nhiều sự cố đã thành cố sự. Do đó, tôi chỉ đi thẳng vào trọng tâm của vài ba vấn đề tiêu biểu.

Trước hết là vấn đề Phật giáo với cộng sản. Phật giáo Việt Nam (PGVN) – nói chung chứ không phải là giáo hội PGVN thân chính quyền đang hiện diện trong nước – cơ bản theo tinh thần Đại Thừa. Đạo Phật đi vào cuộc đời hiện thực nên có sự tương tác tùy duyên giữa đạo và đời; đời và đạo. Tinh thần nhập thế của đạo Phật Việt Nam đã được thể hiện hài hòa từ thời Lý Trần. Vua Trần Nhân Tông là một thiền sư. Nhưng khi cần, vua cũng cầm quân ra trận đánh tan quân xâm lược Mông Nguyên. Khi thanh bình trở lại, vua treo kiếm, coi chuyện công danh như đôi dép bỏ, lên Trúc Lâm Yên Tử tu hành giác ngộ. Đạo Phật Việt Nam uyển chuyển như một dòng sông; đi song song với dòng lịch sử dân tộc nên phải chảy qua những chặng đường quanh co, khúc khuỷu theo vận nước thăng trầm. Nhìn đạo Phật mà chỉ nhìn vào một giai đoạn, một bộ phái, một tổ chức hay một phong trào riêng lẻ nằm trong toàn thể sinh hoạt Phật giáo, rồi vội vàng kết luận đạo Phật như thế này, như thế kia… là nhìn biển qua sóng, nhìn sông qua bèo; nên có nhìn mà không thấy!

Khi Việt Minh (tiền thân CSVN) dấy lên phong trào toàn quốc chống Pháp vào mùa Thu năm 1945, những người Việt Nam yêu nước không phân biệt khuynh hướng, thành phần, giai cấp xã hội đều lên đường tham gia kháng chiến. Lịch sử còn ghi lại những hình ảnh cảm động của xóm đạo Tha La. Tuy đạo Thiên Chúa chịu nhiều ân nghĩa với Pháp, nhưng năm 1946, thanh niên xứ đạo Tha La bỏ ruộng vườn, xóm đạo lại đằng sau; Linh mục Nguyễn Bá Kính cũng cởi áo lên đường cứu nước. PGVN với lịch sử gắn liền với vận nước nên nhiều nhà sư từ Bắc chí Nam cũng đã tham gia những phong trào cứu quốc nên đã bị Pháp gọi là "Giặc Thầy Chùa"!

Sau thời kỳ Việt Minh trở thành CSVN thì sự hệ lụy giữa tôn giáo và chính trị kéo dài khi nổi, khi chìm; nhưng chưa bao giờ đạo Phật quay lưng với đất nước và dân tộc.

Trong BĐMT, LT đã nhìn thấy cộng sản khắp nơi. Điều nầy đúng. Khắp miền Nam, từ phủ tổng thống đến các nha, sở, bộ; trường học, chùa chiền, tu viện; thậm chí tư thất, tư dinh đều có cộng sản len lỏi vào. LT chọn bối cảnh cho "biến động miền Trung" bằng cách cắt một mảnh cuối cùng trong cuộc chiến Việt Nam từ 1963 đến 1975. Nghĩa là từ khi có phong trào tranh đấu Phật giáo và Ngô triều bị sụp đổ cho đến khi CSVN chiếm hết miền Nam.

Nội dung và chủ đích chính của LT và cái "Think Tank" (bồn trí tuệ) sau lưng ông là trang hoàng, sơn phết, làm đầy cho một cái khung định kiến đã đúc sẵn. Cái khung khép lại chỉ đơn giản như thế nầy:

Phật giáo + Cộng sản = Đảo chánh nhà Ngô + Mất miền Nam

Đó là… cứu cánh của cách đặt vấn đề trong BĐMT. Mọi phương tiện dầu đúng, dầu sai, dầu hay, dầu dở đều là phương kế khả thi nếu nó phục vụ cho cứu cánh đã đặt định. Điều khó hiểu nhất đối với một người đọc trung bình là có chăng trăm nghìn sự kiện mâu thuẫn và cách hành xử nghịch lý như những điều LT đã diễn tả trong BĐMT đã thực sự diễn ra tại miền Nam? Những thắc mắc chính đáng của độc giả đã thể hiện qua những câu hỏi cụ thể, đại khái như: Tại sao một trưởng ty cảnh sát nhỏ bé như LT lại có quyền lực khắp nơi, khắp chốn như vậy? Tại sao một nhân viên cấp tỉnh như LT lại có uy quyền trên cả hàng tổng, bộ trưởng? Tại sao một hệ thống quân giai có kỷ cương như quân lực VNCH lại để cho một viên thiếu tá địa phương như LT có quyền hành xử tùy tiện và bất chấp như thế? Chỉ có một trong hai bên đúng: Hoặc là giới lãnh đạo quân đội và dân sự miền Nam hoàn toàn vắng bóng; hoặc là LT nói sai sự thật. Nói cường điệu quá đà toàn những chuyện không thật thì người Huế gọi đó là nói "phách tấu !" Mà lẽ nào người Hoàng phái như LT lại đi nói điều phách tấu?!

Có thể nói những tiết mục hấp dẫn nhất trong BĐMT là những màn "tình báo nổi". Trong kỹ thuật tình báo kinh điển có nói đến phần nhận diện nhân dáng và quan sát tang vật hiện trường như một nghệ thuật "warm up" (hâm nóng) ban đầu để đo lường phản ứng của nhân vật; chuẩn bị tinh thần cho một tiến trình tra vấn tiếp theo. Nhưng không biết LT đã tốt nghiệp ở trường tình báo nào mà thường khi lẫn lộn giữa kỹ thuật nhận diện với tiểu xảo coi tướng của các ông thầy bói xem giò gà xứ Huế theo kiểu xếp bộ "mắt trắng môi thâm", "tai dơi mặt chuột"… để sơ kết bản chất của những nhân vật mà ông sắp sửa kết án (nhưng chưa chắc đã thấy bao giờ). Cũng theo nguyên tắc tình báo quốc tế thì sự lẫn lộn giữa định kiến, cảm tính và lý tính sẽ "nullification" (vô hiệu) kết quả điều tra.

Trong số nhiều khuôn mặt được ông đưa ra tố cộng trong BĐMT, có hai nhân vật Phật giáo được LT chiếu cố tận tình nhất là thầy Trí Quang và thầy Đôn Hậu.

Gần nửa thế kỷ trôi qua, nhưng nhân vật Thích Trí Quang vẫn còn là một đối tượng tham khảo và phân tích của các học viện chính trị, nhân chủng và xã hội quốc tế, nhất là ở Mỹ. Mọi sự suy diễn đơn giản và phiến diện về nhân vật nầy là một trường hợp "nullification" dữ kiện đáng tiếc mà tôi đã có dịp nói ở trên.

Gần 30 năm trước, lúc mới chân ướt chân ráo đến Mỹ thì tôi đã đọc một bài viết xuất phát từ vùng Tiểu Sài Gòn nói rằng, thầy Trí Quang là trung tá Việt cộng. Ngày CSVN chiếm Sài Gòn, thầy mang lon đội mũ trung tá cầm cờ chạy rông ngoài đường phố hoan hô quân miền Bắc. Tin tức kiểu tiếu lâm AVT đó, nay mới nghe lại LT lập lại trong BĐMT! Không có gì thú vị và "xả hơi" hơn khi đọc về nhân vật Thích Trí Quang qua màn tình báo LT. Nguồn tin tình báo LT cho rằng, thầy Trí Quang là đảng viên cộng sản. Rằng, thầy là cộng sản gộc, nhận chỉ thị trung ương Đảng đứng ra sách động phong trào đấu tranh Phật giáo. Đi xa hơn nữa, LT còn viết là thầy Trí Quang có người yêu già nhân ngãi non vợ chồng là một cô bé làm thị giả 13 tuổi. Có lý nào LT là cháu của danh tăng Thích Tịnh Khiết lại hiểu tổ chức Phật giáo Huế có tiếng về giới luật khắt khe, nghiêm ngặt một cách quá nông nổi và sai lạc đến như thế. Trong tổ chức Phật giáo làm sao lại có chuyện tréo cẳng ngỗng "thị giả" nữ 13 tuổi bên cạnh một thượng tọa là thế nào? Chưa hết, LT còn kể là ông đã cãi lệnh tướng tư lệnh cảnh sát Nguyễn Ngọc Loan, vào lục soát phòng riêng của thầy Trí Quang và tìm thấy một bằng chứng hùng hồn cho sự nghiệp tình báo của ông là một cái xì líp đàn bà. Tưởng tượng vượt quá giới hạn đạo lý sẽ trở thành vô luân.

Thầy Trí Quang là một tu sĩ nổi bật trong cuộc đấu tranh Phật giáo 1963. Thầy được (hay bị?) báo chí Âu Mỹ và Việt Nam khai thác triệt để; hình thầy xuất hiện trên trang đầu của những tờ báo lớn như Time, FP với những lời bình luận nóng hổi. Đa số những bài viết đều có một điểm chung khá tương tự về khuynh hướng Dân Tộc của thấy Trí Quang: Không lệch theo con đường duy vật vô thần của khối Cộng sản; mà cũng chẳng nghiêng về con đường duy linh nhất thần của khối Tư bản. Thầy đứng giữa "hai lằn đạn". Bên tả cho thầy là CIA, bên hữu cho thầy là Cộng sản.

Biến động 1966 phát xuất từ nguồn gốc là người Mỹ đã chuyển hướng biến Miền Nam thành kho súng đạn sau khi xoa tay bức tử triều đại Ngô Đình. Mỹ không muốn mất thời gian tái tổ chức một xã hội miền Nam theo mẫu mã dân sự ổn định như Hoa Kỳ mà nóng lòng muốn dứt điểm cuộc chiến Việt Nam để ôm Trung Quốc bằng cách quân đội hóa toàn miền Nam. Mỹ là chuyên viên dựng lên những chính quyền quân sự ở các nước chậm tiến và bất ổn như một sự dẫn mặt giới lãnh đạo đương quyền do Mỹ hỗ trợ rằng, hãy khôn hồn, đảo chánh và lật đổ có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Tại sao một miền Nam đang đối đầu với một đối thủ có bộ máy chính trị quá chặt chẽ như miền Bắc mà đồng minh Hoa Kỳ lại áp dụng một sách lược "ăn xổi ở thì" như vậy? Những chính khách miền Nam chống cộng không nằm trong guồng máy hành chánh quân sự đều có chung mối quan ngại như thế.

Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 11.6.1963 tại ngã tư Phan Đình Phùng, Sài-gòn, để phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo, bất công xã hội của chế độ Ngô Đình Diệm

Từ phải qua trái: TT. Thích Trí Quang và TT. Thích Thiện Minh trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo năm 1963

Thầy Trí Quang và một số các nhà sư Phật giáo đã đứng lên đòi hỏi một hiến pháp và một sách lược mới thích hợp cho chính thể VNCH ổn định và có thực lực tại miền Nam trong thời điểm 1966 là đi ngược lại sách lược của Mỹ đang triển khai tại vùng châu Á Thái Bình Dương. Đồng thời, CSVNcũng thấy được nguy cơ của một miền Nam ổn định. Trong lúc đó, Kissinger đang đi đêm thương thuyết với Bắc Kinh và thuyết phục nội các Johnson bỏ rơi miền Nam. Vô hình chung, nhân vật Trí Quang trở thành đối đầu cùng lúc với cả Mỹ lẫn CSVN. Và khi Mỹ đã bật đèn xanh với túi đô la lè kè bên cạnh thì dẫu cho họ có muốn sông cạn núi mòn trong chớp mắt cũng chẳng có gì là khó. Đã có quá nhiều tài liệu công bố nói rằng, Mỹ đã cho nhân vật Trí Quang một trong ba sự chọn lựa là: Im lặng bó tay vào chùa dịch kinh niệm Phật, lưu vong sang Hoa Kỳ hay về thăm… cụ Diệm (?!)

Trong suốt 40 năm qua, thầy Trí Quang sống yên lặng trong chùa, "thủ khẩu như bình, thủ ý như thành". Tất cả về thầy Trí Quang sau 1975 mà tôi được biết là hai tác phẩm dịch thuật. Một là bản dịch kinh Kim Cương, 263 trang, do Mai Lan Lệ Ấn hải ngoại ấn hành năm 1987. Hai là bản dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa, 1162 trang, cùng nhà xuất bản năm 1996.

Nhân vật thứ hai được LT mang ra trình làng là thầy Đôn Hậu. Hành tung và sự nghiệp của thầy được LT mô tả trong BĐMT thảy đều là "Việt cộng toàn ròn". Rốt lại còn "dễ sợ" hơn là thầy Trí Quang!

Ông Đỗ Trung Hiếu, bí danh Mười Anh, người Quảng trị, đảng viên cộng sản thâm niên, được Đảng giao làm công tác Tôn giáo vận, một thời là kiến trúc sư Phật giáo Nhà nước đã khách quan nhận định rằng, thầy Đôn Hậu bị phe Cách mạng cưỡng ép đưa lên núi sau vụ Tết Mậu Thân ở Huế và đem ra Hà Nội trong thời gian chiến tranh, gán cho chức Ủy viên Cố vấn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam; năm 1976 là đại biểu Quốc hội khóa 6 và Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc. Nhưng một thời gian sau, để phản đối việc chính quyền cộng sản đàn áp Phật giáo ở miền Nam, thầy Đôn Hậu đã công khai bằng văn thư từ bỏ hết mọi danh vị và chức tước bị gán nói trên. Thầy cực lực chống đối việc thống nhất Phật giáo thành Phật Giáo Việt Nam (thường gọi là Phật giáo Nhà Nước hay Phật giáo Quốc doanh) để làm công cụ chính trị cho đảng Cộng sản. Thầy giữ vững lập trường này cho đến ngày viên tịch (23.4.92). Ý hướng của thầy đã biến thành hành động cụ thể. Cuối đời, thầy Đôn Hậu đã phó thác ấn tín lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (PGVNTN) lại cho thầy Huyền Quang.

Trong truyền thống Phật giáo, truyền y bát cho nhân vật lãnh đạo kế thừa đồng nghĩa với sự phó thác tâm phúc nhất niềm tin và lý tưởng vào sự nghiệp hành đạo độ sanh của người kế vị. Với ý nghĩa đó, tưởng cũng nên khách quan tìm lại những nét tiêu biểu nhất về chí hướng của nhân vật thừa kế thầy Đôn Hậu trong PGVNTN. Trong cao trào kháng chiến chống Pháp năm 1945, như tôi đã lược trình ở trên, thầy Huyền Quang tham gia Phật Giáo Cứu Quốc Liên Khu 5 trong những ngày đầu của cao trào yêu nước chống ngoại xâm. Năm 1951, thầy bị Việt Minh lúc bấy giờ đã biến tướng thành CSVN bắt giam lỏng 4 năm vì phản kháng quyết định độc đoán biến Phật giáo thành hội đoàn của cộng sản. Năm 1963, thầy Huyền Quang là tổng thư ký của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, làm việc trực tiếp với Uỷ Ban Liên Bộ của chính phủ tổng thống Ngô Đình Diệm. Năm 1977, thầy Huyền Quang bị CSVN bắt biệt giam cùng với các thầy Thiện Minh và thầy Quảng Độ. Năm 1992, sau khi được sự phó thác của thầy Đôn Hậu trở thành người lãnh đạo kế nhiệm của PGVNTN, thầy Huyền Quang đã viết yêu sách 9 điểm, nêu lên những sai lầm của nhà cầm quyền và yêu cầu nhà nước CSVN phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Kết quả là thầy đã bị CSVN quản chế cho đến ngày viên tịch (5-7-2008). Ngoài ra, những tu sĩ Phật giáo ở vị thế lãnh đạo khác trong phong trào đấu tranh Phật giáo mà LT cho là do cộng sản dựng lên cũng đã bị CSVN ngược đãi, giam cầm như: Thầy Thiện Minh (chết bí mật năm 1978 sau thời gian bị giam cầm). Thầy Quảng Độ, thầy Đức Nhuận cũng bị tù tội triền miên.

Một nhà văn nào đó đã kêu lên: "Trong cảnh tranh tối tranh sáng nầy, anh em nhìn rõ mặt nhau thật khó!" Nhìn rõ nhau đã khó, phán xét đúng càng khó hơn.

Đôi điều với Liên Thành

Sau 35 năm im lặng, khi LT lên tiếng để xác nhận sự hiện diện của mình nơi đất khách thì tiếng nói của ông cũng đã lạc hậu mất 30 năm! Những ngày đầu sau 1975, người dân miền Nam hầu hết đều ngỡ ngàng trước thực tế. Câu hỏi lớn nhất vẫn là tại sao quân lực VNCH với phương tiện thủy, lục, không quân còn nguyên vẹn lại phải bị bức tử bỏ cuộc?

Khi ra nước ngoài, những thư viện lưu trữ tài liệu về chiến tranh Việt Nam phần lớn nghiêm túc và đáng tin cậy trong các trường đại học Mỹ mà tôi đã theo học và giảng dạy; kết hợp với phương tiện truyền thông đại chúng tại các nước tự do Âu Mỹ về Việt Nam phong phú đã giúp tôi tìm hiểu sự thật nên xin được bày tỏ sự bất đồng hoàn toàn với những điều mang tính "hồi ức" và suy diễn theo cảm tính bốc đồng của LT trong BĐMT. Sự kiện lịch sử đã nói lên quá rõ rằng, đồng minh Hoa Kỳ đã bỏ miền Nam vì quyền lợi của chính đất nước họ với đối tác mới Mỹ-Trung; cũng như trước đó, họ đã quyết định thay ngựa giữa dòng với chính quyền tổng thống Ngô Đình Diệm. Mỹ đã thực hiện rốt ráo nguyên tắc chi phối chính trị của họ trên toàn thế giới: Ai làm chủ túi tiền, người đó là vua. Chiến tranh và chính trị cũng chỉ là một hình thức "thương vụ" quốc tế. Có lời thì tiếp tục kinh doanh mà thua lỗ thì dẹp tiệm. Khi Mỹ đã quyết định thì họ đóng vai nguyên nhân, tất cả còn lại chỉ là nguyên cớ.

Trước khi phong trào tranh đấu Phật giáo phát khởi tại Huế thì Mỹ đã quyết định thay chính quyền tổng thống Ngô Đình Diệm vì tâm huyết sâu sắc, lòng yêu nước đậm cốt cách liêm khiết Nho phong và cách dùng người nhân hậu của Cụ đã bị nịnh thần và phản thần chuyên quyền lợi dụng. Nhất là ở miền Trung, tham vọng quyền lực và vật chất của thế lực gian thần ngày càng tác oai tác quái đã làm mờ đi chính nghĩa của cụ Ngô. Niềm tin khô cạn, nhân tâm lý tán. Thực trạng nầy làm chậm bước tiến chinh phục ảnh hưởng toàn vùng châu Á Thái Bình Dương của Hoa Kỳ nên sự thay thế lãnh đạo là điều không tránh khỏi. Khi đèn xanh đèn đỏ của phú ông chi tiền đã chớp thì nếu không có phong trào Phật giáo nầy, cũng sẽ có vô số những phong trào tương tự khác, mang biển hiệu và màu sắc khác rộ lên.

Ngày 29-3-1973, cả miền Nam có bóng dáng ông sư bà vải nào lên tiếng đâu, thế mà Mỹ vẫn đơn phương hoàn toàn rút quân ra khỏi Việt Nam. Nguyên nhân ở tận Washington DC và Bắc Kinh chứ không phải ở Huế, Sài Gòn hay nằm trong đống hồ sơ vụn vặt của một ông trưởng ty tỉnh lẻ như Liên Thành. Trâu bò đại khánh, ruồi muỗi đánh nhau. Thảm trạng của thân phận nhược tiểu xưa nay là thế.

Hoặc vì không đầu tư học hỏi nghiêm túc, không chịu tham khảo tới nơi tới chốn; hoặc vì một động cơ khó hiểu hay dễ dãi nào khác đã khiến LT đang đứng ở ngã tư thế giới nhưng vẫn tưởng như còn đang đứng ở Ngã Ba Bánh Bèo xứ Huế "mô rứa răng ri, thích chi noái nấy" qua 400 trang của BĐMT! Vì không dụng công, LT đã nhìn Phật giáo qua nhãn quan một chiều, qua sự hiểu biết giới hạn và qua nhận thức đóng khung của một viên cảnh sát trưởng địa phương. LT đã mang định kiến xào trộn với mớ hồ sơ vi cảnh và cái gọi là "tình báo" đầy hoang tưởng để cột buộc Phật giáo với cộng sản.

Hồi ký của những nhân vật trùm cuộc chiến Việt Nam, có đủ kiến văn, dữ liệu và thẩm quyền để nói như McNamara (viết trong *In Retrospect*), Kissinger (trong *Diplomacy*), Rusk (trong *As I saw It*), Nolting (trong *From Trust to Tragedy*)… Hay gần gũi với thế giới người Việt hơn là các hồi ký của hơn 20 nhân vật người Việt đã từng ở vị thế lãnh đạo trong cuộc chiến và thời kỳ cận đại, từ cựu hoàng Bảo Đại (Con Rồng Việt Nam) viết về thời kỳ 1913-1987; đến tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, cố vấn cho tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, (Khi Đồng Minh Tháo Chạy) viết về giai đoạn Mỹ tham chiến ở Việt Nam cho đến năm 1975 là những tư liệu lịch sử và chính

trị đáng tham khảo. Thế nhưng khi viết về những sự kiện có liên quan đến thời kỳ biến động trong cuộc chiến và phong trào Phật giáo thời 1963 vẫn còn nhiều dè dặt và giới hạn. Tác giả cũng như độc giả khi được phỏng vấn, đều có chung sự suy nghĩ rằng, những hình ảnh và chứng liệu cụ thể nặng tính dữ kiện và sử liệu khoa học vẫn còn chưa đủ tầm cỡ để nhận định và đánh giá chân xác, khách quan về bối cảnh và nhân vật liên quan đến những cuộc biến động miền Trung. Mớ tài liệu nhếch nhác chạy giặc mang theo, tầm hiểu biết hạn chế, vị trí nhỏ bé và hồi ức tuổi già của LT đã đưa ông đến chỗ can đảm một cách thảm hại không đúng thời, đúng chỗ, đúng đối tượng đã làm cho độc giả, ngay cả những chiến hữu một thời thân cận nhất của LT, thất vọng.

Đây chưa phải là bài điểm sách và cũng chẳng phải là bài phản hồi nghiêm túc tương xứng với vấn đề đặt ra mà chỉ là đôi điều góp ý.

Cũng xuất thân là một người con trai đàn ông Huế như Liên Thành, điều góp ý gần gũi nhất là những gì liên quan đến quê hương xứ sở mình. Huế nghèo nhưng thanh bạch. Thanh bạch trong cách sống và trong lời nói. Người bốn phương yêu Huế vì cái phong cách Huế mà đặc biệt là sự tao nhã, tính văn hóa và dáng vẻ khiêm cung trong ngôn ngữ. Rất tiếc là LT rời Huế quá sớm nên không chứng kiến được sự dị ứng và trăn trở của Huế sau ngày miến Bắc thắng trận. Đó là khi một thiểu số thành phần xuất thân giữ trâu, giữ bò vô học trở thành người chiến thắng, có chút thế lực trong tay ngông nghênh dùng lời lẽ hạ cấp bất xứng với người thất thế. Những người này đã gọi là "thắng", là "hắn" là "lũ" là tên nầy tên nọ tuốt luốt như: "Thắng Thiệu, thắng Kỳ, thắng Mỹ, thắng Ngụy…" với những người đáng tuổi cha ông của mình ở miền Nam bị liệt vào thành phần Mỹ, Ngụy; ngược lại thì cũng tương tự như những người mà LT liệt vào thành phần cộng sản trong BĐMT. Loại ngôn ngữ hằn học, thô lỗ, thiếu văn hóa đó đã bị không những Huế mà tất cả người miền Nam khinh bỉ và lên án. Dẫu có ngoan cố bào chữa cách nào cũng không ai chấp nhận nên cuối cùng họ phải bỏ đi. Tôi hơi ngỡ ngàng khi bắt gặp loại ngôn ngữ thô bạo này trong BĐMT mà LT đã dành cho bất cứ ai, kể cả thầy dạy học cũ của mình, các vị tu sĩ Phật giáo cao niên, những nhân vật lớn nhỏ mà ông đã quy kết là cộng sản, theo cộng, hay thân cộng. Xuất thân là một sĩ quan, một sinh viên đại học Huế, một người Hoàng phái danh gia tử đệ mà vô tình ông Liên Thành đã dẫm lên vết chân của những người thuộc thành phần thấp kém từ Bắc mới vô Nam năm 1975 thì quả là điều xót xa và đáng tiếc! Qua Mỹ đã hơn 30 năm và đã từng làm trong nghề an ninh trật tự xã hội, ông LT cũng hiểu ít nhiều về nguyên tắc luật lệ và trật tự của một xã hội có văn hóa và văn minh: Dẫu là người phạm tội rành rành nhưng chưa có phán quyết của tòa án thì vẫn còn là nghi can. Nhưng cho dẫu là tội phạm chăng nữa thì cũng phải đối xử công bằng và nhân bản. Lẽ nào LT không biết hay quên?!

Được hân hạnh đón LT về thăm vùng đất tỵ nạn của mình đã sống trong hơn hai chục năm qua, tôi chỉ ước mong những người cùng thế hệ, cùng chịu chung nỗi vinh nhục của quê hương gặp nhau, nhìn nhau và thấy được nhau.

Là một Phật tử độc lập, tôi chỉ biết theo giáo lý nhà Phật để tự giáo hóa chính mình tìm sự an lạc như phần đông các Phật tử xuất gia và tại gia khác. Có thêm được chỗ dựa tinh thần và năng lực hóa độ của tăng ni đạo cao đức trọng vẫn là ân đức mong tìm của người Phật tử. Cho nên tôi vẫn thường lập đi lập lại hoài như một lời tâm niệm về hình ảnh đạo Phật là một biển thái hòa an lạc. Nước của trăm nguồn đổ về biển cả, dẫu cho trong sạch hay dơ bẩn đến mức độ nào thì cuối cùng cũng được hóa giải. Trên đường tìm cầu học hỏi, chúng tôi không ngây thơ cho rằng, tất cả tăng ni qua hình tướng đầu tròn áo vuông đều là thánh tăng hay chân tăng. Nhất là trong thời đại "kinh tế thị trường" vàng thau lẫn lộn nầy thì nhìn rõ chân tướng của nhau thật khó. Ai không an trú trong giới luật, sẽ thọ lãnh nghiệp quả của mình. Tiền thân của đức Phật là bồ tát Thường Bất Khinh. Gặp bất cứ ai, ngài cũng cất một lời khiêm tốn: "Thưa ngài, tôi không dám coi nhẹ ngài vì ngài là một đức Phật tương lai!" Nhân danh là những người Phật tử, chúng ta có thể nói với nhau một lời đơn giản mà sâu dày như thế được chăng.

Sacramento, cuối Thu 2009
Trần Kiêm Đoàn
www. Trankiemdoan.net

MỘT MÌNH THẮP ĐUỐC GỌI NIỀM TIN

Một mình, đêm lặng im
Tưởng đi qua bờ giác
Một mình, trong khoảnh khắc
Tưởng sạch bụi trần ai

Chuông vang vọng đâu đây
Gọi người đi quay lại
Chờ Châm Tâm thức dậy
Theo sen vàng tỏa bay

Vẫn một mình, đêm nay
Không thấy đâu bờ giác
Chưa sạch làu trần ai
Lòng trần chưa thanh thoát

Lại thắp lên ngọn đuốc
Thấy sáng rực niềm tin
Đêm dài đêm qua hết
Chờ vui đón bình minh

Đêm trở lại lặng im
Lòng xa mùi tục lụy
Một mình nào hay biết
Ánh Đạo vàng bay lên.

NHÌN RA TỪ HẬU LIÊU CHÙA

Chùa còn chút nắng vàng hoe
Trần ai còn chút u mê kiếp người
Nắng không vàng nữa màu tươi
Người không còn nữa môi cười ngày xưa
Còn đâu những chút duyên thừa
Nhớ nhau ngày nắng đêm mưa mà buồn.
Tơ trời đã hết vấn vương
Tơ lòng còn rối còn thương nhau nhiều
Nhỏ nhoi chút phận bọt bèo
Chùa xa cảnh Phật đìu hiu đi về.
Xin tia nắng rớt bên hè
Nắng vàng hoe, nắng vàng hoe, nắng vàng!

(Bên Lề Cuộc Đời)

Trần Kiêu Bạc

TIỂU-SỬ VÀ CUỘC ĐỜI H.T. THÍCH THIỆN-MINH

***Nguyên Ngọc** (sưu tập)*

Theo các tài liệu được phổ biến trước đây về Hòa-Thượng Thích Thiện Minh, chúng tôi đã đọc, tìm hiểu và cố gắng ghi lại để lưu giữ, để tưởng nhớ và lấy đó làm một bài học cho toàn thể Phật Tử chúng ta. Trọn đời Ngài đã hiến thân cho Đạo Pháp và Dân Tộc, được cả thế giới ca tụng là một nhà lãnh đạo Phật Giáo đại tài, một chiến lược gia ưu việt, một vị thầy, một người anh của thanh niên và Gia đình Phật tử Việt Nam.

Hòa-Thượng Thích Thiện Minh thế danh Đỗ Xuân Hàng, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1922 tại làng Bích-Khê, quận Triều Phong, tỉnh Quảng-Trị, trong một gia đình thức-giả. Thân phụ là ông Đỗ Xuân Quang, Cửu Phẩm Văn Giai trong làng. Thân mẫu là bà Hoàng thị Nhơn.

Ngài là con thứ năm trong tám anh chị em là Đỗ Xuân Tiềm, Đỗ Thị Tiến, Đỗ Xuân Khôi, Đỗ Thị Diệu, Đỗ Xuân Hàng (thứ năm), Đỗ Xuân Tú, Đỗ Xuân Uyển, Đỗ Thị Danh.

Năm 1931: Khi lên 10, Ngài được song thân cho phép xuất gia tu học, đó là thời gian Phật Giáo được chấn hưng : Hội An Nam Phật Học thành lập ở Huế năm 1932.

Năm 1934: Ngài là 1 trong 50 tăng sinh được tuyển chọn vào trường An Nam Phật Học tại chùa Trúc Lâm. Đây là ngôi trường do Hòa Thượng Giác Tiên cùng đệ tử thân tín của Hòa Thượng là ngài Mật Khế đứng ra thành lập.

Ngài đã từng học chung với các Thầy Thích Thiện Siêu, Thích Trí Quang, Thích Trí Tịnh, Thích Trí Thuyền...

Năm 1945: Ngài cùng các Tăng sĩ Phật Giáo với lòng yêu nước và yêu dân tộc, tham gia trong các tổ chức chống Pháp. Ngài phụ trách Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc tỉnh Quảng Trị.

Năm 1946: Quân viễn chinh Pháp tràn vào Quảng Trị, Quảng Bình gieo nhiều đau thương tang tóc cho đất nước; Ngài đã bị Pháp bắt nhốt một thời gian. Sau khi được thả, Ngài tiếp tục khôi phục lại các sinh hoạt Phật Giáo.

Năm 1947: Ngài được trợ duyên cùng Hòa Thượng Thích Trí Thủ khai giảng Phật học đường Trung Việt tại chùa Báo Quốc (Huế), góp sức cùng Hòa Thượng Thích Mật Hiển, Thích Mật Nguyện vận động thành lập Sơn Môn Tăng Già Trung-Việt.

Năm 1956: Ngài cùng Quý Cao Tăng miền Bắc vô Trung với sự tiếp tay của Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền đứng ra tổ chức Đại Hội Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam kỳ II . Sau Đại Hội Ngài trở về công tác Phật sự tại Nha Trang.

Năm 1959: Tại Đại Hội Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần được tổ chức tại Huế, Ngài được suy cử làm Trị Sự Trưởng Tổng Hội cho đến năm 1962, Sau đó, Ngài giao chức vụ lại cho Hòa Thượng Thích Trí Quang để nhận trọng trách khác. Đây là giai đoạn mà chính sách kỳ thị Tôn giáo của nền Đệ I Cộng Hòa phát khởi. Nhà cầm quyền đã trấn áp vô cùng mãnh liệt đối với Phật Giáo Việt Nam. Ngài đã viết thư gửi thẳng lên chính quyền yêu cầu đưa ra ánh sáng các vụ bắt bớ, tra tấn giam cầm và bí mật thủ tiêu Phật Giáo đồ với cả bộ hồ sơ trung thực và chính xác.

Năm 1963: Sau vụ triệt hạ cờ Phật Giáo, thảm sát Tín đồ và Đồng bào tại đài phát thanh Huế nhân ngày Đại lễ Phật Đản, Ngài được công cử vào Ban Liên Phái Phật Giáo, dưới sự lãnh đạo tối cao của Đại lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, đòi chính quyền đương thời phải hủy bỏ đạo dụ số 10, thỏa mãn 5 nguyện vọng chân chính của Phật Giáo qua kiến nghị đề ngày 10-5-1963.

Ngài cùng Hòa Thượng Thích Trí Quang cung thỉnh Hòa Thượng Hội Chủ vào Sài-gòn, và nơi đây Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo được thành lập. Ngài là 1 trong 5 thành viên ở ngôi vị cố vấn.

Khi Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, chính quyền Đệ I Cộng Hòa hốt hoảng, yêu cầu Ủy Ban Liên Phái cử phái đoàn đến để thương thuyết. Trong lần thương thuyết này, Ngài được cử làm trưởng đoàn. Với khả năng hùng biện, lý lẽ vững chắc, Ngài đối chất với Ủy Ban Liên Bộ và thẳng thắn lên án chính phủ đã dồn họ vào thế phải ký Bản Thông Cáo Chung.

Ngày 20/8/1963, Ngài bị bắt cùng với số phận chung của toàn thể Tăng Ni trên toàn quốc và được thả ra ngày 01/11/1963, sau cuộc đảo chánh thành công của tướng Dương Văn Minh và Hội Đồng Cách Mạng lật đổ chế độ độc tài, kỳ thị Tôn Giáo của Ngô Đình Diệm.

Năm 1964: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời và ngày Đại Lễ Phật Đản được tổ chức huy hoàng chưa từng thấy trước đó. Lễ đài được dựng ngay tại Bến Bạch Đằng Sài-Gòn.

Ngài được công cử làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên. Từ cương vị này, Ngài đã vận động xây dựng nên Trung Tâm Quảng Đức trên đường Công Lý Sài-Gòn để làm trụ sở. Trụ sở Tổng vụ Thanh Niên này cũng là trụ sở của các Vụ trực thuộc như Gia đình Phật tử, Thanh Niên Phật Tử, Sinh Viên Phật Tử, Thanh Niên Thiện Chí Phật Tử, Hướng Đạo Phật Giáo...và còn là Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội hoạt động rất là tích cực. Chính Ngài đã đứng ra vận động tổ chức Đại Hội Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử lịch sử tại Trường Gia-Long Sài-gòn.

Rất tiếc không lâu, chính quyền cách mạng lại biến thành chế độ quân nhân trị, mang tính bất công, bè phái, kỳ thị và quay đầu trở lại đàn áp Phật Giáo một lần nữa.

Ngày 28/5/1966 : Ngài đã nhân danh các lực lượng đấu tranh và Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên, trực tiếp gặp 2 tướng lãnh Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ đưa ra những yêu sách. Hai vị lãnh đạo này hứa sẽ phúc đáp ngày hôm sau. Nhưng khi Ngài vừa trở về báo cáo sự việc cho Viện Hóa Đạo và các Phong Trào do Ngài làm chủ tịch, tiếp tục dùng Taxi đến Trung Tâm Quảng Đức thì bị mưu sát bằng lựu đạn. Rất may Ngài chỉ bị thương ở chân. Hai ngày sau, 2 tướng Thiệu-Kỳ tráo trở trả lời "Không nhượng bộ".

Ngày 17/3/1969, Ngài bị bắt và Tòa Án Quân Sự Mặt Trận kết án 15 năm tù khổ sai và cấm cố. Sự việc này làm cho cả thế giới giật mình, trong và ngoài nước vô cùng công phẫn. Một Ủy Ban Vận Động đòi hủy bỏ bản án ra đời, trong đó có đủ thành phần các tôn giáo, nghị sĩ, dân biểu Quốc Hội, các nhà chính trị ... nên chính quyền đã ra quyết định phóng thích Ngài ngày 01-11-1969.

Năm 1970, Ngài lên đường đi tham dự Hội Nghị Tôn Giáo và Hòa Bình Thế Giới tại Tokyo, Nhật Bản. Ngài đã đọc bài tham luận với tựa đề " Quan điểm của Phật Giáo về bất bạo động" được Hội Nghị vỗ tay hoan nghênh tán thưởng, coi như là bài tham luận nổi tiếng nhất trong Đại Hội này. Từ năm 1971 đến 1973 : Ngài được cử làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo; và sau khi Hòa Thượng Thích Thiện Hoa viên tịch, Ngài lại phải ra đảm đương chức Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, cho mãi đến Đại Hội Phật Giáo Kỳ IV, Hòa Thượng Thích Trí Thủ mới nhận chức vụ Viện Trưởng Viện Hóa Đạo (thay thế Ngài)

Năm 1976 : Đại Hội Kỳ VII của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất , Ngài được mời làm Cố Vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo.

Ngày 09/6/1977, Giáo Hội ra Thông Điệp kêu gọi Bảo Vệ Nhân Quyền ở Việt Nam. Nhà nước cọng sản Việt Nam ra lịnh truy tầm tịch thu tài liệu, ai lưu giữ Thông Điệp, bắt được lập tức bị tống giam.

Ngày 15/6/1977, Thượng Tọa Thích Mãn Giác vượt biên bằng đường biển, đã mang theo được Thông Điệp này cùng một số tài liệu về đàn áp Phật Giáo. Bọn Việt cọng kết tội cho Ngài đã tổ chức chuyến đi đó; nên ngày 28-3-1978 đã đuổi Ngài ra khỏi Trung Tâm Quảng Đức và ra lệnh không nơi nào được chứa chấp. Ngày 13-4-1978 Ngài bị bắt tại Hàng Xanh,Thị Nghè, đưa về giam giữ tại trại giam Phan Đăng Lưu và tra tấn dã man đến chết (ngày 17-10-1978). Chúng chuyển Ngài về Trại Hàm Tân, Bình Tuy. Giáo Hội nghe tin đã cử một phái đoàn ra Hàm Tân nhận diên. Thi thể Ngài bị bọc kín, khuôn mặt tím bầm, mắt sâu hóm, râu tóc mọc dài...Giáo Hội xin đưa về mai táng, bọn cai tù lãnh đạo không đồng ý, kể cả xin đọc một thời kinh cầu siêu chúng cũng không cho.

Tấm gương sáng cũa Ngài chính là niềm tin sâu sắt cho những người con Phật trước mọi vấn nạn của Phật Giáo dù vấn nạn đó đến từ thế lực vô minh ngoại đạo nào, kể cả loại tham danh, nội trùng bên trong Phật Giáo Việt Nam.

ĐỘNG LÒNG

Đi trên đường phố hôm nay, ngẫu nhiên ta bắt gặp đây đó một vài hình ảnh cơ hàn hay thương tâm của con người diễn ra ngay trước mắt.

Động lòng.Một cử chỉ, một lời nói, một hành động giúp đỡ, tương trợ, bố thí. Thực tế chuyện đó vẫn thường xảy ra ở chúng ta - những con người bình thường - trước những nghịch cảnh ngang trái ấy, lại thấy trưng ra những bộ mặt thờ ơ, lãnh đạm, thậm chí còn là những ngôn ngữ hay hành vi trơ tráo, kém văn hóa, vô lễ trước những người thương tật hay nghèo khó kia, bất kể nam, phụ, lão, ấu, những người chẳng may phải thua sút đồng loại về hoàn cảnh, về thể trạng. Có nhiều bài báo đã nêu lên thực trạng con người hôm nay đáng báo động về việc đối nhân xử thế, về lòng nhân ái từ bi, về sự động lòng đang bị suy giảm nghiêm trọng. Chẳng lẽ lại đổ thừa cho nền kinh tế thị trường đã tác động nhiều đến nỗi khiến ta phải hóa ra trơ lì vô cảm trước những cảnh đời nghèo khó thương tâm kia? Hay đổ thừa vì lo tất bật mưu sinh nên không còn thời gian để động lòng nữa? Con người hôm nay rõ ràng có ít nhiều ảnh hưởng xấu bởi những tác nhân tiêu cực. Báo chí thường nói về sự băng hoại đạo đức, không phải chỉ trong giới trẻ mà cả ở những người lớn tuổi. Nhưng liệu ta có nên đổ thừa cho kinh tế thị trường và nhịp sống văn minh hối hả khiến ta thui chột sự động lòng? Không! Rất may trên đời còn có những tấm lòng. Rất nhiều những tấm lòng đã tuôn chảy ra để tương trợ, cứu giúp cho nạn nhân thiên tai bão lụt và những cảnh đời thương tật hoạn nạn khác. KInh tế thị trường đâu có làm giảm sự động lòng của rất nhiều người Việt cả trong nước và ngoài nước? Rất may chúng ta vẫn còn có sự động lòng, một trong năm yếu tố nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, đã cấu thành nên tấm lòng của con người Việt Nam Á Đông.

Mã Nhược Mai

HÒA THƯỢNG WONHYO

(617 – 686 A.D.)

Biên tập: **Dr. Sungshim Hong**
Chuyển ngữ: ***Thích Nguyên Hải***

1. Tiểu sử:

Hòa Thượng Wonhyo sinh năm 617 (năm thứ 39 đời vua Silla Jinpyeong), cách đây khoảng 1300 năm, tại Buljichon (nay là Sinwolri, Amnyan-myeo, Geyeongsan). Ngài có tên là Wonhyo, nghĩa là "bình minh", ngài là bậc tiên phong, không những cho tư tưởng Phật giáo Hàn Quốc mà còn cho tư tưởng của các nhà triết học tiên phong tại nước này.

Ngài bắt đầu cuộc đời là một tu sĩ Phật giáo tại chùa Hwangyongsa. Sau đó ngài học Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo và siêng năng thực tập Thiền như là một một người thực hành Thiền quán thực sự. Cuộc đời ngài rất trong sáng, phản chiếu qua những bài viết khác nhau của Ngài.

Ngài đã thử đến Trung Hoa vào thời nhà Đường hai lần. Lần đầu tiên, ngài vượt sông Amnokgang ở tuổi 34 với một bạn đồng hành cùng tu học, Hòa Thượng Uisang. Chuyến đi này không thành công, và Ngài đã trở lại. Lần thứ hai Hòa Thượng Wonhyo đi lần nữa với Uisang rời đến Dangjugye, lãnh thổ của Baekje, để vào nhà Đường ở Trung Hoa qua đường biển. Khi đến hải cảng, trời đã tối và giông tố, vì thế ngài ở lại hang sâu trong núi qua trọn đêm. Khi thức dậy, ngài thấy chỗ này không phải thực sự là một cái hang như ngài nghĩ, mà đó là một nghĩa địa. Chưa hết, trời mưa nặng hột, ngài lại phải ở lại thêm một đêm nữa. Đêm thứ hai ngài không thể ngủ ngon giấc được bởi vì ngài biết rằng ngài đang ở trong một nghĩa địa cổ xưa và sự kiện này đã hướng dẫn ngài nhận thức rằng "tất cả hiện tượng xuất hiện lên khi tâm xuất hiện, và tâm không gây ra hiện tượng, cái hang và nghĩa địa không phải là hai; không có cảm giác của tính hai mặt". Sự nhận thức bất ngờ này đã làm tăng sự hiểu biết sâu xa của ngài về thế giới. Rồi thì Wonhyo nói, "Ngoài tâm không có ba thế giới, tất cả mọi hiện tượng đều xuất hiện từ tâm và thức. Nếu chân lý hiện diện trong tâm, làm thế nào có thể tìm thấy ngoài tâm! Tôi sẽ không đến nhà Đường". Rồi một lần nữa, ngài trở lại Silla.

Câu chuyện bi thảm được thêm sau những biến cố này. Người ta thường nói rằng ngài Wonhyo đã uống nước từ một cái xương sọ người chết bởi vì ngài quá khát khi thức dậy trong đêm khuya. Trong đêm tối ngài tìm thấy một cái bát chứa đựng nước và ngài đã uống với tất cả lòng biết ơn. Khi bình minh xuất hiện trong ánh sáng ban mai, ngài thấy rằng ngài đã uống nước mưa bẩn thỉu lắng đọng trong đầu lâu người quá cố. Kinh nghiệm này trở nên căn bản sự nhận thức của ngài "không có gì sạch sẽ và không có gì dơ bẩn; mỗi ý nghĩ và sự phân biệt đều gây ra bởi tâm". Tất cả những hiện tượng xuất hiện từ tâm là cái gì ngài đã hiểu rất rõ ràng. Ngài biết rằng tâm hiện hữu trong tất cả chúng sanh và không cần thiết qua nhà Đường ở Trung Hoa để tìm kiếm chân lý. Vì thế ngài trở lại. Đây là truyền thuyết được phổ biến rất sâu rộng trong giới Phật tử Hàn quốc.

Wonhyo không phải là người gắn bó với sự nghiên cứu học thuyết hay các ý tưởng trừu tượng. Ngài người đã dâng hiến không những chỉ đến vua chúa và dòng họ cao sang, mà còn đến những người dân tầm thường, kém may mắn trong xã hội đau khổ, ngài đều dâng hiến tương đương như nhau.

Một ngày, ngài được mời vào hoàng cung Yoseokung, ở đây ngài gặp công chúa quả phụ Yoseok. Kết quả sự giao thiệp ngắn ngủi này, họ đã có một con trai, Seol Chong, người này đã trở nên một trong những học giả nổi tiếng nhất về Khổng giáo của triều đại Silla. Sau đó, ngài từ bỏ chiếc áo tu sĩ và tự gọi ngài là "Soseong geosa" ("Một cư sĩ nhỏ bé"). Ngài đã không thích hợp để chấp nhận những luật lệ của xã hội hay để ý về ngôn ngữ của ngài. Ngài đã gõ trên một cái bầu và hát; "Chỉ có một người không lo âu, không sợ sệt thì thẳng bước tiến lên và chiến thắng sự luân hồi của sanh và chết". Cử chỉ và sự xuất hiện của ngài lập dị và bất thường.

Vào thời đó phần lớn các tu sĩ Phật giáo được vua chúa kính trọng và sống trong những chùa to lớn, cuộc sống của họ tương tự như những người cao sang quý phái. Ngược lại Wonhyo đã sống lang thang trên đường phố. Ngài đã sống trường kỳ cùng với mọi người dân bình thường. Ngài dạy dỗ và giáo hóa mọi người theo Phật giáo. Người ta đã tưởng tượng rằng ngài là một tu sĩ sáng chói, rất được hoàng gia kính trọng! Ngài vừa là một cố vấn tin cậy của vua Silla, và, cũng trong thời gian đó, ngài là người bạn của những người dân bình thường. Ngài đã hoàn toàn sử dụng được những người dân bình thường, họ đã say sưa lắng nghe ngài nói chuyện một cách tự phát. Những người nghèo khổ, thất học, ăn xin, lang thang trên đường phố, và ngay cả những trẻ em đều đi theo Wonhyo; họ đã giữ một niềm hy vọng trong tương lai sẽ được sẽ được vãng sanh về thế giới Cực lạc bằng cách thường xuyên niệm danh hiệu Phật.

Ngày 30 tháng 3 năm 686, tức vào năm thứ 6 đời vua Sinnun, Hòa Thượng Wonhyo viên tịch ở tuổi 69. Trước khi viên tịch, ngài đã trở lại thế giới Seungha và sống những ngày còn lại trong chùa Hyeolsa, tổng cộng cuộc sống tôn giáo của ngài là 38 năm.

2. Tác phẩm:

Ngài Wonhyo đã viết rất tổng quát nhiều tác phẩm trên 100 thể loại và chủ đề khác nhau gồm 240 quyển. Sự xếp loại công việc của ngài là sự hiểu biết bằng nhau về cả hai lãnh vực Nguyên Thủy và Đại Thừa. Trong số các tác phẩm của ngài, gồm có "*Luận thuyết về sự Tỉnh thức của Đức Tin trong Đại Thừa*"(Treatise on the Awakening of Faith in the Mahayana), "*Bình luận Đặc biệt trên sự Tỉnh thức của Đức Tin*" (Special Commentary on the Awakening of Faith), và "*Bình luận về kinh Kim-cang tam muội*" (Commentary on the Vajrasamadhi Sutra) rất được các học giả Trung hoa kính trọng về nhận định tế nhị và sự hiểu biết sâu xa của ngài Wonhyo. "*Học thuyết về sự Kết hợp những Ý kiến của các Trường phái*" (The Doctrine to Unite Sectarian Opinions) đã được gởi về Ấn Độ và đã được dịch thành tiếng Sanskrit. Chưa hết, 22 công việc hiện còn. Những tác phẩm đại diện là "*Luận thuyết về sự Tỉnh thức của Đức Tin trong Đại Thừa*" (Treatise on the Awakening of Faith in the Mahayana), "*Luận thuyết về kinh Hoa Nghiêm*" (Treatise of the Huayan Sutra (Hwaoem gyeong so), "*Sự Ân hận về Sáu Cảm giác trong Đại Thừa*" (Repentance of Six Feelings in the Mahayana (Daeseung yukjeong chamhoe), "*Thức Tỉnh Tâm để Tu tập*" (Arousing the Mind to Practice), "*Học thuyết về Kết hợp Ý kiến mười Trường phái*" (The Doctrine to Unite Ten Sectarian Opinions), "*Luận thuyết về kinh Sáng tỏ Ý nghĩ*" (Treatise on the Sutra of Unraveling Though), "*Luận thuyết về Sukhavati-vyuha*" (Treatise om Sukhavati-vyuha), và "*Bình luận về kinh Kim-cang tam muội*" (Commentary of Vajrasamadhi Sutra).

3. Những nét đặc biệt về học thuyết của ngài.

Những tư tưởng và quan niệm về ngài Wonhyo rất nhiều cực độ và khó khăn. Tuy nhiên ngài không bao giờ đi chệch hướng quá xa về tính chất thống nhất. Tính chất Thống nhất ở đây tiêu biểu cho sự nối liền với nhau của mỗi và sự vật đơn lẻ hay hiện tượng, lớn hay nhỏ, với toàn vũ trụ như là một tấm lưới của người đánh cá, ở đó mỗi thắt nút được nối liền với những cái khác.

Ngài nghĩ rằng Vũ trụ Thật được hòa hợp trong một với tổng thể ngoài bất kỳ một vướng mắc nào trong sự liên hệ hỗ tương mật thiết với nhau. Thế giới của Thế Giới Thật là thế giới của *kinh Hoa Nghiêm* (kinh Trang hoàng bằng hoa, Flower Garland Sutra, Hwaeom Sutra).

Wonhyo đã làm những cố gắng đặc biệt để hài hòa và hợp nhất những điểm khác biệt trong các trường phái Phật giáo. Những học giả hiện đại gọi phương pháp giải quyết này là "Hwajaengsasang" (Triết lý về sự Hòa giải và Hài hòa). Chân lý lời dạy của Đức Phật là một. Chưa hết, thời gian càng lâu xa, những sự giải thích về lời dạy của Đức Phật bắt đầu hơi thay đổi, từ giáo sư đến giáo sư, từ trường phái đến trường phái và sau đó trở nên nguyên nhân của nhiều mâu thuẫn và tranh luận. Ngài Wonhyo đã đề nghị cần thiết một cái nhìn kết hợp về các học thuyết Phật giáo trong sự toàn bộ, và thực hiện một sự tổng hợp thống nhất những tư tưởng Phật giáo, Nguyên tắc Hài hòa, để thống nhất những chú giải và bình luận khác nhau. Ngài thừa nhận những điểm của mỗi trường phái, và hài hòa tất cả những mâu thuẫn, tranh cãi.

"Triết lý về sự Hòa giải và Hài hòa" (Hwajaengsasang) đã dẫn đến triết lý Một-Tâm (One-Mind) đã làm lợi ích rất lớn cho mọi người. Triết lý Một-Tâm dạy rằng thế giới giác ngộ hay Niết bàn hiện hữu không vượt qua thế giới này. Thế giới này người ta có thể sống với thế giới của Chân lý. Vì thế, tất cả chúng sinh không đơn thuần dành riêng trong sự sống này, theo đó có sự tái sanh và luân hồi. Thay vào đó, bất cứ người nào đạt đến Một-Tâm có thể giác ngộ trong thế giới này và có thể đạt đến sự hiểu biết chân lý. Lời dạy này đã dẫn đến sự truyền bá đại chúng cùng nhau tin tưởng thế giới Cực lạc của Phật giáo.

Wonhyo nhấn mạnh rằng mục đích cuối cùng là cứu giúp tất cả chúng sanh qua triết học thâm sâu này. Cuộc đời của chính ngài đã chứng minh quan điểm thực hành chân lý trong tư cách đạo đức và triết học kết hợp, một sự tri hành hợp nhất, và cùng thời gian này ngài luôn luôn thuyết giảng Phật giáo để cống hiến cho mọi người.

---

1. Ba thế giới: Ý câu này bao gồm cả không gian và thời gian.
   - Không gian, tức thế giới ba ngàn, nghĩa là nói toàn thể vũ trụ.
   - Thời gian, tức là quá khứ , hiện tại và tương lai. (Chú thích của dịch giả).

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ Tổ Chức Cầu Nguyện Cho Nạn Nhân Bão Lụt và Tăng Thân Bát Nhã

Santa Ana (Cổ Ngưu) -- Tại chánh điện Chùa Phổ Đà lúc 3 giờ chiều Chủ Nhật ngày 15 tháng 11 năm 2009. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất long trọng tổ chức lễ cầu nguyện cho nạn nhân bão lụt tại Việt Nam và cho 400 tu sinh thuộc Tăng Thân Bát Nhã bị nhà cầm quyền cộng sản đàn áp.

Điều hợp chương trình là Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu. Sau phần nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút mặc niệm, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, thay mặt Hòa Thượng Thích Hạnh Đạo, trưởng ban tổ chức lên ngỏ lời chào mừng và cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni, các cơ quan truyền thông, truyền hình báo chí và đồng hương Phật Tử tham dự lễ cầu nguyện. Hòa Thượng cũng nhắc lại những cơn bão vừa qua đã tàn phá miền trung, nhiều người chết, nhiều nhà cửa hư hại, hàng ngàn đồng hương phải màn trời chiếu đất, trước tình hình hiện tại, đồng hương Phật Tử hải ngoại, mặc dù kinh tế khó khăn cũng đã thể hiện được tinh thần "Lá lành đùm lá rách" để gởi về cứu trợ miền trung.

Mặt khác, Hòa Thượng cũng nhắc lại trước hoàn cảnh bi đát của các Tăng Thân Làng Mai bị nhà cầm quyền cộng sản đàn áp, trước áp lực ngày càng nặng nề nhưng các tăng sinh vẫn giữ vững lập trường, sống chết bên nhau, thể hiện tinh thần từ bi, bất khuất trước bạo lực. Hòa Thượng kêu gọi tất cả chúng ta hết lòng thành tâm cầu nguyện cho nạn nhân bão lụt, cho các tăng sinh làng mai thóat cơn hoạn nạn để tiếp tục tu học...

Tiếp theo là Giáo Từ của Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, ngài cũng đã ca ngợi tinh thần hỗ tương của chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật Tử trong cộng tác cứu trợ nạn nhân bão lụt và phát tâm cầu nguyện cho Tăng Sinh Làng Mai đang bị đàn áp tại quê nhà...

Sau đó là lễ cầu nguyện bắt đầu trong không khí trang nghiêm, mọi người cùng hướng về quê hương khổ đau đã trải qua bao nhiêu biến cố dưới sự cai trị độc tài của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam.

Trong dịp nầy một cáo bạch do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ phổ biến, cho biết Hòa Thượng Thích Thiện Hương, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/Hoa Kỳ, Cố Vấn Chứng Minh Chùa Bát Nhã, Chứng Minh Đạo Sư Chùa Quang Thiện vừa viên tịch lúc 10 giờ 15 tối thứ Sáu, ngày 13 tháng 11 năm 2009 tại Chùa Bát Nhã 803 S. Sullivan St, Santa Ana CA 92704.

Theo cáo bạch, lễ nhập kim quan chính thức cử hành vào 10 giờ sáng thứ Năm ngày 19 tháng 11 năm 2009, và Kim Thân Cố Hòa Thượng sẽ được tôn trí tại Chùa Bát Nhã. Lễ viếng dành cho các tự viện, các phái đoàn và đồng hương Phật Tử bắt đầu vào lúc 2 giờ chiều thứ Năm ngày 19 tháng 11 năm 2009; Lễ cung tiễn giác linh chính thức cử hành vào lúc 6 giờ chiều thứ Năm ngày 19 tháng 11 năm 2009; Luân phiên tụng niệm từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều thứ Sáu ngày 20 tháng 11 năm 2009; Lễ Khiển Điện 7 giờ tối thứ Sáu ngày 20 tháng 11 năm 2009; Lễ di kim quan 1 giờ chiều thứ Bảy ngày 21 tháng 11 năm 2009; Lễ Trà Tỳ vào lúc 2 giờ chiều thứ Bảy ngày 21 tháng 11 năm 2009 tại nhà quàn Fullerton. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về Chùa Bát Nhã điện thoại: (714) 571-0473.

Hiện diện trong buổi lễ cầu nguyện cho nạn nhân bão lụt VN và cho Tăng Thân Bát Nhã có tham dự của Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm; Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ; Hòa Thượng Thích Hạnh Đạo, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Trưởng ban tổ chức lễ cầu nguyện; HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/Hoa Kỳ; Hòa Thượng Thích Nguyên Lai, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/Hoa Kỳ; Hòa Thượng Thích Quảng Thanh, Chánh Văn Phòng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/Hoa Kỳ; HT. Thích Tâm Vân, thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm; HT Thích Giác Sĩ, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/Hoa Kỳ; Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký GHPGVNTN/Hoa Kỳ; Thượng Tọa Thích Như Minh và Đại Đức Thích Liễu Nguyên, Chùa Việt Nam Los Angeles; Thượng Tọa Thích Nhựt Minh, Thượng Tọa Thích Nhật Quang, Tổng vụ Nghi Lễ, GHPGVNTN Hoa Kỳ; Thượng Tọa Thích Minh Dung, Phụ tá Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, GHPGVNTN Hoa Kỳ, và nhiều chư vị Đại Đức Tăng Ni đến từ các tự viện trong vùng Orange County, ngoài ra còn có qúy vị nhân sĩ Phật Giáo, quý vị đại diện các đoàn thể Phật Giáo trong vùng Orange County và đồng hương Phật Tử tham dự.

HÃY LÊN TIẾNG

Cầu nguyện cho công lý, tự do, và hòa bình đơm hoa ở Việt Nam và mọi nơi

*(*May justice, freedom and peace flourish in Vietnam and elsewhere)

Hỡi những người con dân nước Việt
Dù bất cứ phương trời nào
Hay những người yêu nước luôn tự hào
Hay những người bạn năm châu khả kính
Hay những ai đang đồng tình
Hãy hướng về Việt Nam nơi chôn nhau cắt rốn
Để nói lên tiếng nói nghĩa nhân
Để bảo vệ quyền làm người và nhân phẩm
Của người dân nước Việt đáng yêu
Gần 400 Tăng Ni trẻ Bát Nhã, Lâm Đồng
Đang bị chính quyền cưỡng bách
Chà đạp và khủng bố tinh thần
Và tước đoạt nhựa sống, Bồ đề tâm lý tưởng
Những gì chính phủ Cộng Sản đang làm thì không tưởng
Xin quý vị hãy nói lời thành thật
Để xây dựng cho nhau
Một đất nước Việt Nam nhân bản
Để bảo tồn phẩm chất và giá trị người Việt Nam
Và công lý, hòa bình và tự do cho nhân loại.

Bạch Xuân Phẻ

Thiền hành ở Munich, Đức (Photos: Phusa.info)

Chiều Buồn

Mây ơi chiều nay vội đi đâu
Cánh nhạn nối nhau về phương nào
Bỏ lại một người bên hiên vắng
Trời chiều lành lạnh nghe mưa mau.

Bao năm gặp lại vẫn nhìn nhau
Ngập ngừng lấp lửng mối câu chào
Người đến, người đi như cơn gió
Chạnh lòng chân bước nhịp lao xao.

Xa xa ai gióng tiếng chuông chiều
Thức lòng ta nửa giấc cô liêu
Sân chùa loang vắng đầy lá mỏng
Như mộng vừa qua thoáng đìu hiu.

Chao ôi! thèm nghe tiếng kinh cầu
Cho hồn ta vịn, vơi niềm đau
Từng bong bóng vỡ trên thềm đá
Như vạn giọt sầu vỡ đêm nao.

10.30.2009 (Baton Rouge)

Bất Chợt

Giơ tay chạm thấy tuổi buồn
Rơi trong đáy mắt bụi đời phù vân
Nhìn mây trời nhớ buâng khuâng
Thời gian như hạt nắng rơi sân ngoài

Giây Phút Tinh Khôi

Sớm mai ra vườn hái nhánh hoa
Nhụy thơm còn đọng hạt sương sa
Mở nụ cười mềm bên gió mát
Trời đông bừng tinh ánh chan hòa

Cúc vàng nở rộ dâng bồ tát
Trầm hương nhẹ thoảng thoát hư không
Như như bất động giây an lạc
Thanh thản chuông đưa một lối về.

Dương Kiều Nhi

HÓA TRANG

Vĩnh Hảo

Sáng thứ Bảy bước vào nhà băng, thấy các nhân viên đều hóa trang. Sực nhớ hôm nay là ngày Halloween, ngày Lễ hội hóa trang, hay là ngày của ma quỷ (có người nói thế).

Nguồn gốc lễ hội này xuất phát từ châu Âu, chính xác là từ Tô-cách-lan, Ái-nhĩ-lan, Anh-cát-lợi và một phần miền bắc nước Pháp bởi sắc dân Celts. Lễ hội đã có từ trước công nguyên, tức đã hơn hai nghìn năm rồi, nhưng mãi đến hậu bán thế kỷ thứ 19, mới bắt đầu phổ biến tại vài tiểu bang Đông Bắc Hoa Kỳ, là do những di dân từ các nước kia sang lập nghiệp. Bây giờ thì đã lan khắp, không những Hoa Kỳ mà còn qua Á châu. Lịch sử và các truyện tích của lễ hội này có nhiều nguồn. Tìm đọc sơ qua Google search thì biết vậy, chứ ở đây chẳng phải chỗ để nói, huống nữa, hãy để những người có khiếu kể chuyện ma và chuyện kinh dị đảm trách thì hấp dẫn hơn.

Trở lại với buổi sáng ở nhà băng. Nhìn các nhân viên trong các trang phục khác nhau, thấy cũng vui vui. Có người hóa trang con thú gì đó không đoán ra nổi. Có lẽ phải xem nhiều phim hoạt họa của con nít mới biết đó là con gì. May mà cô tiếp mình hóa trang đơn giản, dễ nhận ra. Nụ cười thân thiện, cô chào hỏi, mình đáp lấy lệ, rồi bỗng thấy làm vậy có vẻ lạnh lùng quá cho một ngày hội hóa trang, bèn nói đùa một câu:

"Chào bác sĩ."

"Hả, bác sĩ à? Không, tôi là Kate Gosselin, y tá!"

"Ồ, xin lỗi, chào cô Kate..." Mà Kate Gosselin là ai vậy kìa? Chắc là nhân vật nào trong phim mà mình chưa xem.

Cô nhướng mắt ngó mình rồi cười ngất, xoay qua người bạn kế bên nói, "anh ấy nói tao là bác sĩ!" Cách nói của cô không phải hãnh diện bị hiểu lầm là bác sĩ, mà chính là thất vọng vì mình không nhận ra cô là cái cô y tá Kate Gosselin nào đó. Có lẽ cô nghĩ mình nhà quê, ít đọc, hoặc ít chịu xem phim, xem tivi...

Hừm, y tá hay bác sĩ, có khác gì đâu chứ. Cô chỉ mặc cái áo choàng trắng, máng cái ống nghe lên cổ, giống như mấy bác sĩ tôi từng gặp ở bệnh viện, họ đều mặc như vậy cả mà. Bản tên cô đeo cũng đâu có ghi chữ gì là nurse hay là Kate Gosselin. Hóa trang thôi mà làm dữ vậy!

"Anh cần giúp gì nào?" cô nhân viên xoay lại, cố giữ nụ cười tươi, hỏi.

Tôi đưa món tiền mặt của tòa soạn để nhờ cô đưa vào trương mục. Cô nhanh nhẩu bỏ xấp tiền vào máy đếm. Rẹt, rẹt, rẹt... tiền giấy bị kẹt. Cô lắc đầu, tỏ vẻ khó chịu, vừa gỡ tiền ra khỏi máy, vừa nói:

"Lần sau anh đưa tiền nhớ tháo mấy cái kim ra rồi hãy đưa tôi nhé!"

"Ồ, xin lỗi, tôi không kịp nói cho cô biết..."

Y tá gì mà khó chịu, ít dễ thương thế, mình thầm nghĩ. Cô lầm lì tháo kim, sau đó lại đưa tiền vào máy. Lần này thì đã trơn tru. Nhưng cô vẫn chưa hết bực dọc, còn lặp lại câu nói khi nãy:

"Lần sau anh đưa tiền nhớ tháo mấy cái kim ra... Anh cần giúp gì nữa không ạ?"

"Thưa không, cảm ơn cô."

"Chúc một ngày vui," cô nói.

"Tôi cũng chúc cô như vậy."

Về tòa soạn, nói với cô thủ quỹ, lần sau nhớ tháo mấy cây kim ra trước khi đưa cho nhà băng... Cô trợn mắt nói:

"Họ cầm tiền của mình thì phải biết là có kim hay không chứ sao lại trách mình! Trước khi đưa vào máy đếm phải xem lại khách hàng có bấm kim hay cài kim vào tiền không đã. Mấy cây kim đó, không lẽ mình dùng móng tay gỡ ra à! Họ ở văn phòng có staple remover để gỡ, đó là bổn phận của họ! Đúng là xớn xa xớn xác để mắt ở đâu rồi còn trách ngược khách hàng!"

Ừ nhỉ, cô thủ quỹ nói cũng đúng, mà bây giờ mình mới nhận ra. Nhưng mà, cho dù mình có sớm biết điều đó thì cũng đâu dám trách người ta. Có đời nào mình lớn tiếng bắt lỗi người ta nơi công cộng vì ba cái chuyện nhỏ xíu như vậy. Huống gì, người ta đang vui, đang hóa trang làm y tá Kate Gosselin mà...

Buổi tối ngồi một mình viết những giòng chữ này. Bên ngoài có tiếng lũ trẻ hàng xóm la hét, chạy rần rật. Chắc là bị ai đó giả ma hù dọa. Lâu nay mình không có tổ chức Halloween nên không để cửa hé, cũng không có trái bí thật bí giả gì để trước sân. Lũ trẻ thấy nhà tối om nên cũng chẳng bén mảng gõ cửa để "trick or treat."

Hóa trang. Cũng vui. Bầy con nít, và ngay cả một số người lớn, cũng chẳng cần hiểu nguồn gốc hay sự tích Halloween làm gì. Thấy người ta làm thì làm theo. Mùa lễ hội, các gian hàng, công sở, tư sở, đều có hóa trang, trưng bày bí đỏ, mạng nhện, phù thủy, cây chổi, mèo đen, bộ xương khô... vui quá đi chứ! Rồi đêm đến, bầy trẻ rủ nhau từng tốp, đi gõ cửa từng nhà, trick or treat, xin kẹo... Mình chẳng tham dự nhưng cũng vui lây với niềm vui con nít.

Ngồi gõ chữ, vừa ngẫm ngẫm nghĩ nghĩ về chuyện hóa trang. Hóa trang. Hóa trang. Mình muốn nói gì vậy? À, là hóa trang. Mọi người đều hóa trang cả đấy mà, đâu cần phải đợi đến lễ hội Halloween.

Khi thay và mặc áo quần mỗi ngày trước khi rời phòng và trước khi ra khỏi nhà là hóa trang rồi đó. Mỗi người đã tự chọn một thứ trang phục thích hợp nhất với nhân dáng, vai trò và vị trí của mình trong gia đình, xã hội. Là thói quen, là điều tự nhiên. Nhưng chẳng phải cũng là một hình thức của hóa trang và đóng kịch hay sao? Chúng ta hóa trang mỗi ngày mà không tự ý thức. Nếu không hóa trang thì ở nhà cũng giống như khi ra đường, đến sở cũng giống như khi ở phòng riêng. Hoặc có thể nói ngược lại, *"tọa mật thất như thông cù"* (một mình ngồi trong phòng kín vẫn giữ cái lễ giống như ở ngã tư đường). Nếu ra ngoài đường thì tươm tất lịch sự, đi đứng trang nghiêm, nói năng chừng mực nhỏ nhẹ, rồi về phòng riêng thì ngã ngớn, lè phè, buông thả, ăn nói thô tháo... chẳng phải đã chứng tỏ mình chỉ đóng kịch với tha nhân và dối gạt chính mình hay sao! Bước ra khỏi phòng, chúng ta đã khác, bước ra khỏi nhà, chúng ta càng khác hơn. Rồi đến sở, khác, đến chùa hay nhà thờ, lại khác hơn một chút. Nghĩa là chúng ta chưa bao giờ sống thực với mình. Cuộc sống của chúng ta là một chuỗi ứng biến, đối xử với những người chung quanh, vừa biểu hiện phong cách, tư cách, một personality của mình. Cái gọi là tư cách đó, chẳng qua chỉ là một hóa trang, kết quả từ sự va chạm với tha nhân và xã hội. Chúng ta khoác mặc cho mình những lớp áo gọi là cái lễ của người phương Đông, hay cái cung cách và phép lịch sự (manner, behavior) của người phương Tây. Những lớp áo đó dần dần trở thành cá tính, đặc tính của mỗi chúng ta, chỉ khác là đậm hay nhạt, rộng hay chật. Nếu thấy thoải mái trong những lớp áo đó, chúng ta hạnh phúc, và hóa trang không còn là hóa trang. Nếu không thấy thoải mái, chúng ta sẽ suốt đời sống trong vờ vĩnh, giả bộ.

Cho nên, trong một nghĩa nào đó, sống hạnh phúc ở đời chính là biết chọn cho mình một sự hóa trang hoàn hảo; có nghĩa là vừa vặn, thích hợp với mình ở nhân dáng, tác phong và cả ở tâm hồn nữa. Một sự hóa trang nhẹ nhàng, không đến nỗi là một sự che giấu thiên hạ, lừa dối chính mình.

Cũng có nghĩa là hãy nói những gì chúng ta chính mắt thấy, chính tai nghe; đừng cố ý nói sai sự thực. Cố ý nói sai sự thực chính là lừa dối mình, lừa dối đời bằng một kiểu hóa trang vụng về, thô lậu.

Cũng có nghĩa là hãy thực hiện những gì chúng ta nghĩ là đúng, là công bằng, sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng với trí tuệ và kinh nghiệm (không phải chủ quan của riêng mình, mà của số đông, của những bậc hiền triết đi trước mình). Nghĩ một đàng, làm một nẻo, nghĩ là đúng mà không dám làm, biết là sai mà vì lý do gì đó vẫn cứ làm, là sự hóa trang tồi tệ nhất trong những kiểu hóa trang.

Chúng ta có thể sống thực và cùng lúc có thể hóa trang, không gì trở ngại. Nhưng nên nhớ rằng, hóa trang là một nghệ thuật làm vui người khác, làm đẹp cuộc đời, không phải là những lớp áo để ẩn náu và che giấu những gì không thật. Sự thật không bao giờ được che đậy mãi mãi bằng những lớp vỏ ngụy trang.

California, 31.10.2009.

NIỆM CHẾT…

Chiêu Hoàng

When we contemplate death and the impermanence of life, our minds automatically begin to take an interest in spiritual achievements, just as an ordinary person becomes apprehensive when seeing the corpse of a friend.

Meditation on death cuts off attraction toward transient and meaningless activities.

(Dalai Lama – The path to tranquility)

"Tôi sẽ hành xử thế nào nếu ngày mai tôi chết?"

Đó là câu hỏi mà nhiều ngày nay Chị nghĩ đến. Cái chết. Thật hiển nhiên và chắc chắn. Nó sẽ xảy đến cho bất cứ người nào. Từ một vị vua, một thương gia, một người giầu có, quyền uy chức tước đến những kẻ bần cùng, nghèo đói, xấu xa v.v... Một ngày nào đó, tất cả, rồi cũng sẽ phải chết. Nhưng mấy ai nghĩ đến điều đó? ***Cái Chết***, đối với ta thật rất xa vời. Ừ, dĩ nhiên *một-ngày-nào* đó ta sẽ phải chết, nhưng Cái Chết thật trừu tượng, nếu không nói, đối với riêng cá nhân mỗi người, dường như nó không hiện hữu…

Nhiều ngày nay Chị đã nghĩ về cái chết khi một đạo hữu vừa từ trần. Anh chết sau thầy nhập diệt chưa đầy một năm. Chị nghĩ đến anh, đến hơn hai năm qua anh bị bệnh và thường xuyên đối diện với cái Chết. Chắc hẳn, anh đã chuẩn bị và sẵn sàng chờ nó tới…

Vậy đó… Mỗi sáng vừa bừng con mắt dậy, sau câu niệm quy y, Chị lại tự đặt cho mình một câu hỏi: *"Liệu tôi sẽ làm gì đúng nghĩa nếu ngày mai tôi chết?"* Câu hỏi ấy phải là một câu hỏi nghiêm chỉnh, tận đáy lòng, một câu hỏi mà chắc chắn ta cảm nhận được rằng, *ta sẽ không còn một cơ hội nào khác ngoài cái Chết sẽ xảy đến,* và lúc đó, ta sẽ hành xử thế nào?

Quả nhiên đó là một điều rất **khốc liệt** khi ta thực sự nghĩ đến nó…

Trên thực tế, Chị cũng chưa cảm nhận sự "khốc liệt" như mình tưởng tượng. Nhưng một vài lần trong mơ, chị có thể cảm nhận được cái chết nó đến với mình như thế nào…

Đó là khung cảnh một buổi tối buồn. Chị đang đi trên một con đường hun hút dưới hai hàng cây. Chỉ có vài ánh đèn lunh linh hắt từ những căn nhà còn sáng. Chẳng hiểu lúc đó đi đâu, và làm gì. Nhưng hình như Chị cần phải đi, đi cho hết những nghiệp quả đang trổ…

Bỗng từ một khoảng tối sâu hoắm, một người lạ mặt nhảy xổ ra dơ cao tay với con dao dài đâm phập vào bụng. Chị thấy mình gập đôi người lại, loạng choạng, máu chảy ướt hết cả áo phần bụng và ngực trong khi bóng đen cao bay, xa chạy. Ngay lúc ấy, Chị ***biết*** *mình sắp chết nhưng không cảm thấy sợ hãi. Chỉ có một điều duy nhất là Chị vẫn còn rất tha thiết sống, tha thiết là vì Chị chợt nhận ra rằng, Chị vẫn chưa chuẩn bị để ra đi. Chị vẫn còn muốn tu tập cho tâm thức chín muồi… Chưa-bao-giờ-như-lúc-này… Chị tha thiết muốn giữ lại được thân người thêm một thời gian nữa để tu tập. Ôi chao! Sao giờ phút lâm chung mới bi ai, thống thiết làm sao… Một mình Chị, không người thân, không có đến một lời an ủi, ở một nơi hoang vắng quạnh quẽ này, Chỉ - một mình - đang đối diện với cái Chết… Trong tâm lúc đó, Chị hoàn toàn không có một niềm oán hận nào với người đã giết mình, mà chỉ thấy một niềm tiếc nuối vô bờ rằng lúc còn sống Chị đã không dấn thân vào sự tu tập một cách nghiêm túc để đến giờ phút này thì đã quá trễ..*

Từ đáy tầng tâm thức. Chị thấy đầu óc thật mù mịt, hình ảnh nhạt nhoà như những ánh sáng bệnh hoạn chập chờn trước mặt… Chị cố gợi lên trong tâm hình ảnh ngài Quán Âm và từ đó, câu chú của ngài bắt đầu mấp máy trên môi trong khi toàn thân đổ ập xuống đất… Chị cảm nhận dòng máu đỏ đang trào ồng ộc tuôn ra phía dưới bụng và bừng tỉnh dậy với giọt nước mắt ướt mi mà Chị vẫn còn tưởng đó chính là máu mình đang chảy…

"Hãy quán niệm về Cái Chết. Mỗi ngày…"

Bạn sẽ cảm thấy yêu đời hơn và sẽ cố làm cho đời sống mình thêm ý nghĩa…

KHUYÊN NHỦ

nhân gian vừa đủ tiếng cười
vừa lưng tiếng khóc vừa ngùi tiếng đau
xin em dốc cạn ưu sầu
phơi trên thế sự mà trau chuốt tình.

BỎ LẠI ĐÀNG SAU

quay lưng bỏ lại đàng sau
một thành phố lạ càu nhàu ỉ ôi
một đời sống lạ tiếng người
một thời gian trống tôi ngồi chơi hoang.

CHE BÀN TAY LẠI

cành sương rụng
đêm đen hả miệng
giọt tình tôi muôn thuở lênh đênh
em về đánh cuộc nhân duyên
che bàn tay lại để phiền muộn bay.

BON CHEN

cái thân dù nặng như chì
cũng còn khói lửa ầm ì vết nhăn
bước vô nhà hẹp một gian
bước ra hẹp cả giang san co mình
bước qua phố thị buồn tênh
thần hồn cũng muốn rập rình ra sương.

CHỨNG KIẾN

và tôi thấy trần gian chừ bỏ ngõ
người đi qua lũ lượt khóc xin hồn
trong lặng nín vô tình tôi đứng đó
loay hoay nhìn và lững thững đi luôn.

PHÙ DU

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI
Tu viện An Lạc – 901 S. Saticoy Ave., Ventura, CA 93004 – U.S.A.
Tel.: (805) 659-9845 | (805) 816-8799 | Email: missionanlac@yahoo.com

Phật Lịch 2553

Buổi Cơm Chay Thương Về Miền Trung

Ventura - Cách xa hơn nửa vòng trái đất, những người con đất Việt ly hương, những kiều bào, những đồng hương và Phật tử từ khắp nơi, trong những ngày qua không sao tránh khỏi nỗi bàng hoàng đau đớn trước cảnh thiên tai do cơn bão số 9 (Ketsana) đã đổ ập vào miền Trung Việt Nam, gây thiệt hại rất nặng nề, nhiều người đã tử vong, hàng ngàn ngôi nhà bị sụp và bị chìm trong biển nước, mùa màng hư hại, khiến cho hàng ngàn người phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất. Cơn bão đi qua để lại bao cảnh tang thương, mất mát không sao kể xiết. Trước tình hình đó, để xoa dịu phần nào những nỗi khổ, niềm đau, những thiệt hại của đồng bào ruột thịt miền Trung thân yêu, để thể hiện tinh thần từ bi, cứu khổ ban vui của người con Phật, cũng như tinh thần tương thân, tương trợ *"Một miếng khi đói bằng một gói khi no"* hay *"Lá lành đùm lá rách"* trong dòng máu của con Lạc cháu Hồng vốn có từ ngàn xưa, chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử đã vận động lạc quyên và thực hiện các đợt cứu trợ cho các nạn nhân trong những ngày qua.

Một trong các buổi gây quỹ đáng ghi nhớ là vào sáng Chủ Nhật ngày 25 tháng 10 năm 2009, tại Tu Viện An Lạc, thành phố Ventura, tiểu bang California, Hoa Kỳ, được sự chỉ đạo và chủ trì của Tỳ kheo Thích Thông Hải - Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội thuộc GHPGVNTN Hoa Kỳ, Viện chủ Tu Viện An Lạc, Hội trưởng Hội Tình Thương - Vietnamese Project Dana, cùng với thành viên của Hội và Tăng Ni, đồng hương Phật tử, đã tổ chức buổi cơm chay "Thương Về Miền Trung" để gây quỹ cứu trợ cho đồng bào miền Trung bị bão lụt. Đặc biệt, dưới sự chứng minh và chia sẻ của H.T. Thích Trí Chơn và H.T. Thích Nguyên Trí, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ, với sự trình diễn đặc sắc của các nghệ sĩ Chí Tâm, Ngọc Đáng, Mai Thế Hiệp, Hứa Hoàng Hải, Cảnh Phúc, Phạm Thái Thành, Châu Ngọc Linh, Hồng Mai, Yến Linh cùng các anh chị em nghệ sĩ địa phương, đã tạo nên bầu không khí thắm tình đạo vị và chan chứa tình người.

Buổi cơm chay gây quỹ đã quyên góp được số tiền là $9.000 USD. Cộng với số tiền gây quỹ tại tiểu bang Arizona là $4.870 USD. Ngoài ra, Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn trụ trì Chùa Trúc Lâm - Chicago, Illinois, đã ủng hộ số tịnh tài là $2.463 USD; Đại Đức Thích Tịnh Mãn, Tu Viện Từ Vân - Denver, Colorado gửi về ủng hộ $1.100 USD; Đại Đức Thích Thiện Lợi, Chùa Pháp Hoa - Vernon, Connecticut, đã ủng hộ $2.027 USD. Tổng cộng số tiền đã nhận được từ các Phật tử và đồng hương của các Đạo Tràng nói trên là $19.460 USD. Số tiền nầy sẽ tiếp tục cứu trợ trong đợt bốn do Giáo Hội lạc quyên.

Trong đợt cứu trợ lần thứ tư, văn phòng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN Hoa Kỳ sẽ cử một phái đoàn đại diện về một số các tỉnh Miền Trung để trực tiếp ủy lạo và thăm viếng các đồng bào bị thiên tai lũ lụt. Nha sĩ Nguyễn Xuân Phương Loan và đạo hữu Võ Đình Dũng là thành viên của Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội sẽ được công cử hướng dẫn phái đoàn đi thực hiện công tác từ thiện cứu trợ cho đợt này.

Trước đó, vào ngày 28-09-2009, sau khi được biết tin tức cơn bão số 9 ập vào các tỉnh miền Trung Việt Nam, chúng tôi đã gửi thông báo kêu gọi trên báo chí và phát động chương trình kêu gọi và gây quỹ để cứu trợ khẩn cấp. Tại Thiền Viện Chân Không - Hawaii, Phật tử đã đóng góp được $2.000 USD; tại Chùa Bát Nhã - Santa Ana, Văn Phòng Thường Trực của Giáo Hội, đồng hương Phật tử đã ủng hộ số tịnh tài tổng cộng là $55.000 USD cứu trợ cho ba đợt, kể từ ngày 23-10-2009 đến 02-11-2009. Hình ảnh ba đợt cứu trợ do GHPGVNTN Hoa Kỳ thực hiện đã được đăng trên một vài báo địa phương Nam California, và sẽ được tường thuật đầy đủ trên báo Chánh Pháp số 8, ra vào đầu tháng 12 năm 2009. Kính xin chư tôn đức Tăng Ni, đồng hương và Phật tử đón đọc.

Tóm lại, tổng số tiền của các cuộc vận động gây quỹ cứu trợ tính đến nay là **$74.460 USD.**

Chúng tôi xin chân thành cám tạ chư Tôn Đức Tăng Ni, đồng hương và Phật tử đã phát tâm ủng hộ cho chương trình gây quỹ cứu trợ cho đồng bào nạn nhân lũ lụt tại quê nhà sớm phục hồi sinh hoạt bình thường của cuộc sống.

Kính chúc chư Tôn Đức Tăng Ni pháp thể khương an, chúng sanh dị độ và phật sự viên thành. Đồng kính chúc quý đồng hương Phật tử vạn sự an lành, thân tâm thường an lạc.

Ventura, ngày 02 tháng 11 năm 2009
Văn Phòng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội
Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ
Tổng Vụ Trưởng,
TT. THÍCH THÔNG HẢI

Thông qua Hội Từ Bi (một hội từ thiện của Chùa Bát Nhã đã hoạt động lâu năm), Giáo Hội đã thực hiện 3 đợt cứu trợ: từ ngày 20.10 đến 05.11.2009. Đợt cứu trợ thứ 4 đang diễn tiến, do quý đạo hữu Nguyễn Xuân Phương Loan và Võ Đình Dũng, thành viên Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội thực hiện. Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội sẽ tổng kết việc cứu trợ sau khi kết thúc đợt 4. (Ghi chú của BBT Chánh Pháp)

HÌNH ẢNH CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO LỤT MIỀN TRUNG CỦA GHPGVNTNHK

Mổ mắt cườm cho bệnh nhân nghèo tại Phú Yên

Một trong 4 gia đình được cấp 20,000.000 đvn để cất lại nhà bị sụp đổ do bão số 9

Xe tải chở quà cứu trợ

Ủy lạo phát quà cho trường khuyết tật

Phát quà cho bệnh nhân ung bướu

Đồng bào nạn nhân ở Phú Yên đang chờ phát

Thăm viếng gia đình có người bị tử vong

Một trong những ngôi nhà bị tàn phá ở Phú Yên

CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO LỤT MIỀN TRUNG 2009 TẠI QUẢNG NGÃI

Chiếc ghe này cúng dường cho "Chùa Lầu" (Quảng Nam) để quý Thầy sử dụng khi cứu trợ khẩn cấp.

CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO LỤT MIỀN TRUNG 2009 TẠI QUẢNG NAM

200 tấm toles được phát cho 10 gia đình có nhà bị tốc mái tại tỉnh Quảng Nam

CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO LỤT MIỀN TRUNG TẠI THỪA THIÊN—HUẾ

Thăm và phát quà cho một cô nhi viện

CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO LỤT MIỀN TRUNG 2009 TẠI QUẢNG TRỊ

YỂM TRỢ
BÁO CHÁNH PHÁP

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,

Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,

Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Tuy mới có mặt trong một thời gian ngắn, báo Chánh Pháp đã nhanh chóng tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.

Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mỏi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện…)

- Quý phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ

- Quý phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị $3 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)

- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
803 S. Sullivan St.,
Santa Ana, CA 92704

Bài vở xin gửi:
baivochanhphap@gmail.com

Phật Ngọc Hòa Bình và Xúc Địa Ấn

(Bhumisparsa Mudra)

Cư Sĩ Nguyên Thần

Những ngày tháng đầu năm 2009, hầu như toàn thể những người Phật tử không phân biệt môn phái - quốc độ - màu da chủng tộc đều phát khởi hoan hỷ tâm khi nghe tin Phật Ngọc Hòa Bình điêu khắc theo mẫu tượng đức Như Lai tôn thờ tại Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ đã hoàn tất tại Thái Lan. Ông Ian Green chủ tịch Đại Tháp Từ Bi ở Bendir-gro sẽ đưa Phật Ngọc Hòa Bình đi vòng quanh thế giới.

Việt Nam là quốc gia được cung nghinh Phật Ngọc Hòa Bình đầu tiên...

Hằng ngày trong các thời niệm Phật sám hối, tôi thường quán tưởng lễ lạy ảnh tôn tượng Phật Ngọc Hòa Bình do chùa Hoằng Pháp phổ biến, vì tôi đã cố ý tôn trí trong thứ tự Tam Thế Phật trên bàn thờ: Khung hình Đức Phật A Di Đà + Đức Phật Ngọc Hòa Bình + Đức Di Lặc...

Tôi đã cảm nhận được vài vấn đề.

Thân Phật sắc ngọc xanh biếc óng ánh... tôi liên tưởng đến bài kệ:

"Phật thân thanh tịnh tơ lưu ly
Phật diện do như mãn nguyệt huy..."

Tôi cố tình suy diễn: đây rồi Báo thân tứ đại của Đức Thế Tôn lại tái xuất cõi ta bà.

Cánh tay phải tôn tượng thủ Ấn Xúc Địa - Tôi lại liên tưởng một sự kiện xảy ra... theo như sử liệu Phật Giáo ghi trong Đại Tạng, Đức Như Lai đã sử dụng Xúc Địa Ấn làm rung rinh Tam giới để hàng phục Thiên ma, ngoại ma khi Ngài vừa đắc đạo... Từ đó tôi phát khởi niềm tin rằng: Tôn tượng Phật Ngọc Hòa Bình - tay phải thủ Xúc Địa Ấn được luân chuyển đến xứ sở - quốc độ nào: Thiên ma - ngoại ma - nội ma tất sẽ lùi bước. Tôi nghĩ rằng phải chăng Phật Ngọc Hòa Bình... sẽ là mật mã mở khóa cánh cửa Hòa bình cho nhân loại?...

Tôi xin ghi mấy vần thơ cảm niệm:

Xúc Địa Ấn làm rung rinh Tam Giới
Hàng Thiên ma đến khuấy rối Như Lai
Ba ngàn năm sau tôn tượng của Ngài
Ấn Xúc Địa lại hiển bày thần Phật Ngọc
Hỡi Thiên ma cùng các loài Quỷ-vật
Hãy lấy "Tình thương" xây cất lâu đài
Đừng dùng xương và máu của muôn loài
Ắt khó thể Đức Như Lai dung thứ
Dù hiện tại, tương lai hay quá khứ
"Ấn Hàng Ma" mãi bất khả tư nghì
Nguyện cầu Phật tổ chứng tri
Long thiên hộ pháp phò trì chúng con
Hàng ma khuyến nhiễu bên trong
Trừ loài quỷ mị mưu toan bên ngoài
Cho ngôi Tam Bảo đời đời
Là nguồn an lạc vạn loài chúng sanh.

Đầu tháng 2-2010, Xuân Canh Dần, Tu Viện Pháp Vương ở San Diego - California, do Thượng tọa Nguyên Siêu làm Viện chủ, Thượng tọa Tâm Tường trú trì được đại phúc duyên cung đón Phật Ngọc Hòa Bình.

- Đệ tử kính lạy Đức Thế Tôn từ bi gia hộ ...
- Đệ tử kính lạy Long Thiên Hộ pháp lân mẫn phò trì.
- Đệ tử kính xin toàn thể Tăng Ni - Tín đồ Phật Giáo Việt Nam hải ngoại chung lòng - chung sức hộ trì cho đại lễ cung đón Phật Ngọc Hòa Bình thành công viên mãn.

Đệ tử kính ghi câu thần chú: "Xúc Ấn Địa" tức "Hàng Ma Phục Quỷ Ấn" trích từ "Mật Tông Đại Chánh Tân Tu - phẩm Mật Hiệu Bất Động Kim Cang Thừa" trong Đại Tạng Kinh Hán Văn - (chú giải của Hòa thượng Quảng Hiển - viện chủ Đại Tòng Lâm Bà Rịa)

Thần chú này Đấng Từ Phụ đã sử dụng để hàng phục Thiên-ma, quỷ vật khi Ngài mới thành đạo ở dưới gốc cây Bồ Đề:

"ÁN ÁT KHẤT SÔ TỲ DÃ HỒNG"

Các thủ ấn: Ngồi Kiết già hoặc Bán già, bàn tay trái để ngửa trước rún, bàn tay phải để úp trên vế chân phải, năm ngón tay chấm đất...

Đệ tử kính xin quý liệt vị tùy nghi hành trì, để đại lễ cung đón Phật Ngọc Hòa Bình tăng thêm phần lợi lạc cho nhân loại chúng sinh trong đó có Phật tử chúng ta.

Nam Mô A Di Đà Phật.

San Diego, tháng 6-2009

CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ấn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp trong tháng qua:

HT. Thích Thắng Hoan (CA) $200, HT. Thích Thái Siêu (CA) $200, ĐĐ. Thích Nguyên Hải (CA) $50, Đạo hữu Đinh văn Hải (Arizona) $50, Đạo hữu Thái Như-Khuê (VA) $72, Đạo hữu Trần Quốc Hùng (CA) $50, Đạo hữu Dương Ngân (VA) $32, Đạo hữu Tâm Quả (CA) $20, Đạo hữu Nguyên Hảo (CA) $20, Đạo hữu Hoa Đạo (CA) $20.

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thùy từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Biên Tập Chánh Pháp

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP HÀNG TUẦN TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA

CHÙA BÁT NHÃ **mỗi tuần vào ngày THỨ BẢY, từ 8:00 sáng đến 5 giờ chiều đều có khóa Tu Học dành riêng cho quý Phật Tử.** Chương trình gồm có: tham cứu về Tịnh Độ tông, Thiền tông, Mật tông, tìm hiểu những giáo lý căn bản của người Phật Tử, nhất là hành trì thực nghiệm trong ngày Tu Học, để đem lại lợi ích thiết thực cho đời sống tâm linh của mỗi người.

Các Khoá Tu này do Chùa bát Nhã cúng dường tất cả vật thực và Chư Tăng Ni sẽ lo cơm nước và vật dụng cần thiết, Phật Tử chi lo Tu Học.

Mọi chi tiết cần thiết xin liên lạc **(714) 571-0473** hay **(714) 548-4148**

Cầu Phật Từ gia hộ cho quý vị thân tâm thường thanh tinh đạo tâm kiên cố.

Địa chỉ Chùa Bát Nhã:
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704—U.S.A.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

***Diệu Âm** lược dịch*

HOA KỲ: Trình chiếu phim tài liệu 'Thế giới đã mất của Tây Tạng'

Nevada County, California - Vào ngày 10 và 11- 10 - 2009, Trung tâm Nghệ thuật ở thành phố Green Valley, Quận lỵ Nevada trình chiếu bộ phim màu có tựa đề "Thế giới đã mất của Tây Tạng" (The Lost World of Tibet), được tổ chức bởi nhà sử học Dan Cruickshank của Hiệp hội Phát thanh Anh quốc (BBC).

Đây là phim tài liệu mới đoạt giải của Anh quốc, do nhà sản xuất kiêm đạo diễn Emma Hindley thực hiện. Sau gần 10 năm làm việc cùng Viện Phim Anh quốc, nữ đạo diễn Hindley đã thu thập bất cứ và tất cả cảnh phim nào về đất nước Tây Tạng thời trước khi bị Trung quốc chiếm đóng vào năm 1959.

Cuộc hành trình đã đưa bà đi khắp thế giới - từ Pháp, Đức đến Ấn Độ, Hoa Kỳ và cả chính tại Tây Tạng - và đã cho bà một kho tàng của cảnh phim cực hiếm về những lễ hội Tây Tạng cổ xưa, những nghi lễ Phật giáo thiêng liêng và ngay cả "những phim quay tại nhà" của Tenzin Gyatso, đức Đạt Lai Lạt Ma thời trẻ, và gia đình của ngài trước lễ đăng quang của ngài vào năm 1950.

(TheUnion.com - October 8, 2009)

ANH QUỐC: Tịnh xá Hồng Kiều được tặng cây con của cây Bồ đề Ananda

Luân Đôn, Vương quốc Anh - Một cây con của cây Bồ đề Ananda (tại bang Sravasthi, Ấn Độ) mới đây đã được Tiến sĩ M.B.Ranatunga và bà Nawamalie Ranatunga tặng cho Tịnh xá Hồng Kiều ở thị trấn Ilford, quận Essex. Đã nhiều năm kể từ khi được thành lập, tịnh xá này chưa có cây Bồ đề nào.

Sư trưởng của tịnh xá là Thượng toạ Trưởng lão Pethigamuwe Hemaratana đã rất vui mừng khi nhận cây bồ đề và nói rằng cây này sẽ là một biểu tượng Phật giáo quan trọng nữa đối với tịnh xá.

Sau đó Thượng toạ Maha Sanga cử hành một nghi lễ nhỏ để đánh dấu sự kiện này.

Việc chiết nhánh từ cây Bồ đề Ananda được thực hiện bởi nhà làm vườn tên là Upali Dias ở Manchester. Cây con sau đó được trồng với sự bảo quản đặc biệt và trong các điều kiện thời tiết thích hợp tại Trung tâm Làm vườn Proc Port - một phòng thí nghiệm về Nghề làm vườn ở Vương quốc Anh. Rồi cây được giao cho bà Nawamalie Ranatunga để chăm sóc trong nhiều tháng.

Tín đồ của Tịnh xá Hồng Kiều rất vui thích khi nơi thờ phụng của họ nhận được cây con từ cây Bồ đề Ananda linh thiêng, vốn là điểm đến thường xuyên đối với những Phật tử hành hương và khách viếng từ khắp thế giới.

(Asiantribune.com - October 9, 2009)

MÃ LAI Á: Phật tử tham gia sự kiện viết bản kinh

Tổng cộng 1.388 Phật tử đã có mặt tại Hội trường Tow Boo Keong ở thành phố Ipoh của bang Perak để tham gia vào sự kiện viết bản kinh vào ngày Chủ nhật 10 - 10 - 2009. Và họ đã được ghi vào danh mục Sách Kỷ lục của Mã Lai Á.

Mỗi người tham gia được trao một cuộn giấy có in bản kinh gồm 168 chữ Hán.

Trở thành trung tâm của sự chú ý là các cậu bé sinh ba Yu Zhi, Yu Ren và Yu Yong, 10 tuổi, vì các em đã viết theo số chữ trên bản kinh của mình với sự tập trung cao độ, dưới sự hướng dẫn của bà nội 75 tuổi.

Ông Gee Peng Lam, Chủ tịch uỷ ban tổ chức cấp quốc gia, cho biết rằng Uỷ ban Thực hiện Thống nhất và Hoà hợp Phật giáo qua các Bản kinh đã nhắm đến việc thực hiện một triệu bản viết. Ông nói, "Đến nay, chúng tôi đã phát 250.000 cuộn cho các cá nhân để viết lên bản kinh trong sự kiện của hôm nay".

Còn Đại đức Kai Loong, người chủ trì sự kiện này, nói rằng việc viết trên bản kinh là một dạng của thiền định.

Và người đại diện của Sách Kỷ lục của Mã Lai là ông Ricky Yap đã công nhận con số của những người tham gia này là một kỷ lục của Mã Lai trong một sự kiện về viết.

(thestaronline - October 10, 2009)

Anh em sinh ba Yu Zhi, Yu Ren và Yu Yong, 10 tuổi, đang viết lên bản kinh - Photo: ABN

ẤN ĐỘ: Phát triển di tích cổ của Đại tịnh xá Vikramshila

Patna, Ấn Độ: Ban Kiểm tra Khảo cổ Ấn Độ (ASI) đã đề ra một kế hoạch toàn diện để phát triển di tích cổ của Đại Tịnh xá Vikramshila (từng là trung tâm Phật giáo lớn, có từ thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên) thành một điểm đến du lịch quốc tế. Di tích này toạ lạc cách nhà ga Bhagalpur 47 km.

Ngày 9 - 10 - 2009, Tổng Giám đốc của ASI là K N Srivastava đã đến Bhagalpur (bang Bihar) với mục đích tham quan di tích này, để thông qua lần cuối cùng một dự án phát triển chính thức.

Ông S K Manjul, thẩm sát viên khảo cổ của ASI tại khu vực Patna cho biết dự án quản lý tổng thể chủ yếu sẽ dựa vào việc củng cố viện bảo tàng hiện có, phát triển về cây trồng bên ngoài và bên trong cho hợp với cảnh quan, với việc bảo tồn, xử lý hoá chất và thẩm mỹ hoá.

Một giáo sư của khoa lịch sử, văn hoá và khảo cổ Ấn Độ cổ đại là Rajiva K Sinba nói:

"Một điểm độc đáo của Vikramshila là mười hai căn phòng nằm ở độ sâu 1, 35 mét dưới lòng đất. Những phòng ngầm này có thể đã từng được các nhà sư dùng làm nơi tham thiền. Con số các học giả ở Vikrashila vào thế kỷ thứ 12 được ước đoán là khoảng 3.000 người".

(TNN - October 10, 2009)

MIẾN ĐIỆN: Nữ Phật tử ở vùng Sagaing cúng dường tóc để xây cầu

Số tiền thu được từ tóc do phụ nữ Miến Điện ở vùng Sagaing cúng dường đã được dùng để sửa chữa các cây cầu dẫn đến một trong những ngôi chùa linh thiêng nhất của đất nước này.

Vào tháng Ba năm 2009, các nhà tổ chức của dự án sửa chữa cầu đã kêu gọi phụ nữ hiến tặng tóc và nhanh chóng lập ra 13 trung tâm hiến tóc tại các thành phố nhỏ của Vùng Sagaing.

Khoảng 100.000 phụ nữ đã cúng dường 2.400 ký tóc để gây quỹ xây lại 16 chiếc cầu dọc theo quãng đường dài 26 km dẫn đến Công viên Quốc gia Alaungdaw Kathapa, nơi có Chùa Alaungdaw Kathapa toạ lạc. Đây là một trong những di tích Phật giáo linh thiêng nhất ở vùng Sagaing của Miến Điện.

Tóc cúng dường được bán cho các thương nhân Trung quốc ở thành phố Mandalay với giá khoảng 90 đô la cho mỗi 1,60 kg. Tổng số tiền tóc bán được là 180.000 đô la.

Đến nay, 11 trong số 16 chiếc cầu dẫn đến chùa đã được sửa chữa, và 5 cầu còn lại được dự kiến sẽ làm xong vào đầu năm 2010.

(DPA - October 11, 2009)

PHI LUẬT TÂN: Tu viện Phật Quang Sơn Đài Loan tặng 8 tấn hàng cứu trợ

Manila, Phi Luật Tân.- Vào lúc 10 giờ sáng ngày 12 - 10 - 2009, 8 tấn hàng cứu trợ do chùa Phổ Quang Sơn Đài Loan quyên góp cho nạn nhân của hai trận bão Ketsana và Parma đã đến thủ đô Manila.

Chỉ trong mấy tuần qua, Manila và các tỉnh lân cận đã hứng chịu hai trận bão này khiến gần 1.000 người chết, hơn 14.000 gia đình bị mất nhà cửa và phải di tản đến những nơi tạm trú. Nhiều vùng ruộng lúa sắp được gặt đã bị tàn phá.

Vì mục đích nhân đạo, chính phủ Đài Loan đã gửi 50.000 usd để giúp Phi Luật Tân và kêu gọi các tổ chức phi chính phủ và tư nhân đóng góp.

Tu viện Phật Quang Sơn đã hưởng ứng bằng cách quyên góp 8 tấn hàng cứu trợ, và một chiếc máy bay vận tải C-130 của Không quân đã chở số hàng này đến Manila.

(Central News Agency - October 12, 2009)

BẮC TRIỀU TIÊN: Đại lễ cầu nguyện cho việc thống nhất của Phật giáo Liên-Triều

Bình Nhưỡng, Bắc Triều Tiên - Một đại lễ cầu nguyện cho việc thống nhất quốc gia của Phật giáo liên Triều Tiên đã được tổ chức tại Chùa Singye trong khu nghỉ mát Núi Kumgang, Bắc Triều Tiên vào ngày 13 - 10 - 2009.

Nhân chào mừng năm thứ hai của việc trùng tu chùa Singye, lễ cầu nguyện này được tổ chức với sự tham dự của các vị chức sắc trong Uỷ ban Liên đoàn Phật giáo Trung ương Bắc Triều Tiên, các tu sĩ và tín đồ của chùa và của Giáo phái Phật giáo truyền thống Jogye đến từ Nam Hàn.

Các vị đại diện của cả hai miền nói rằng: Đây là sự biểu thị cho mong ước của Phật tử hai miền, cho những nỗ lực củng cố sự đoàn kết và hợp tác để đạt được sự thống nhất quốc gia.

Họ cũng đồng lòng mở ra một tuyến tham quan đến khu nghỉ mát Núi Kumgang và hành hương đến Chùa Singye.

Chùa Singye được xây vào năm 519 và đã bị đổ nát nhiều lần trong lịch sử. Cách đây 2 năm, chùa đã được Bắc Triều Tiên và Nam Hàn xây lại.

(Xinhua News - October 13, 2009)

HOA KỲ: Tu viện Phật giáo Ohio mở thêm điện thờ

Ohio, Hoa Kỳ - Một ngôi nhà 100 năm tuổi ở 1831 Miles Road, thành phố Springfield, đã trở thành Tịnh xá Phật giáo Ohio, là nơi cư ngụ của các tăng sĩ và là nơi tịnh thiền dành cho những các tín đồ và những ai muốn học về đạo Phật. Gần đây, tịnh xá đã mở thêm một điện thờ mới và được tổ chức các lễ mừng với sự tham dự của đại sứ Tích Lan tại Mỹ cùng nhiều người khác.

Sư trưởng của tịnh xá là Thượng toạ Koppakande Sumanajothi đã từ Tích Lan đến Hoa Kỳ với mong ước thành lập một ngôi chùa. Và ước mơ của ông đã thành hiện thực khi được một phụ nữ từ Texas mua và hiến tặng địa điểm rộng 2 mẫu Anh này vào năm 2003.

Thượng toạ Sumanajothi nói ông biết trong vùng có nhiều người đến từ quê hương Tích Lan của ông. Và tịnh xá được dành cho những ai sống ngay tại khu vực này cũng như cho cả những người sống ở những thành phố xa như Dayton, Columbus và Cleveland.

(Cincinnati.Com - October 15, 2009)

ẤN ĐỘ: Bốn ngày thuyết pháp của Đức Đạt Lai Lạt Ma

Dharamsala, Ấn Độ - Theo yêu cầu của khoảng 1.000 tín đồ Đài Loan, từ ngày 15 - 10, Đức Đạt Lai Lạt Ma bắt đầu các buổi thuyết pháp diễn ra trong 4 ngày tại Chùa Tây Tạng Chính.

Trên 4.000 tín đồ, trong số đó có hơn 1.400 người ngoại quốc và khoảng 1.500 tăng ni, đã đăng ký tham dự.

Nhiều đoàn Phật tử Đài Loan đông đảo đã đến Dharamsala trong những năm vừa qua để được nghe Đức Đạt Lai Lạt Ma thuyết giảng về Phật pháp. Khoảng cùng thời gian này vào năm ngoái, có chừng 600 Phật tử đến từ Đài Loan đã tham dự các buổi thuyết pháp của ngài tại đây.

Tháng trước, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đến thăm Đài Loan để cầu phúc cho những người sống sót từ trận bão Morakot và tổ chức một lễ cầu nguyện cho các nạn nhân của trận bão này, với sự tham dự của 15.000 người.

Và từ ngày 20 - 10, Đức Đạt Lai Lạt Ma có 3 ngày thuyết pháp về Tứ Diệu Đế tại Chùa Tây Tạng Chính, theo yêu cầu của một nhóm Phật tử Đông Nam Á.

(Buddhist Channel - October 15, 2009)

Đức Đạt Lai Lạt Ma thuyết pháp tại Dharamsala, Ấn Độ—Photo: Abhishek Madhukar

MÃ LAI Á: Phật tử tham dự lễ cầu nguyện lớn tại Chùa Thean Hou

Kuala Lumpur, Mã Lai Á - Ngày 18 -10 - 2009, Phật tử từ khắp đất nước đã được mời về tập trung tại Chùa Thean Hou ở Robson Heights để dự đại lễ cầu nguyện cho sự hạnh phúc của người Mã Lai. Lễ diễn ra vào sáng ngày 19 - 10, từ 8 giờ rưỡi đến 9 giờ rưỡi.

Sự kiện này được tổ chức bởi phong trào Nghi lễ Quan Âm Hoà bình và Hoà hợp Thế giới, cộng tác với Hội Văn hoá Ge Sar Trung quốc và Hội đồng Phật giáo Kim Cương Thừa của Mã lai, sau khi xuất hiện dịch cúm A (H1N1).

Chủ tịch phong trào là ông Datuk Liu Thim Soon cho biết mục đích của sự kiện này là để cầu nguyện cho sự an toàn của tất cả người Mã lai cũng như cho những người đã chết vì bệnh dịch A(H1N1).

Mọi người tham dự lễ cùng niệm chú Án Ma Ni Bát Nhi Hồng, khấn cầu Đức Phật Quán Thế Âm.

(Thestaronline - October 18, 2009)

Các thành viên của cộng đồng Phật giáo chào mừng việc hoàn thành dự án trồng rừng - Photo: WTPL

VƯƠNG QUỐC ANH: Khánh thành 'Rừng Phật Quang'

Luân Đôn, Vương quốc Anh - Một phần của khu rừng cổ xưa Epping vừa được đặt tên lại là " Phật Quang Lâm" để chào mừng việc trồng xong 4.500 cây xanh, do một cộng đồng Phật tử người Trung quốc thực hiện.

Vào năm 2006, với nguồn quỹ ban đầu từ các ban ngành hữu trách, Ban Quản trị Đất rừng đã mua địa điểm rộng 79 mẫu Anh này với mục đích bảo vệ vùng thôn quê xung quanh Luân Đôn.

Kể từ năm 2007, các thành viên của Chùa Phật Quang ở Trung tâm Luân Đôn đã quyên được hơn 5.000 bảng Anh tiền quỹ để trồng cây con trong một khu vực kế cận đường Abridge ở Theydon Bois.

Cộng tác cùng Ban Quản trị Đất rừng, các Phật tử nói rằng họ hy vọng khu rừng mới này sẽ là nơi dành cho các thế hệ tương lai tận hưởng và tôn quý thiên nhiên.

Đợt trồng cây cuối cùng tại đây có sự tham gia của các Hướng dẫn viên, Nữ Thiếu niên Hướng đạo, các đại diện từ Hội đồng Quận Essex và Hội đồng Xã Theydon Bois.

Lãnh đạo của cộng đồng là Chueh Ru nói: "Đây là một thời khắc đặc biệt về 'Đông Tây gặp gỡ' - là lần đầu tiên một cộng đồng Phật giáo được thành lập ở Viễn Đông trồng cây tại phương tây, và là lần đầu tiên hội Phật Quang Sơn Luân Đôn từ khu Cực Tây của Luân Đôn đến Theydon Bois để trồng cây".

Rừng Phật Quang được mở miễn phí cho công chúng suốt cả năm.

(Guardian - October 20, 2009)

TÍCH LAN: Các Đại Trưởng lão tăng kiến nghị lập một Hội đồng kiểm duyệt sách Phật giáo

Colombo, Tích Lan - Một lá thư của các Đại Trưởng lão tăng thuộc 3 Bộ phái đã được gửi đến Tổng thống Mahinda Rajapaksa, kiến nghị việc lập ra một Hội đồng Đại Tăng già và những người thế tục để xét duyệt những sách viết về Phật giáo.

Các Đại Trưởng lão của 3 Bộ phái Siyam, Amarapura và Ramanya trong một lá thư chung gửi Tổng thống Rajapaksa đã cho rằng thủ tục này đã trở thành một sự cần thiết để ngăn chặn và tránh được sự xuất bản các cuốn sách xuyên tạc cuộc đời của Đức Phật và Phật giáo.

Các vị đại tăng cho biết một số sách xuất bản gần đây đã viết sai về cuộc đời Đức Phật, học thuyết của Ngài và các thời đại của Phật giáo.

Các vị đã nêu tên hai cuốn sách cụ thể để chứng minh về sự xuyên tạc này, trong đó có thông tin sai về ngày sinh, sự giác ngộ và học thuyết của Đức Phật cùng những sự kiện khác về cuộc đời Ngài.

Có thể ngăn ngừa những điều sai trái như vậy nếu như bản thảo các sách viết về Phật giáo và cuộc đời của Đức Phật được nộp cho một hội đồng gồm các cao tăng và học giả duyệt xét trước khi chúng được xuất bản.

(Daily Mirror - October 23, 2009)

TRUNG QUỐC: Phát hiện các tranh Phật giáo khắc đá tại tỉnh Thanh Hải

Thanh Hải, Trung quốc - Theo Sở Di tích Văn hoá tỉnh Thanh Hải, các tranh Phật giáo khắc trên đá đã được tìm thấy trên một khu vực rộng lớn tại Khu Tự trị Tây Tạng Yushu ở phía tây nam tỉnh này.

Các chuyên gia tin rằng khám phá mới này sẽ soi sáng cho việc nghiên cứu về lịch sử và sự phát triển của Giáo phái Gelug của Phật giáo Tây Tạng.

Trong cuộc khảo sát cấp quốc gia lần thứ ba tại tỉnh Thanh Hải, một đội khảo sát đã tìm thấy các tranh chư Phật được khắc trên bốn tảng đá vôi cùng với các câu khắc bằng chữ Tây Tạng.

Các tranh này nằm rải rác trên một diện tích 1.000 mét vuông, lớn nhất là tranh Đức Phật Quan Âm Nghìn Tay và cảnh đầu thai. Tranh này dài 6 mét và rộng 3 mét.

Một thành viên của đội khảo sát kết luận rằng việc tạo tác các tranh khắc trên đá như thế đã bắt đầu từ Triều đại nhà Minh (1368 - 1644) và tiếp tục vào thời nhà Thanh (1644 - 1911), và có liên quan đến lịch sử cũng như tầm quan trọng của việc giới thiệu với khu vực này về Giáo phái Gelug của Phật giáo Tây Tạng.

(People's Daily - October 23, 2009)

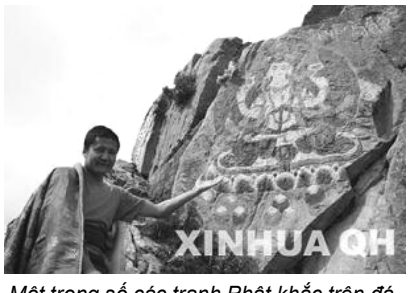

Một trong số các tranh Phật khắc trên đá thời cổ được tìm thấy tại tỉnh Thanh Hải, Trung quốc - Photo: Xinhua QH

MÃ LAI Á: Xuất bản sách về Phật giáo đầu tiên bằng tiếng Laganda

Kuala Lumpur. Mã Lai Á - Đại Tịnh xá Phật giáo ở Brickfields, Kuala Lumpur phát hành ấn bản Phật pháp đầu tiên bằng tiếng Luganda, ngôn ngữ của người Uganda ở châu Phi.

Đây là ngôn ngữ thứ 16 được thực hiện bởi Chương trình Xuất bản Miễn phí của Đại Tịnh xá, đáp ứng cho các cộng đồng Phật giáo trên khắp thế giới.

Hàng năm Tịnh xá này xuất bản khoảng 200.000 đến 300.000 sách Phật giáo bằng nhiều thứ tiếng, và cũng sản xuất các đĩa CD, VCD và MP3 để phát miễn phí.

Sách Phật giáo bằng tiếng Laganda đầu tiên này là cuốn "Phương pháp thực hành đạo Phật" của Thượng toạ Tiến sĩ K. Sri Dhammananda, do Nicholas K. Ssewanyana và Tom Kyembe dịch.

Sách được biên tập bởi vị tăng sĩ người châu Phi bản xứ duy nhất hiện nay là thượng toạ Bhante U. Buddharakkhita. Ông cũng là người có công trong việc lập ra Trung tâm Phật giáo Uganda ở Kampala, là trung tâm Phật giáo đầu tiên ở châu Phi được lập bởi một nhà sư người Phi bản địa.

Trung tâm đất nước Uganda và dân số Phật tử nơi đây đang tăng chậm với sự bảo trợ của Phật tử hải ngoại và các cộng đồng nhỏ những người Trung quốc, Thái Lan, Miến Điện và Tích Lan tha hương.

(The Buddhist Channel - October 23, 2009)

THÁI LAN: Sự quan ngại về sức khoẻ kém của giới tăng sĩ

Bangkok, Thái Lan - Trong cuộc họp vào ngày 26 - 10, Bộ trưởng Bộ Sức khoẻ Công cộng Witthaya Kaewparadai thông báo với 100 viên chức từ các bệnh viện và phòng y tế về các kết quả từ một cuộc điều tra ngẫu nhiên sức khoẻ của 80.945 tăng sĩ tại tất cả các vùng (trong số 300.000 nhà sư và sa di trên cả nước) vào năm ngoái. Ông nói chỉ có 44% của số tu sĩ này là khoẻ mạnh, còn khoảng 56% là ốm yếu.

Ông khẳng định rằng các nhà sư và sa di bị bệnh có thể được chữa trị miễn phí tại các bệnh viện nhà nước qua hệ thống y tế công cộng.

Thủ đô Bangkok còn có Bệnh viện Tu sĩ, là bệnh viện duy nhất trên thế giới dành riêng cho giới tăng sĩ. Và mục đích của cuộc họp là lập ra một hệ thống để di chuyển an toàn các tăng sĩ bị bệnh, giữa Bệnh viện Tu sĩ và các bệnh viện ở Bangkok và trong nội địa, để họ có thể được chữa trị và phục hồi sức khoẻ gần chùa của mình.

Bộ trưởng Witthaya nói rằng sức khoẻ của tăng sĩ và các nhóm khác sẽ được chăm sóc tốt, nhờ vào các kế hoạch đến năm 2012 sẽ có 9.000 bệnh viện khu vực và sẽ đào tạo được 970.000 viên chức và tình nguyện viên.

(The Nation - October 27, 2009)

HOA KỲ: Hội nghị chuyên đề về các Chùa Hang của Vương quốc Kucha

L.A, California - Vào chiều ngày 22 - 11 - 2009, một hội nghị chuyên đề về các Chùa Hang của Vương quốc Kucha sẽ diễn ra tại Viện Khảo cổ Cotsen của trường Đại học California tại Los Angeles (UCLA).

Vương quốc ốc đảo Kucha tại Tân Cương (Trung quốc) từng là một trung tâm Phật học trong suốt thiên niên kỷ thứ nhất sau Công nguyên ở Trung Á. Vị vua xuất chúng nhất của Kucha đã bảo trợ cho việc xây dựng nhiều khu liên hợp những chùa hang.

Dù đã bị huỷ hoại, những chùa này vẫn còn tồn tại và được xếp hạng trong số những di tích lịch sử nghệ thuật nổi bật nhất trên Con đường Tơ lụa. Với sự pha trộn của những ảnh hưởng từ các vùng Âu Á khác nhau, tầm quan trọng về lịch sử nghệ thuật của những chùa hang Kucha đã được những nhà thám hiểm ngoại quốc ghi nhận lần đầu tiên vào đầu thế kỷ 20.

Học viện Kizil (toạ lạc tại vùng Kucha) của Trung quốc rất quan tâm đến việc lập ra một "Dự án Kucha Quốc tế", mà nếu các nỗ lực hiện nay thành công thì dự án sẽ sớm được khởi động với trụ sở là trường Đại học Yale, bang Connecticut.

Khoa Sáng kiến Trung Á của Viện Châu Á cùng hợp tác với Viện Khảo cổ Cotsen (đều thuộc UCLA) để tổ chức hội nghị chuyên đề về nghệ thuật và lịch sử của các chùa hang vùng Kucha. Giáo sư Yiengpruksawan (khoa Lịch sử Nghệ thuật trường Đại học Yale) và nhiều học giả đã viếng Kucha sẽ thuyết trình về các hang động vùng này, với mục đích chính là cùng các đồng nghiệp ở Bờ Tây Hoa Kỳ thảo luận các kế hoạch cho một Dự án Kucha Quốc tế.

(ABN - October 27, 2009)

ẤN ĐỘ: Chính phủ Thái Lan cấp quỹ xây pho tượng Phật cao 100 feet tại Lộc Uyển (Sarnath)

Lucknow, Uttar Pradesh - Một trong những tượng Đức Phật cao nhất thế giới sẽ sớm được khánh thành tại Lộc Uyển, trung tâm hành hương gần Varanasi - nơi Ngài thuyết pháp lần đầu tiên.

Tượng bằng sa thạch cao 100 feet này đang được tạo tác tại Tịnh xá Phật giáo Thái Lan ở Sarnath, giống với hai tượng Phật cao nhất thế giới ở tỉnh Bamiyan của A Phú Hãn (đã bị Taliban phá huỷ vào năm 2001). Dự án tượng Lộc Uyển khởi động cách đây 10 năm, nhưng phải đình lại do tịnh xá gặp khó khăn về tài chính.Công trình được tiếp tục vào 3 năm trước với sự giúp đỡ của chính phủ Thái Lan.

Khi hoàn thành công trình, tượng này sẽ là biểu tượng lớn nhất tại Lộc Uyển và có thể nâng tầm thánh địa này trong thứ hạng các trung tâm hành hương Phật giáo.

Cá vị chức sắc của Tịnh xá Thái Lan không tiết lộ ngân khoản cho việc làm tượng là bao nhiêu, nhưng theo các nguồn tin cho biết thì đến nay đã chi phí 50 triệu USD.

Tịnh xá Thái Lan này là một trong nhiều tự viện được thành lập bởi các nước ngoại quốc như Miến Điện, Trung quốc, Nhật bản và Tích Lan. Mỗi khu liên hợp của các chùa chiền này đều có những tượng Phật lớn, nhưng tượng đang xây tại Lộc Uyển là cao nhất. (The Telegraph - November 2, 2009)

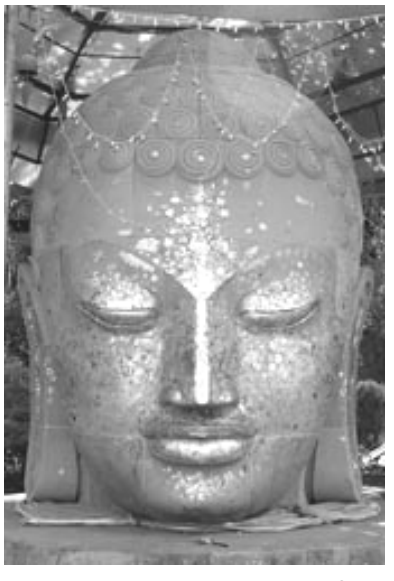

Tượng đầu Đức Phật tại Lộc Uyển
Photos: The Telegraph

Bác Sĩ

ĐỖ CẢNH MINH, M.D.

14441 Brookhurst St., # 6, Garden Grove, CA 92843
(Góc Brookhurst & Hazard)

Điện thoại: (714) 418-0488

CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

- Bệnh Nội Khoa Người Lớn và Trẻ Em
- Bệnh tiểu đường, bướu cổ và các bệnh đau nhức
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mề đay, suyễn
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mục cóc, lở ngứa
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn

ĐẢM TRÁCH LỌC MÁU TẠI CÁC TRUNG TÂM LỌC THẬN "DIALYSIS CENTER"

Nhận Medical / Caloptima Medicare và bảo hiểm

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 am - 6 pm
Thứ Bảy: 9:30 am - 3:00 pm
Đóng cửa Thứ Năm và Chủ Nhật

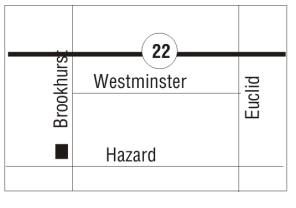

FARMERS INSURANCE GROUP
Symbol of Superior Service

FARMERS
Auto • Home • Life • Business • Workers Compensation

Mike T Huynh
Insurance Agent
Cell #: 714-415-9555
License #: 0G50985

18000 Studebaker Road, Suite 350
Cerritos, CA 90717
Bus: 562-246-0911
Fax: 562-246-0918

thuynh@farmersagent.com

Bồ Đề

BUDDHIST SUPPLY & GIFT

Wu's Import & Export Corporation

1629 S. Del Mar Ave., San Gabriel, CA 91776
(trong tiệm Wu's Rosewood Furniture)
Mở cửa 10am - 7pm * Làm việc 7 ngày trong tuần

- **Tượng Phật, Bồ-Tát khắc bằng đồng mạ vàng, đá quý, gỗ quý đàn hương, trầm hương**
- **Chuỗi Bồ-đề, Kim-cang, Mã-não, Ngọc-thạch, Huyền, Kim-sa, Trân-châu, Bạch-ngọc, Trai, Bồ-đề Minh-nguyệt, Dạ-quang, Trầm-hương v.v...**
- **Chuông mõ lớn nhỏ đủ size, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng Nhật-bổn.**
- **Tràng-phan đủ size, nhang đèn cúng Phật, áo tràng, áo vạt khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...**
- **Có nhận làm đèn Dược Sư, Đại Hồng Chung, tượng Phật thờ theo yêu cầu của quý vị.**

TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO CHUYÊN PHÁT HÀNH PHẬT TƯỢNG VÀ CÁC LOẠI TẶNG PHẨM, LỄ PHẨM PHẬT GIÁO

Ngoài ra chúng tôi có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa

(Tiếng Việt) Cô A-PHÓN **(626) 280-2598**

FAX: **(626) 286-4732**

DONGNAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ Y KHOA
9081 Bolsa Ave., Suite # 108, Westminster, California
(gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of America)

Tel: (714) 379-5072 * Fax: (714) 379-5074

DƯỢC SĨ TRẦN ĐỨC HIẾU & DƯỢC SĨ TRẦN THỊ LƯU ÁI

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:
- XE LĂN - NẠNG CHỐNG - NẠNG TẬP ĐI (Walker)
- GIƯỜNG BỆNH VIỆN Và CÁC ĐỒ DÙNG PHỤ THUỘC (Hospital Bed và accessories)
- DỤNG Cụ AN TOÀN TRONG PHÒNG TẮM (Bathroom Safety Products)
- CÁC LOẠI MÁY ĐO ĐƯỜNG TRONG MÁU (Blood Glucose Monitor)
- MÁY ĐO HUYẾT ÁP (Blood Pressure Monitor)

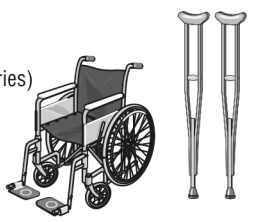

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:
- CÁC LOẠI DƯỢC PHẨM BÁN THEO TOA (Prescription Drugs) HAY BÁN TỰ DO (OTC Drugs)
- CÁC LOẠI SẢN PHẨM NUÔI DƯỠNG BỆNH NHÂN QUA ỐNG CHUYỂN VÀO RUỘT HAY CHUYỂN VÀO MÁU (Enteral và parental Nutrition products)
- CÁC VẬT DỤNG DÀNH CHO BỆNH NHÂN TIỂU TIỆN BẤT THƯỜNG (Incontinence products)
- CÁC VẬT DỤNG DÀNH RIÊNG CHO BỆNH NHÂN GIẢI PHẪU LỖ THÔNG QUA THÀNH BỤNG (Ostomy products) TÚI DẪN LỖ THÔNG ĐẠI TRÀNG (Colostomy products)

SẢN PHẨM TỐT - ÂN CẦN - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG
NHẬN MEDICAL, MEDICARE, CÁC LOẠI BẢO HIỂM AETNA, ALTARX, BLUE CROSS, BLUE SHIELD, CARE MARK, CIGNA, COMPLETE, DIVERSIFIED, EXPRESS SCRIPTS, FOUNDATION, GEHA, HEALTHNET, MET LIFE, PACIFICARE, PAID, PCS, PCN, PERFORM, PERCARE, RESTAT, RX NET, SCRIPCARD, TRAVELER, VALUE RX

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 10:00 AM - 3:00 PM

NEWLAND Pharmacy

8401 Westminster Blvd., Westminster, CA 92683

Dược sĩ PHẠM KIỀU LIỄU

- Bán thuốc theo toa Bác sĩ
- Nhận Medicare, Medi-cal, Caloptima, MSI và các loại Bảo hiểm sức khỏe

Pharmacy Hours:
Mon - Fri: 10:00 am - 6:00 pm
Sat: 10:00 am - 4:00 pm

Tel: **(714) 892-5372**
Fax: **(714) 893-1359**

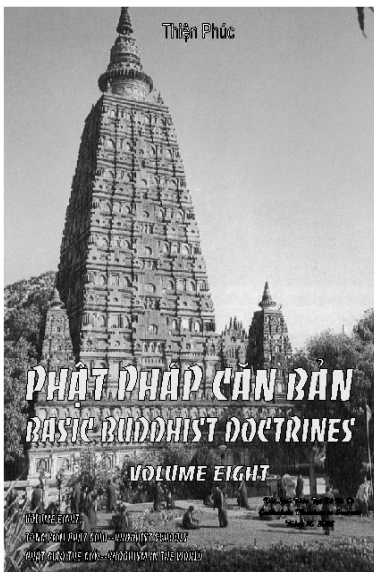

Quý vị nào muốn thỉnh bộ ***Phật Pháp Căn Bản*** của Thiện Phúc, xin liên lạc **Chùa Liên Hoa (714) 636-7725,** hoặc **Chùa Bát Nhã (714) 571-0473**

Mortgage Relief Law Center

Văn Phòng Luật Sư
BRIAN J. COLOMBANA

4748 El Cajon Blvd. *(Góc Euclid)* ♦ San Diego, CA 92115
www.anbinhdichvu.com
(619) 281-6076

PHAN TRUNG KIÊN
888-262-4641

CHUYÊN LO VỀ: Loan Modification & Forensic Loan Audit

NẾU QUÝ VỊ NẰM TRONG TÌNH TRẠNG SAU ĐÂY
- ► Đã trễ tiền nhà những tháng vừa qua và nguy cơ mất nhà trong một ngày không xa.
- ► Đang bị thất nghiệp hay gặp khó khăn về tài chánh.
- ► Giá trị căn nhà của Quý Vị thấp hơn món nợ khổng lồ mà Quý Vị hiện tại đang có hoặc các món nợ ARM, NEG. ARM sắp đáo hạn.

Hãy gọi PHAN TRUNG KIÊN hôm nay Để Được Giúp Đỡ:
(619) 281-6076
- ▪ Giảm tiền lời và tiền nhà hàng tháng.
- ▪ Kéo dài thêm thời hạn, ngăn chặn nhà bị tịch thu
- ▪ Sửa lại nợ mới 5 yrs, 30 yrs hoặc 40 yrs fixed để phù hợp khả năng tài chánh.
- ▪ Giảm tiền nợ xuống bằng giá thị trường hoặc thấp hơn tùy theo nhà Bank.

Mọi Tham Khảo đều miễn phí

LẤY THÀNH TÍN & QUYỀN LỢI CỦA THÂN CHỦ LÀM PHƯƠNG CHÂM PHỤC VỤ KỂ TỪ NĂM 1988.

Làm việc trên khắp 50 tiểu bang Hoa Kỳ

PNA INSURANCE AGENCY, INC.

Since: 1988
PROTECTING YOU & YOUR LOVED ONES !

AUTO REGISTRATION
(619) 281-6666
www.pnainsurance.com
Lic # 0738009 - OE72688
4748 El Cajon Blvd., San Diego, CA 92115
(Góc Euclid & El Cajon Blvd)

AUTO - HOME - HEALTH - LIFE - BUSINESS - DISABILITY

- ► Bằng lái ngoại quốc hay bằng viết - **OK**. Hoặc chưa lấy được bằng.
- ► Không từ chối bất cứ trường hợp nào. Cấp ngay Policy & SR22 tại PNA.
- ► Giá hạ bất ngờ cho các xe cắt cỏ, towing truck, xe bán cà-rem, catering truck.
- ► Giá discount cho những xe làm thương mại.
- ► Đặc Biệt: Phan Trung Kiên nhận bảo hiểm nhân thọ trên khắp 50 tiểu bang Hoa Kỳ không cần khám bệnh hoặc đã bị các công ty khác từ chối.

PNA AUTO REGISTRATION
- ► Nhận sang tên xe lấy ngay sticker tại chỗ
- ► Nhận xe từ các tiểu bang khác đến California
- ► Đổi bảng số xe khỏi xếp hàng chờ đợi v.v..

GIỜ LÀM VIỆC:
Mon - Fri: 9:00 AM - 6:00 PM
Sat: 10:00 AM - 2:00 PM
(619) 281-6666

Kevin Le
Realtor/Loan Specialist

ERA Superior Real Estate

9134 Edinger Ave.
Fountain Valley, CA 9208

Cell: (714) 254-5092
Office: (714) 375-3000
Fax: (714) 375-3001
E-mail: kle77@yahoo.com

Each ERA (R) Office is Independently Owned and Operated

Bồ Đề Tịnh Tâm Chay 1 & 2

Vegetarian Restaurant

Open 7 days:
Mon - Thur: 09am to 09pm
Fri - Sun: 09am to 10pm

* 15131 Moran St., # 417, Westminster, CA 92683
(trong khu thương xá Phước Lộc Thọ)
* 15352 Beach Blvd., Westminster, CA 92683
(góc đường McFadden và Beach)
Điện thoại: **(714) 891-4455 / (714) 891-5809**

Food to go.
Tinh khiết, bổ dưỡng, thơm ngon

Có giá đặc biệt cho
Hội Đoàn, Nhà Thờ, Chùa

120 Món ăn Chay ngon hơn ăn Mặn

Parking rộng, đậu xe thoải mái

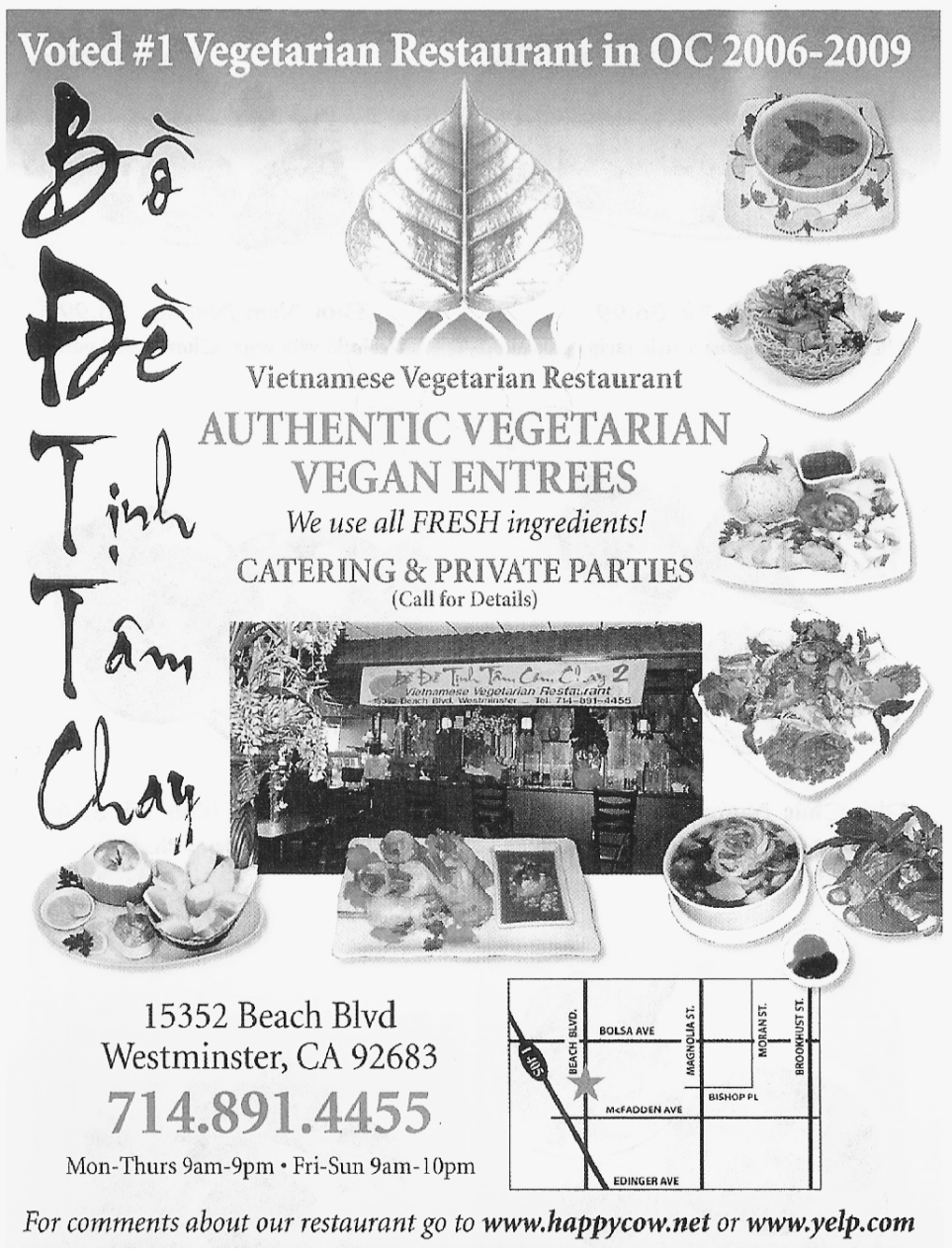

15131 Moran St. # 417
Westminster, CA 92683
714.891.5809
Mon-Thurs 9am-9pm * Fri-Sun 9am-10pm

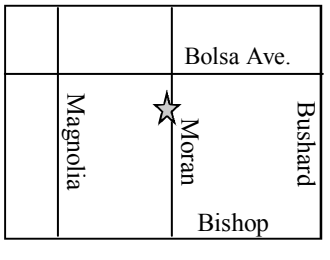

PIANO LESSONS

& GUITAR, VIOLIN, VOICE... Etc. LESSONS
TẠI SAO NÊN CHỌN HỌC Ở ĐÂY?

- Dạy từng nhóm hay từng cá nhân - Đủ lứa tuổi, đủ trình độ
- Điều hành bởi **Giáo Sư Dr. BOB RIOS, Ph.D.** Tốt nghiệp USC, Cựu Hội trưởng MTAC, Giám khảo và Trưởng ban điều hành các kỳ thi tiểu bang. Đã từng phục vụ tại Little Saigon trên 30 năm với nhiều học viên từng thắng giải tiểu bang & toàn quốc.
- Dạy Lý thuyết, Sáng tác và Trình diễn cho các kỳ thi.

Đặc biệt
Mùa Hè
(for new student only)
$99/ 6 weekly lessons
Free học liệu
Free lệ phí ghi danh
Có giá trị từ 6/28/09 đến 8/28/09
Register now & save

THE PIANO PLACE

Xin gọi cô Thủy (714) 899-4823
14441 Beach Blvd., #100, Westminster, CA 92683 *(gần góc Hazard)*

Realty-Plus

Real Estate isn't just about property, it's about people

PAULINE TA
KEVIN D. TA
R. E. Broker

Tel.: ***(626) 523-2774***
(714) 369-8047
Fax: ***(626) 609-2353***

EQUAL HOUSING OPPORTUNITY
REALTOR® MULTIPLE LISTING SERVICE MLS®

2720 River Ave., # 206
Rosemead, CA 91770
Email: kevindta@yahoo.com
www.LOANFACTORYinc.com

HỆ THỐNG NHÀ HÀNG HươngGiang

HƯƠNG-GIANG Restaurant
14564 Brookhurst St.,
Westminster, CA 92683
Tel.: **(714) 531-4930**
www.huonggiangfoodtogo.com
Open 7 days: 8:00 AM - 8:00 PM

HƯƠNG-GIANG Food To Go
14282 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843
Tel.: **(714) 531-1798**
www.huonggiangfoodtogo.com
Open 7 days: 7:00 AM - 7:00 PM

HƯƠNG-VỸ Restaurant
9372 Westminster Blvd.,
Westminster, CA 92683
Tel.: **(714) 379-0900**
Open 6 days: 9:00 AM - 10:00 PM
Closed Tuesday

ỦNG HỘ CÔNG TÁC TÌNH THƯƠNG CỦA NHÓM PHƯỢNG VỸ
Mrs. Nguyễn Bích Nga
(Cựu nữ sinh Đồng Khánh)

NHẬN ĐẶT TIỆC

THANH SƠN *đậu hủ ngon ghê*
Em ơi đi chợ nhớ về đừng quên

THANH SƠN TOFU
LÒ ĐẬU HỦ

Chuyên sản xuất, bán sỉ, lẻ:
Đậu hủ trắng, chiên, đậu hủ đường gừng
và sữa đậu nành nóng hàng ngày.
ĐẶC BIỆT:
Bánh cuốn tráng tay và các món ăn chay,
Rau, Trái cây tươi ngon

THANH SƠN TOFU
9688 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92844
Tel.: (714) 534-2100

T.SIGNS LÀM BẢNG HIỆU

15151 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683
Tel. (714) 890-0932
Fax: (714) 891-5602

Lic. C45 # 735992
HỒ ANH TUẤN
Cựu Tù Nhân Chính Trị Z.30C

LÀM BẢNG HIỆU VỚI GIÁ WHOLESALE
BANNER, CẮT CHỮ ĐỢI LẤY LIỀN

CHUYÊN LÀM CÁC LOẠI BẢNG HIỆU:
- Thùng đèn, chữ hộp đèn
- Neon Window • Chữ Plastic Nổi, Foam
- Menu Box • Magnetic Sign
- Dùng hệ thống Computer Signmaker để Design, Layout cắt Logo và Chữ
- Window Lettering
- Real Estate Sign.

BẢO ĐẢM PHẨM CHẤT TỐT
ĐÚNG HẸN • GIÁ PHẢI CHĂNG

Mở cửa 7 ngày trong tuần
9:00 AM - 6:00 PM

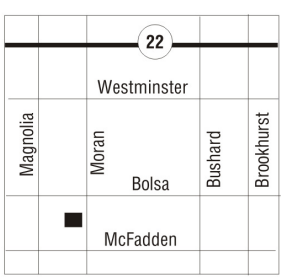

CHÁNH PHÁP

Địa chỉ liên lạc:
803 S. Sullivan St.
Santa Ana, CA 92704 – U.S.A.
Tel.: **(714) 571-0473**

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Phát hành: ĐĐ. Thích Đồng Trực

Chủ bút: Vĩnh Hảo
Tổng Thư ký: Trí Thể
Trị sự: Quảng Hải
Với sự cọng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:* (714) 571-0473
- *Chi phiếu ủng hộ:* xin ghi "CHANH PHAP" và gửi về địa chỉ trên.

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành… Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net

Thành Kính Cung Nghinh
Phật Ngọc Cho Hòa Bình Thế Giới

Jade Buddha For Universal Peace

Chiêm Bái Phật Ngọc

Nguyện Cầu Đạo Pháp Trường Tồn. Thế Giới Hòa Bình. Chúng Sanh An Lạc

TU VIỆN PHÁP VƯƠNG

715 Vista Ave., Escondido, CA 92026 – Tel: (760) 739-8063 / (619) 283-7655
Fax: (858) 689-9369 – Email: phatngoc_hoabinh_tvpv@yahoo.com

Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật được điêu khắc bằng khối Ngọc Thạch lớn nhất thế giới, được Cung Thỉnh và Chiêm Bái tại Tu Viện Pháp Vương từ ngày 07 – 16 tháng 02 năm 2010.

Trong Kinh Thủ Ấn Tăng Tín Lực, Đức Phật dạy: *"Chỉ một phút giây ngắn ngủi chiêm ngưỡng Phật tượng, hành giả ấy đã được vô lượng công đức, huống chi người ấy được đối trước tượng Phật lễ bái, cúng dường, thì công đức ấy còn nhiều gấp bội."*

Thành tâm kính mời quý Đồng hương, đồng bào Phật tử hoan hỷ tham dự chương trình Triển Lãm Phật Ngọc.

*** Lễ Khai Mạc:**
- 3:00 giờ chiều, Chủ Nhật, ngày 07 tháng 02 năm 2010
(nhằm ngày 24 tháng chạp năm Kỷ Sửu)

*** Lễ Bế Mạc:**
- 11:00 giờ trưa, Thứ Ba, ngày 16 tháng 02 năm 2010
(nhằm ngày mồng 3 Tết Canh Dần)

Kính chúc quý Đồng hương, đồng bào Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý.

Tu Viện Pháp Vương, ngày 30 tháng 08 năm 2009
Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

CHÁNH PHÁP
803 S. Sullivan Street
Santa Ana, CA 92704

TO: _____

_____

_____

Báo Chánh Pháp Số 8, tháng 12 năm 2009 do Hòa thượng Thích Thắng Hoan (Bắc Calif.) ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành kính tri ân. Kính nguyện Hòa thượng pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ.